

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
PHÂN HIỆU ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG TẠI KON TUM
---[?]---

BÁO CÁO TỔNG KẾT

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA SINH VIÊN

NĂM HỌC 2023-2024

Thuộc nhóm ngành khoa học: Xã hội

The University
UDCK of Danang
Campus in Kontum

HỢP PHÁP HÓA HÔN NHÂN ĐỒNG GIỚI TẠI VIỆT NAM

Người hướng dẫn : ThS. Trương Thị Hồng Nhung

Kon Tum, tháng 5 năm 2024

LỜI CAM ĐOAN

Chúng tôi xin cam đoan bài báo cáo với đề tài “*Hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới tại Việt Nam*” là công trình nghiên cứu khoa học của nhóm chúng tôi.

Các số liệu thống kê trong báo cáo đều trung thực và có nguồn gốc rõ ràng, chưa từng được công bố ở bất kỳ công trình nghiên cứu khoa học nào.

Chúng tôi xin chịu mọi trách nhiệm về công trình nghiên cứu của mình./.

Kon Tum, ngày 24 tháng 5 năm 2024

Nhóm tác giả

Nguyễn Thị Ngọc Liễu

LỜI CẢM ƠN

Lời đầu tiên nhóm tác giả xin gửi lời cảm ơn chân thành này đến ThS Trương Thị Hồng Nhung – người đã hết lòng giúp đỡ nhóm và hỗ trợ nhóm thực hiện đề tài “*Hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới tại Việt Nam*”. Nhờ sự định hướng và tận tình hướng dẫn của cô, nhóm đã hoàn thành báo cáo cho đề tài nghiên cứu khoa học này đúng thời hạn.

Với lòng biết ơn sâu sắc, nhóm tác giả xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Ban Giám đốc, cán bộ giảng viên khoa Luật – Sư phạm nói riêng và Phân hiệu Đại học Đà Nẵng tại Kon Tum nói chung đã tạo điều kiện, hướng dẫn và có những ý kiến đóng góp bổ ích giúp nhóm tác giả thực hiện và hoàn thành đề tài.

Do chưa có nhiều kinh nghiệm và trình độ nghiên cứu nên nhóm vẫn còn những mặt hạn chế, và không tránh khỏi những thiếu sót. Nhóm chúng em rất mong nhận được sự góp ý của các thầy cô để bài viết của nhóm được hoàn thiện hơn, giúp cho chúng em có thêm những kinh nghiệm quý báu trong những nghiên cứu sau này./.

Xin trân trọng cảm ơn!

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT	1
MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài	1
2. Tổng quan tình hình nghiên cứu	3
3. Mục tiêu nghiên cứu.....	4
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	4
5. Phương pháp nghiên cứu đề tài	4
6. Bố cục	5
CHƯƠNG 1	6
MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ THỪA NHẬN HÔN NHÂN ĐỒNG GIỚI	6
1.1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ QUYỀN CƠ BẢN CỦA CON NGƯỜI	6
1.1.1. Khái niệm về quyền con người.....	6
1.1.2. Các tính chất của quyền con người.....	6
1.1.3. Nội dung quyền con người	7
1.2. ĐỊNH NGHĨA VỀ ĐỒNG GIỚI VÀ HÔN NHÂN ĐỒNG GIỚI.....	9
1.2.1. Khái niệm đồng giới	9
1.2.2. Khái niệm hôn nhân đồng giới	10
1.2.3. Nhận thức và quan điểm xã hội về người đồng giới.....	11
1.3. MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ HÔN NHÂN ĐỒNG GIỚI TRONG PHÁP LUẬT VIỆT NAM.....	12
1.3.1. Hôn nhân trong pháp luật Việt Nam.....	12
1.3.2. Hôn nhân đồng giới trong pháp luật Việt Nam	15
1.3.3. Quan điểm về vấn đề hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới tại Việt Nam.....	18
KẾT LUẬN CHƯƠNG 1.....	20
CHƯƠNG 2	21
THỰC TRẠNG VỀ HÔN NHÂN ĐỒNG GIỚI TẠI VIỆT NAM	21
2.1. THỰC TRẠNG VẤN ĐỀ HÔN NHÂN ĐỒNG GIỚI TẠI VIỆT NAM	21
2.1.1. Tình hình kết hôn đồng giới ở Việt Nam.....	21
2.1.2. Đánh giá vấn đề kết hôn đồng giới tại Việt Nam	21
2.2 NHỮNG LÝ DO CẦN THỪA NHẬN HÔN NHÂN ĐỒNG GIỚI TẠI VIỆT NAM	23

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2.....	34
CHƯƠNG 3.....	35
KINH NGHIỆM MỘT SỐ QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI VỀ HỢP PHÁP HÓA HÔN NHÂN ĐỒNG GIỚI VÀ KIẾN NGHỊ NHẪM HỢP PHÁP HÓA HÔN NHÂN ĐỒNG GIỚI TẠI VIỆT NAM	35
3.1. NGHIÊN CỨU MỘT SỐ QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI VỀ HỢP PHÁP HÓA HÔN NHÂN ĐỒNG GIỚI VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM.	35
3.1.1. Pháp luật về quyền của người đồng giới tại một số quốc gia trên thế giới ..	35
3.1.2. Kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới về việc hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới	39
3.1.3. Một số bài học kinh nghiệm cho Việt Nam trong việc hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới	42
3.2. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HỢP PHÁP HÓA HÔN NHÂN ĐỒNG GIỚI TẠI VIỆT NAM.....	44
3.2.1. Cần nâng cao nhận thức về người đồng giới và tầm quan trọng của việc hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới tại Việt Nam	44
3.2.2. Ban hành, sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới tại Việt Nam.....	45
3.2.3. Cần cung cấp các dịch vụ	48
KẾT LUẬN CHƯƠNG 3.....	49
KẾT LUẬN	50
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	52
PHỤ LỤC	54
PHIẾU KHẢO SÁT	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT	1

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

STT	Viết tắt	Thuật ngữ	Tiếng anh
1	LGBT	Đồng tính nữ, đồng tính nam, song tính, chuyển giới	Lesbian, Gay, Bisexual. Transgender
2	iSEE	Viện nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường	
3	ILGA	Hiệp hội Đồng tính, song tính, chuyển giới và Lưỡng tính Quốc tế	International Lesbian, Gay, Bisexual, Trans and Intersex Association,
4	WHO	Tổ chức y tế thế giới	
5	LHQ	Liên hợp quốc	
6	Luật HN&GD	Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014	

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Đồng giới, song tính, chuyển giới (LGBT) cho đến nay không còn là vấn đề xa lạ trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Thực tế đã có nhiều quốc gia trên thế giới công nhận về vấn đề hôn nhân giữa những người cùng giới tính. (Tính đến nay đã có 35 quốc gia công nhận về điều này) [14]. Tuy nhiên vẫn còn một số quốc gia e ngại về việc chấp nhận hôn nhân đồng giới, trong đó có Việt Nam. Đồng giới trên thế giới thực tế đã có lịch sử tồn tại từ lâu đời, đã trải qua nhiều thời kỳ lịch sử, có lúc đồng giới bị xem là bệnh hoạn, bị phạt tiền và thậm chí là áp dụng án tử cho việc kết hôn đồng giới. Theo luật của Somalia quy định bất cứ quan hệ đồng giới nào đều sẽ bị phạt tù, ở một số vùng miền Nam Somalia, các toà án Hồi giáo đặt ra luật đạo Hồi và xử tội chết đối với hành động này.

Ngày 17/5/1990, Tổ Chức Y tế Thế giới (WHO) cũng đã chính thức loại bỏ đồng tính luyến ái ra khỏi danh sách bệnh Tâm thần và cũng khẳng định “*đồng tính hoàn toàn không phải là bệnh*”, vậy nên đồng tính không cần phải chữa, không thể chữa và không thể thay đổi được [13]. Dù vậy, Việt Nam vẫn xảy ra tình trạng kỳ thị, phân biệt đối xử với những người đồng giới, họ thường gặp rất nhiều khó khăn trong đời sống lẫn công việc. Điều đó khiến họ luôn tìm cách che giấu cảm xúc và giới tính thật của bản thân. Việc nói ra bản thân mình là người đồng giới là một điều không hề dễ.

"Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc" – đây là câu nói bất hủ trong bản Tuyên ngôn độc lập của nước Việt Nam [15]. Suy rộng ra, câu ấy có ý nghĩa là: tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng; dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do. Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được. Bác đã lần nữa khẳng định rõ về việc con người ta được sinh ra trên đời, ai cũng có quyền được mưu cầu hạnh phúc, một trong những quyền cơ bản nhất. Người đồng giới cũng là con người, cũng khao khát được yêu, khao khát được thừa nhận, khao khát được hạnh phúc và muốn biến tình yêu ấy đơm hoa kết trái thành những gia đình. Nhưng trên thực tế, dù xã hội ngày nay đã có nhiều sự tiến bộ trong văn hóa- xã hội, vẫn còn nhiều trở ngại lớn ngăn cản họ tiến đến bình đẳng với những người dị giới (nam và nữ). Đến nay, hôn nhân đồng giới vẫn là vấn đề gây tranh cãi, đôi khi còn gây chia rẽ xã hội sâu sắc. Những người ủng hộ hôn nhân đồng giới cho rằng, việc hợp pháp hóa kiểu hôn nhân này là để đảm bảo nhân quyền, sự bình đẳng giữa các xu hướng tính dục và giảm phân biệt đối xử trong xã hội.

Ngày nay, những người đồng tính không còn quá xa lạ đối với chúng ta. Đường như họ là điều mà không thể thiếu và không thể tách rời khỏi xã hội. Những người đồng giới đã và đang có những cống hiến, đóng góp vào sự phát triển của xã hội Việt Nam. Và việc thừa nhận hôn nhân đồng giới ở Việt Nam là việc cho thấy sự bình đẳng, công bằng của các quyền dân sự, quyền xã hội như những người khác. Chúng ta đều mong

muốn có quyền được yêu, quyền được mưu cầu hạnh phúc, đó là những giá trị cơ bản của con người. Vì vậy, việc ủng hộ người đồng giới đi theo con đường mưu cầu hạnh phúc là điều đương nhiên trong xã hội này.

Thực tiễn có thể thấy tại các phiên tòa xét xử đã có một số vụ việc liên quan đến quyền và nghĩa vụ về tranh chấp tài sản giữa những người đồng tính có quan hệ chung sống với nhau, nhưng thực tế thì vẫn chưa có cơ sở pháp lý để giải quyết các tranh chấp đó.

Theo các nghiên cứu, thì người đồng tính tại Việt Nam chiếm khoảng 3-5% dân số trong độ tuổi từ 15-59, tức khoảng 1,65 triệu người. Tuy nhiên, hiện chưa có một văn bản pháp lý nào của Việt Nam thừa nhận hôn nhân đồng giới. Trong khi đó Hiến Pháp 1992 nước ta đã quy định *“mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật”* [8]; và một lần nữa tại Hiến Pháp 2013, đã khẳng định rõ tại điều 14 *“Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật.”* [9]; điều 16 *“Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật. Không ai bị phân biệt đối xử trong đời sống chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội.”* [9]; Điều 26 *“Ng nghiêm cấm phân biệt đối xử về giới.”* [9]. Những điều trên cho thấy mặc dù Việt Nam không thừa nhận nhưng cũng không cho phép có bất kỳ sự phân biệt đối xử nào vì lý do giới tính hay xu hướng tính dục của mỗi người. Bên cạnh đó, Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014 chỉ thừa nhận mối quan hệ giữa nam và nữ mà không thừa nhận kết hôn của những người cùng giới tính.

Theo đó, tại Luật Hôn nhân gia đình 2014 điều 5, khoản 2 về bảo vệ chế độ hôn nhân và gia đình quy định *“Cấm”* các hành vi kết hôn giả tạo, ly hôn giả tạo, tảo hôn, cưỡng ép kết hôn, cản trở kết hôn;... [7]. Vậy vấn đề ở đây là nếu như người đồng giới vì lý do áp lực từ gia đình, xã hội mà phải kết hôn với người khác giới thì hành vi đó có được xem là hành vi tự nguyện, tiến bộ hay không? Đây rõ ràng là nguyên tắc cơ bản để bắt đầu mối quan hệ hôn nhân và cũng là điều kiện để đảm bảo hạnh phúc, bền vững của gia đình. Hơn nữa, nếu người bạn đời kết hôn với người đồng tính mà không biết về xu hướng tính dục của vợ/chồng thì sẽ là hành vi cấm được quy định tại điều 5, khoản 2 luật này về kết hôn giả tạo và sẽ bị xử phạt. Những hạn chế đó, pháp luật cần phải có những thay đổi để đảm bảo rằng khi thực thi sẽ tốt trong xã hội.

Kết quả từ các nghiên cứu về quan hệ chung sống và gia đình của người đồng tính tại Việt Nam đều đã cung cấp bằng chứng về các quan hệ tình cảm gắn kết lâu dài của những người đồng tính. Một nghiên cứu cho rằng năm 2019 cho thấy rằng nhóm tuổi trẻ gần 20% đang trong mối quan hệ kéo dài từ 4 năm trở lên. Tỷ lệ này lên tới gần 73% với nhóm độ tuổi từ 35 tuổi trở lên, có thể thấy rằng phần lớn người đồng tính ở độ tuổi trưởng thành đang ở trong mối quan hệ tình cảm lâu dài. Thông qua các cuộc khảo sát của các cặp đôi đồng tính cho thấy cuộc sống của họ đều có cam kết, trách nhiệm, sự sẻ chia và hy sinh để duy trì một gia đình bền vững. Những cặp đôi có con chung, đứa trẻ là sợi dây gắn kết mối quan hệ giữa họ. Qua đó, ta thấy được các cặp đôi đồng giới tại Việt Nam cũng giống như các cặp đôi khác giới, những giá trị về sự thủy chung, cam kết và sự hy sinh cho gia đình đều hiện diện ở các cặp đôi, bất kể giới tính nào. Về vấn

đề không thủy chung hay đổ vỡ trong hôn nhân có thể xảy ra ở tất cả các cặp đôi, bất kỳ giới tính nào.

Mặc dù luật dân sự đã công nhận quyền thay đổi giới tính tuy nhiên lại không có một văn bản pháp luật nào tại Việt Nam công nhận quyền kết hôn giữa những người đồng giới. Việc không được pháp luật thừa nhận đồng nghĩa các cặp đôi đồng giới không được hưởng bất kỳ các quyền nào được liệt kê trong Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Xuất phát từ những lý do trên nên nhóm chúng em quyết định chọn đề tài “**Hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới tại Việt Nam**”. Bằng phương pháp lý luận qua đề tài này nhóm chúng em muốn làm sáng tỏ những vấn đề về hôn nhân đồng giới tại Việt nam qua đó góp phần hoàn thiện các quy định của pháp luật Việt Nam về đảm bảo quyền kết hôn của những người đồng giới tại Việt Nam.

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Tại Việt Nam, vấn đề đồng tính luyến ái hay cụ thể hơn là vấn đề hôn nhân đồng giới không còn xa lạ. Đề tài này tiếp cận các vấn đề nghiên cứu từ các góc độ như: tiếp cận từ cơ sở lý luận và tiếp cận từ thực tiễn. Đã có rất nhiều bài báo, đề tài nghiên cứu khoa học và các khía cạnh khác nhau quan tâm. Trong số các công trình nghiên cứu đó, tiêu biểu có thể kể đến:

Thạc sĩ Nguyễn Thu Nam, “*Xu hướng và tác động xã hội của hôn nhân cùng giới: Xu hướng thế giới và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam*” được công bố tại tạp chí thông tin pháp luật dân sự năm 2012 – tác giả nghiên cứu làm rõ xu hướng đa dạng về những hình thức chung sống của những người đồng tính trong xã hội và sự nhìn nhận chung của Việt Nam.

Tiến sĩ Trương Hồng Quang, “*Quyền của người đồng tính, song tính, chuyển giới và liên giới tính tại Việt Nam - từ nhận thức đến thực tiễn*”, Luận án tiến sĩ luật học được công bố tại Học viện khoa học xã hội vào năm 2019. Đây là kết quả quá trình tác giả nghiên cứu về quyền của nhóm yếu thế tại Việt Nam (từ năm 2010 đến nay). Luận văn đi sâu vào nghiên cứu những quyền cơ bản của những người trong cộng đồng LGBT trong pháp luật quốc gia trên thế giới. Và nêu thực trạng và những biện pháp để hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam về vấn đề này trong tương lai.

Thạc sĩ Nguyễn Thị Minh Tâm, “*Quyền của người đồng tính: Lý luận và thực tiễn*”, Luận văn thạc sĩ luật học năm 2013. Tác giả đã đi sâu nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn về Quyền của người đồng tính. Luận văn cũng phân tích, đánh giá, so sánh những quan niệm trên thế giới đặc biệt là một số quốc gia có sự ảnh hưởng tương đồng về xã hội, tôn giáo với Việt Nam về người đồng tính.

Viện nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường (iSEE): là tổ chức hoạt động vì quyền của các nhóm thiểu số trong xã hội, nhằm hướng đến một xã hội công bằng, tự do và khoan dung, nơi các giá trị nhân bản được tôn trọng.

Thạc sĩ Nguyễn Thị Kim Tiến, “*Quyền của người đồng tính theo pháp luật Việt Nam hiện nay*”, Luận văn thạc sĩ luật học được công bố tại học viện khoa học xã hội vào năm 2019. Thông qua cơ sở lý luận và thực tiễn về pháp luật của một số quốc gia

trên thế giới, luận văn góp phần trong việc đưa ra các giải pháp nhằm xây dựng, sửa đổi các quy định của pháp luật để bảo vệ quyền đồng tính ở Việt Nam hiện nay.

Thạc sĩ Lê Thị Hạnh “*Kết hôn giữa những người LGBT dưới góc độ quyền con người*”, luận văn thạc sĩ luật học được công bố tại đại học quốc gia Hà Nội năm 2015. Luận văn nói lên nhiều khía cạnh khác nhau như y học, quyền con người, quyền kết hôn và những tranh cãi về việc cho phép hay không cho phép kết hôn giữa những người đồng tính.

Như vậy, nhóm tác giả về vấn đề muốn nhấn mạnh hơn về quyền kết hôn của những người đồng tính, các quyền chính đáng của những người đồng tính và vấn đề kết hôn giữa những người đồng tính có phải là quyền con người hay không, từ đó đưa ra những đề xuất, kiến nghị góp phần hoàn thiện quy định của pháp luật khi hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới tại Việt Nam để bảo đảm được các quyền và lợi ích của mỗi người.

3. Mục tiêu nghiên cứu

Đề tài đặt mục tiêu nghiên cứu là làm rõ vấn đề kết hôn đồng tính có phải là quyền con người hay không. Đồng thời phân tích, đánh giá tính khách quan và những vướng mắc trong thực tiễn áp dụng hôn nhân đồng giới ở Việt Nam. Qua đó, đề xuất các giải pháp góp phần hoàn thiện quy định của pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật khi hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới tại Việt Nam để đảm bảo quyền kết hôn của người đồng tính.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đề tài nghiên cứu quy định pháp luật về hôn nhân đồng giới và thực tiễn thực hiện pháp luật về vấn đề hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới tại Việt Nam.

Áp dụng thực tế các quy định về hôn nhân đồng giới, ban hành và áp dụng luật hôn nhân đồng giới ở nước ta hiện nay. Đề xuất một số giải pháp, kiến nghị nhằm góp phần hoàn thiện pháp luật về hôn nhân đồng giới nói riêng và luật hôn nhân gia đình nói chung trong quá trình hội nhập hóa, toàn cầu hóa. Từ đó rút ra được một số kinh nghiệm nhằm điều chỉnh quan hệ kết hôn đồng giới đối với Việt Nam.

Đề tài tập trung nghiên cứu những lý luận và quy định pháp luật Việt Nam vào thực tiễn về vấn đề hợp pháp hôn nhân đồng giới. Qua đó kiến nghị, đề xuất hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới tại Việt Nam.

5. Phương pháp nghiên cứu đề tài

Các phương pháp nghiên cứu được thực hiện trong đề tài là:

Phương pháp phân tích thực trạng hiện nay trên thế giới và Việt Nam: phương pháp phân tích được sử dụng để làm rõ thực trạng hôn nhân đồng giới tại Việt Nam và trên thế giới và đưa ra một số đề xuất, kiến nghị cho Việt Nam.

Phương pháp tổng hợp, thống kê số liệu thực tế thông qua khảo sát: được sử dụng chủ yếu trong chương 2, đánh giá tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài và thực trạng của người đồng giới, quyền và lợi ích của người đồng giới khi chưa được hợp pháp hóa

hôn nhân và một số vấn đề liên quan đến pháp luật về quyền của người đồng giới tại Việt Nam hiện nay.

Phương pháp phân tích quan điểm và đánh giá thực trạng pháp luật: phương pháp phân tích được sử dụng chủ yếu ở chương 1 nhằm làm rõ những quan điểm và thực trạng pháp luật từ những năm về trước cho đến hiện nay.

6. Bố cục

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của đề tài gồm 3 chương:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận về thừa nhận hôn nhân đồng giới.

Chương 2: Thực trạng pháp luật về hôn nhân đồng giới tại Việt Nam.

Chương 3: Kinh nghiệm một số quốc gia trên thế giới về hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới và kiến nghị nhằm hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới tại Việt Nam.

CHƯƠNG 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ THỪA NHẬN HÔN NHÂN ĐỒNG GIỚI

1.1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ QUYỀN CƠ BẢN CỦA CON NGƯỜI

1.1.1. Khái niệm về quyền con người

Quyền con người là quyền tự nhiên của con người và không bị tước bởi bất kỳ ai và bất kể tổ chức nào. Khái niệm về quyền con người là một khái niệm rất rộng cho nên quyền con người cũng được nhiều tổ chức định nghĩa khác nhau. Theo Văn phòng Cao ủy Liên hợp quốc thì quyền con người được định nghĩa như sau: “*Quyền con người là những bảo đảm pháp lý toàn cầu có tác dụng bảo vệ các cá nhân và nhóm chống lại những hoạt động hoặc sự bỏ mặc làm tổn hại đến nhân phẩm, tự do cơ bản của con người*”. [18]

Quyền con người là những quyền được ghi nhận và bảo vệ trong pháp luật. Ở Việt Nam, quyền con người và nghĩa vụ con người luôn được tôn trọng và bảo đảm. Có thể thấy việc ghi nhận quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân quy định trong Hiến pháp những năm 1946, 1959, 1980, 1992, Đảng và Nhà nước ta đã thực thi nhiều chính sách bảo đảm quyền con người, quyền và nghĩa vụ con người. Cụ thể thì Hiến pháp nước Cộng hòa năm 2013 đã dành cả chương 2 để quy định về quyền và nghĩa vụ cơ bản của con người, theo đó con người có quyền: quyền sống, quyền được bảo hộ tính mạng, sức khỏe; quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật đời tư; quyền được bảo hộ danh dự, uy tín, nhân phẩm; quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở, quyền tự do tín ngưỡng, quyền tự do ngôn luận;... Như vậy, việc tìm hiểu và nghiên cứu nội dung về quyền con người là nền tảng cho sự phát triển và tiến bộ xã hội.

1.1.2. Các tính chất của quyền con người

Quyền con người có những tính chất cơ bản là tính phổ biến, tính không thể chuyển nhượng, tính không thể phân chia và tính liên hệ và phụ thuộc lẫn nhau [19]:

Tính phổ biến của quyền con người: Tính phổ biến này thể hiện ở chỗ quyền con người là những quyền khi sinh ra con người vốn có, tất cả mọi thành viên trong gia đình nhân loại đều bình đẳng như nhau, không phân biệt đối xử với bất kỳ lý do gì.

Tính không thể chuyển nhượng: Các quyền bất khả xâm phạm của con người như quyền sống, quyền tự do và mưu cầu hạnh phúc. Các quyền này gắn với mỗi con người từ khi sinh ra và không thể chuyển nhượng cho bất kỳ người nào khác. Trừ các trường hợp đặc biệt, như phạm một tội ác mà bị tòa án tước quyền tự do,...

Tính không thể phân chia: Thể hiện các quyền của con người đều có giá trị pháp lý như nhau, không có quyền nào được coi là có giá trị pháp lý cao hơn quyền nào. Các quyền của con người gắn kết chặt chẽ với nhau, nếu tước bỏ một trong các quyền này đều sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến giá trị nhân phẩm và sự phát triển của con người.

Tính liên hệ và phụ thuộc lẫn nhau: Thể hiện ở việc bảo đảm các quyền con người, các quyền con người dù là các quyền dân sự, chính trị hay các quyền kinh tế, xã hội, văn hóa cũng đều có mối liên hệ và phụ thuộc lẫn nhau.

1.1.3. Nội dung quyền con người

Hiến pháp 2013 đã dành riêng một chương để nói về quyền con người, cụ thể được quy định tại Chương II nói về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân [9]. Theo đó, có thể hiểu quyền của con người như sau:

Một là, quyền con người về dân sự, chính trị theo Hiến pháp. Hiến pháp 2013 của Việt Nam quy định rất cụ thể. Theo đó mọi người được bình đẳng trước pháp luật; Không ai bị phân biệt đối xử trong đời sống chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài là bộ phận không tách rời của cộng đồng dân tộc Việt Nam; Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khuyến khích và tạo điều kiện để người Việt Nam định cư ở nước ngoài giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam, giữ quan hệ gắn bó với gia đình và quê hương, góp phần xây dựng quê hương, đất nước; Mọi người có quyền sống. Tính mạng con người được pháp luật bảo hộ; Không ai bị tước đoạt tính mạng trái luật; Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khỏe, danh dự và nhân phẩm; không bị tra tấn, bạo lực, truy bức, nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, sức khỏe, xúc phạm danh dự, nhân phẩm; Không ai bị bắt nếu không có quyết định của tòa án nhân dân, quyết định hoặc phê chuẩn của viện kiểm sát nhân dân, trừ trường hợp phạm tội quả tang. Việc bắt, giam, giữ người do luật định; Mọi người có quyền hiến mô, bộ phận cơ thể người và hiến xác theo quy định của luật. Việc thử nghiệm y học, dược học, khoa học hay bất kỳ hình thức thử nghiệm nào khác trên cơ thể người phải có sự đồng ý của người được thử nghiệm (Điều 20); Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình; có quyền bảo vệ danh dự, uy tín của mình. Thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình được pháp luật đảm bảo an toàn; Mọi người có quyền bí mật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác. Không ai được bóc mở, kiểm soát, thu giữ trái luật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư của người khác (Điều 21); Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở. Không ai được tự ý vào chỗ ở của người khác nếu không được người đó đồng ý (Điều 22); Mọi người có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Các tôn giáo bình đẳng trước pháp luật. Nhà nước tôn trọng và bảo vệ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo. Không ai được xâm phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo hoặc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để vi phạm pháp luật (Điều 24); Mọi người có quyền khiếu nại, tố cáo với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền về những việc làm trái pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền phải tiếp nhận, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Người bị thiệt hại có quyền được bồi thường về vật chất, tinh thần và phục hồi danh dự theo quy định của pháp luật. Nghiêm cấm việc trả thù người khiếu nại, tố cáo hoặc lợi dụng quyền khiếu nại, tố cáo để vu khống, vu cáo làm hại người khác (Điều 30); Người bị buộc tội được coi là không có tội cho đến khi được chứng minh theo trình tự luật định

và có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật; Người bị buộc tội phải được Tòa án xét xử kịp thời trong thời hạn luật định, công bằng, công khai. Trường hợp xét xử kín theo quy định của luật thì việc tuyên án phải được công khai; Không ai bị kết án hai lần vì một tội phạm; Người bị bắt, tạm giữ, tạm giam, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử có quyền tự bào chữa, nhờ luật sư hoặc người khác bào chữa; Người bị bắt, tạm giữ, tạm giam, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án trái pháp luật có quyền được bồi thường thiệt hại về vật chất, tinh thần và phục hồi danh dự. Người vi phạm pháp luật trong việc bắt, giam, giữ, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án gây thiệt hại cho người khác phải bị xử lý theo pháp luật.

Hai là, quyền con người về kinh tế, xã hội, văn hóa theo Hiến pháp

Mọi người có quyền sở hữu về thu nhập hợp pháp, của cải để dành, nhà ở, tư liệu sinh hoạt, tư liệu sản xuất, phần vốn góp trong doanh nghiệp hoặc trong các tổ chức kinh tế khác. Quyền sở hữu tư nhân và quyền thừa kế được pháp luật bảo hộ. Trường hợp thật cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh hoặc vì lợi ích quốc gia, tình trạng khẩn cấp, phòng, chống thiên tai, Nhà nước trưng mua hoặc trưng dụng có bồi thường tài sản của tổ chức, cá nhân theo giá thị trường (Điều 32). Mọi người có quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm (Điều 33). Người làm công ăn lương được bảo đảm các điều kiện làm việc công bằng, an toàn; được hưởng lương, chế độ nghỉ ngơi (khoản 2 Điều 35). Nghiêm cấm phân biệt đối xử, cưỡng bức lao động, sử dụng nhân công dưới độ tuổi lao động tối thiểu (khoản 3 Điều 35); Nam, nữ có quyền kết hôn, ly hôn: Hôn nhân theo nguyên tắc tự nguyện, tiến bộ, một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau. Nhà nước bảo hộ hôn nhân và gia đình, bảo hộ quyền lợi của người mẹ và trẻ em (Điều 36); Trẻ em được Nhà nước, gia đình và xã hội bảo vệ, chăm sóc và giáo dục; được tham gia vào các vấn đề về trẻ em. Nghiêm cấm xâm hại, hành hạ, ngược đãi, bỏ mặc, lạm dụng, bóc lột sức lao động và những hành vi khác vi phạm quyền trẻ em; Thanh niên được Nhà nước, gia đình và xã hội tạo điều kiện học tập và lao động, giải trí, phát triển thể lực, trí lực, bồi dưỡng đạo đức, truyền thống dân tộc, ý thức công dân; đi đầu trong công cuộc lao động sáng tạo và bảo vệ Tổ quốc; Người cao tuổi được Nhà nước, gia đình và xã hội tôn trọng, chăm sóc và phát huy vai trò trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc (Điều 37); Mọi người có quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, bình đẳng trong việc sử dụng các dịch vụ y tế và có nghĩa vụ thực hiện các quy định về phòng bệnh, khám bệnh, chữa bệnh (khoản 1 Điều 38); Mọi người có quyền nghiên cứu khoa học và công nghệ, sáng tạo văn học, nghệ thuật và thụ hưởng lợi ích từ các hoạt động đó (Điều 40); Mọi người có quyền hưởng thụ và tiếp cận các giá trị văn hóa, tham gia vào đời sống văn hóa, sử dụng các cơ sở văn hóa (Điều 41); Mọi người có quyền được sống trong môi trường trong lành và có nghĩa vụ bảo vệ môi trường. (Điều 43) Người nước ngoài đấu tranh vì tự do và độc lập dân tộc, vì chủ nghĩa xã hội, dân chủ và hoà bình hoặc vì sự nghiệp khoa học mà bị bức hại thì được Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho phép cư trú. (Điều 49)

1.2. ĐỊNH NGHĨA VỀ ĐỒNG GIỚI VÀ HÔN NHÂN ĐỒNG GIỚI

1.2.1. Khái niệm đồng giới

Đồng giới hay được gọi là đồng tính luyến ái, là một khái niệm chỉ sự hấp dẫn về tình yêu, tình dục hay quan hệ yêu đương giữa những người có cùng giới tính với nhau. Người đồng tính cũng như những người bình thường khác về mặt thể chất, tinh thần, họ chỉ khác về xu hướng tính dục [20].

- Đồng tính là một xu hướng tính dục của con người và không liên quan đến vấn đề giới tính. Một người mang giới tính nữ hoặc giới tính nam đều có thể mang xu hướng tính dục đồng tính, hoặc dị tính, song tính hoặc vô tính. Đây hoàn toàn không phải lựa chọn mà nó xuất hiện với bản chất tự nhiên, không phụ thuộc vào ý chí của con người, xuất hiện khi con người sinh ra và bộc lộ theo một giai đoạn nhất định.

Tính dục con người được tạo nên bởi 4 yếu tố:

(1) Giới sinh học: cấu trúc gen, ngoại hình, tuyến nội tiết,... do các yếu tố sinh học quy định.

(2) Bản sắc giới: sự cảm nhận của bản thân thuộc giới tính nam hay nữ.

(3) Thể hiện giới: sự thể hiện bằng những hành vi cư xử theo kiểu nam giới hay nữ giới.

(4) Xu hướng tính dục: chỉ sự hấp dẫn về mặt tình cảm, sự lãng mạn và hấp dẫn về mặt tình dục giữa những người có cùng giới tính (xu hướng tính dục cùng giới) hoặc khác giới tính (xu hướng tính dục khác giới) hoặc đối với cả hai giới tính (xu hướng song tính).

Xu hướng tính dục cùng giới là sự hấp dẫn với người có cùng giới tính, không bao giờ mong muốn mình có giới tính khác với giới tính khi được sinh ra. Những người có xu hướng tính dục cùng giới được gọi là người đồng tính luyến ái, bao gồm đồng tính luyến ái nam (Gay) và đồng tính luyến ái nữ (lesbian). Có nhiều bài nghiên cứu khoa học được thực hiện nhằm tìm ra căn nguyên dẫn đến hiện tượng bị hấp dẫn giữa những người có cùng giới tính ở một số người trong xã hội và hầu hết các nghiên cứu này đều chỉ ra rằng xu hướng tính dục được chịu chi phối bởi hai yếu tố sinh học và xã hội. Trường phái tâm thần học của Sigmund Freud đã đưa ra quan điểm rằng: trong khi hầu hết loài người sinh ra với khuynh hướng tính dục dị giới thì tâm sinh lý, với sự phát triển riêng của mình do các yếu tố bên trong và bên ngoài chi phối đã tạo ra hiện tượng đồng tính luyến ái. Các cuộc khảo sát, thống kê, của các nhà nghiên cứu tâm thần học đã đi đến kết luận rằng đồng tính luyến ái không phải là sự rối loạn tâm thần mà là một hiện tượng bình thường trong tự nhiên.

Hiệp hội Tâm lý học Hoa Kỳ - tổ chức nghiên cứu về lĩnh vực tâm thần học lớn nhất thế giới cho rằng đồng tính không phải là một sự rối loạn tâm sinh lý mà đây là một hiện tượng sinh học tự nhiên do các yếu tố di truyền và yếu tố môi trường tử cung tác động qua lại lẫn nhau ở giai đoạn đầu thai kỳ, hoàn toàn không phải là sự rối loạn tâm sinh lý. Vì thế người có xu hướng tính dục cùng giới không phải do chủ quan của họ lựa chọn xu hướng này. Trước khi quan điểm này đưa ra thì đồng tính đã từng bị liệt kê như một loại bệnh tâm thần trong cẩm nang về chuẩn trị và thống kê của các rối loạn tâm

thần cho đến tận năm 1973 thì Hiệp hội tâm lý Hoa Kỳ đã đưa ra những dẫn chứng, nghiên cứu để đưa ra kết luận về sự tồn tại của xu hướng tính dục có tính chất hiển nhiên và loại bỏ đồng tính luyến ái ra khỏi danh sách các triệu chứng và bệnh rối loạn tâm thần. Hiện nay, hầu hết các nhà tâm thần học, tâm lý học và các chuyên gia sức khỏe tâm thần đã thống nhất rằng đồng tính không phải là một loại bệnh. Ngày 17/5/1990, tổ chức y tế thế giới (WHO) đã chính thức loại bỏ đồng tính ra khỏi danh sách bệnh tâm thần.

Như vậy, thì chúng ta cần khẳng định lại rằng đồng tính không phải bệnh mà đó là một xu hướng tính dục tự nhiên. Chúng ta có thể thấy rằng thực tế thì người đồng tính xuất hiện ở mọi nền tảng về văn hóa, mọi tầng lớp, làm việc bình thường trong mọi ngành nghề và theo báo cáo của tổ chức y tế thế giới (WHO) thì có khoảng 3% dân số có thiên hướng dễ bị tổn thương nên họ cần được sự quan tâm và đảm bảo các quyền lợi chính đáng của họ.

1.2.2. Khái niệm hôn nhân đồng giới

Hôn nhân đồng giới hay còn gọi là hôn nhân cùng giới, là sự kết hợp pháp giữa hai người có cùng giới tính, thường là nam - nam, nữ - nữ. Hôn nhân đồng giới được công nhận khi được công nhận và được bảo vệ bởi pháp luật tại quốc gia cho phép. Nó được coi như là một hình thức hôn nhân bình đẳng với hôn nhân truyền thống giữa nam và nữ ở nhiều quốc gia trên thế giới. Khi hôn nhân đồng giới được công nhận thì các cặp đôi đồng giới cũng được hưởng các quyền lợi và nghĩa vụ hôn nhân như các cặp vợ chồng khác, bao gồm quyền sở hữu tài sản chung, quyền nuôi con, quyền thừa kế,... [20].

Không có nghiên cứu nào tại Việt Nam sử dụng thuật ngữ “Hôn nhân đồng giới” như một đối tượng nghiên cứu hay điều chỉnh của pháp luật. Tuy nhiên thì theo cách sử dụng của xã hội có thể hiểu là hôn nhân giữa những người có cùng giới tính. Cần phải nhấn mạnh ở đây về yếu tố đồng tính có cùng giới tính vì nếu hai người đồng tính mà khác giới thì đó vẫn chính là hôn nhân giữa những người khác giới tính và đây là hôn nhân truyền thống được pháp luật Việt Nam công nhận. Thực tế hôn nhân đồng giới theo cách hiểu trên là hôn nhân giữa những người có cùng giới tính, tùy vào từng quốc gia mà được xét dựa trên các yếu tố về giới tính hoặc về giới của những người kết hôn, mà không dựa trên xu hướng tính dục. Tại Việt Nam giới ở đây được quy định là giới tính, bên cạnh trường hợp giữa những người có cùng giới tính còn có trường hợp:

(1) Một trong hai hoặc cả hai đều là người song tính

(2) Một trong hai người là người chuyển giới có bản dạng giới khác với giới tính của người còn lại. Thực tế thì đây là một mối quan hệ khác giới tuy nhiên vì do pháp luật về việc chuyển đổi giới tính còn chưa hoàn thiện nên trước pháp luật thì hai người vẫn có cùng giới tính. Người còn lại trong mối quan hệ có thể là người song tính, người liên tính, người dị tính hoặc người chuyển giới. Ví dụ như hoa hậu Hương Giang là người chuyển giới nữ, Hương Giang bị hấp dẫn bởi nam giới tuy nhiên thì trước pháp luật thì Hương Giang với bạn trai vẫn là người có cùng giới tính.

Như vậy có thể thấy rằng hôn nhân đồng giới không chỉ có người đồng tính, song tính mà cả người chuyển giới, người liên giới và cả người dị tính. Vì vậy, cần phải nhìn

nhận hôn nhân đồng giới là một vấn đề chung của cả xã hội và cần được đưa ra cân nhắc, xem xét chứ không phải chỉ là vấn đề của cộng đồng đồng tính. Hiểu rõ bản chất của mối quan hệ này có ý nghĩa quan trọng trong việc đánh giá tác động của việc thừa nhận hay không thừa nhận hôn nhân đồng giới.

Trong các cuộc khảo sát, nghiên cứu chỉ ra rằng hôn nhân đồng giới có mục đích giống như hôn nhân truyền thống. Những người đồng giới khi quyết định sống chung đều có quan niệm rất rõ ràng về sự gắn bó lâu dài và thể hiện mong muốn xây dựng và gìn giữ mối quan hệ này. Để đi đến quyết định này thì các cặp đôi đồng giới không chỉ là quyết định nhanh chóng mà dựa trên sự cân nhắc rất kỹ lưỡng. Cũng như các cặp đôi khác giới, các cặp đôi đồng giới sống chung với nhau đều cam kết dựa trên sự chung thủy, hỗ trợ lẫn nhau và hạnh phúc lâu dài. Họ chia sẻ gánh nặng với nhau từ kinh tế, từ trách nhiệm với gia đình hai bên và việc điều chỉnh bản thân để có thể hòa hợp được với nhau.

Cũng như điều kiện kết hôn của những cặp đôi khác giới, các cặp đôi đồng giới cũng đến với nhau dựa trên tình thân tự nguyện, bình đẳng, tiến bộ, tôn trọng, và không chịu sự ép buộc nào. Họ cũng đảm bảo các nguyên tắc của hôn nhân và không thuộc vào các trường hợp cấm của pháp luật. Tuy nhiên thì một số ý kiến cho rằng việc hôn nhân đồng giới là vi phạm nguyên tắc một vợ một chồng đã được pháp luật quy định rõ trong Hiến pháp và Luật hôn nhân và gia đình, nhưng thuật ngữ một vợ một chồng không đồng nghĩa với hôn nhân có một người vợ và một người chồng hay hôn nhân khác giới mà mỗi người chỉ được phép kết hôn với một người và phải chung sống thủy chung với đối phương, không được phép kết hôn, chung sống với người đã có vợ hay có chồng, hay có những hành vi tình cảm, tình dục với người khác khi đang trong mối quan hệ hôn nhân. Qua đó, có thể thấy hôn nhân đồng giới cũng không vi phạm chế độ hôn nhân một vợ một chồng hay bất kỳ nguyên tắc nào khác của hôn nhân truyền thống.

1.2.3. Nhận thức và quan điểm xã hội về người đồng giới

Hiện nay, phần lớn người dân chưa hiểu biết nhiều và đúng với khái niệm đồng tính luyến ái. Nhiều người không phân biệt được những khái niệm người đồng tính luyến ái, người chuyển đổi giới tính, người lưỡng tính, mặc dù đây là những khái niệm khác nhau. Đa số người ta cho rằng đàn ông nữ tính hay phụ nữ nam tính là những người đồng tính. Thực chất, người chuyển giới là người khi sinh ra về mặt y học là người mang giới tính nam/ nữ nhưng bản thân họ lại tự nhận nhận và cho rằng mình mang giới tính ngược lại nên đã tiến hành phẫu thuật chuyển đổi giới tính; người lưỡng tính là người bị hấp dẫn bởi hai giới (nam và nữ).

Bên cạnh đó, nhiều quan điểm cho rằng ngày nay nhóm người đồng tính ngày càng nhiều là do đua đòi, theo phong trào cũng khá phổ biến. Tuy nhiên, một bác sĩ cho biết ngày nay lượng người đồng tính dám thể hiện mình nhiều hơn không phải vì số lượng họ tăng lên mà vì cái nhìn của xã hội ngày nay đã dần thoáng hơn, không còn quá nhiều định kiến, phân biệt đối xử với họ như trước kia.

Nghiên cứu về định kiến, kỳ thị và phân biệt đối xử đối với người đồng tính và chuyển giới tại Việt Nam là một lĩnh vực quan trọng giúp hiểu rõ hơn về thực trạng xã

hội và vấn đề nhân quyền trong cộng đồng LGBT. Tại Việt Nam, vấn đề này vẫn chưa được chú ý đầy đủ và nhận thức cũng như kiến thức về LGBT vẫn còn nhiều hạn chế và thiếu thốn.

Thực tế cho thấy, người đồng tính tại Việt Nam phải đối mặt với nhiều dạng của định kiến và phân biệt đối xử, bao gồm sự dèm pha, xa lánh, sợ hãi và thậm chí là bạo lực. Nguyên nhân chính của tình trạng này là do thiếu kiến thức chính xác và đầy đủ về người đồng tính, song tính và chuyển giới (LGBT) trong xã hội, dẫn đến thái độ phân biệt đối xử và hành vi bạo lực. Thái độ này thường bắt nguồn từ môi trường gia đình, xã hội và thậm chí là từ nhân viên y tế khi họ cần đến các dịch vụ chăm sóc sức khỏe.

Với người đồng tính, sự kỳ thị và phân biệt đối xử có nguồn gốc từ việc kiến thức về xu hướng tính dục đồng giới vẫn còn hạn chế và thậm chí là sai lệch. Trước những năm 1990, việc nhận thức về đồng tính không được chú trọng trong các tri thức về tính dục tại Việt Nam và các khái niệm liên quan thường bị nhầm lẫn. Tuy nhiên, từ những năm 1990, việc loại bỏ đồng tính khỏi danh sách bệnh của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) đã làm cho nhận thức về vấn đề này phần nào thay đổi.

Đối với người chuyển giới, sự kỳ thị và phân biệt đối xử còn trầm trọng hơn nhiều so với người đồng giới. Họ thường phải đối mặt với sự kỳ thị từ cả trong cộng đồng người LGBT, nơi mà họ cũng gặp phải sự khó khăn trong việc được chấp nhận và tích cực giao lưu. Mặt khác, người chuyển giới cũng phải đối mặt với những định kiến và hạn chế về giới tính trong xã hội, từ việc gọi tên đúng giới tính đến việc được công nhận và chấp nhận trong xã hội.

Tuy nhiên, cũng có những tiến triển tích cực trong việc giảm thiểu định kiến và kỳ thị đối với người đồng tính tại Việt Nam. Sự phát triển của công nghệ thông tin và truyền thông đã làm cho những ý kiến cởi mở hơn về người đồng tính trở nên phổ biến hơn. Thế nhưng, vẫn còn rất nhiều công việc cần được thực hiện, bao gồm hoạt động truyền thông và giáo dục để giảm bớt định kiến và kỳ thị, từ đó bảo vệ quyền lợi và bình đẳng cho người đồng giới tại Việt Nam.

Nghiên cứu này là một phần của việc tiếp tục nâng cao nhận thức và hiểu biết về vấn đề của người đồng giới tại Việt Nam, đồng thời cũng đặt ra những vấn đề quan trọng cần được xem xét và giải quyết để tạo ra một môi trường xã hội bình đẳng và chân thành đối với tất cả mọi người, không phân biệt giới tính và bản tính.

1.3. MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ HÔN NHÂN ĐỒNG GIỚI TRONG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

1.3.1. Hôn nhân trong pháp luật Việt Nam

Hôn nhân là một sự sắp đặt của một xã hội để điều chỉnh mối quan hệ sinh lý giữa đàn ông và phụ nữ. Nó là một hình thức xã hội luôn luôn thay đổi trong suốt quá trình phát triển của mối quan hệ giữa họ, nhờ đó xã hội xếp đặt và cho phép họ sống chung và sinh con để cái với nhau, quy định quyền lợi và nghĩa vụ của họ. Hôn nhân có thể là kết quả của tình yêu. Hôn nhân là một mối quan hệ cơ bản trong gia đình ở hầu hết xã hội. Về mặt xã hội, lễ cưới thường là sự kiện đánh dấu sự chính thức bắt đầu của hôn

nhân. Về mặt luật pháp, đó là việc đăng ký kết hôn với cơ quan Nhà nước. Hôn nhân thường là sự kết hợp giữa một người đàn ông được gọi là chồng và một người phụ nữ được gọi là vợ. Ngoài ra còn tồn tại một số biến dị của hôn nhân khác như: hôn nhân đa thể, hôn nhân đồng tính,.. Tuy nhiên, hôn nhân 1 vợ - 1 chồng vẫn là loại hình hôn nhân cơ bản nhất, được pháp luật công nhận, trong khi các biến dị khác chỉ được công nhận ở một số ít quốc gia trong một số giai đoạn lịch sử.

Ở Việt Nam, hôn nhân và gia đình là chế định quan trọng nên được quy định cụ thể tại Hiến pháp 2013 và được cụ thể hóa trong luật Hôn nhân và gia đình. Theo Hiến pháp 2013 quy định: *“Công dân nam, nữ bình đẳng về mọi mặt. Nhà nước có chính sách bảo đảm quyền và cơ hội bình đẳng giới. Nghiêm cấm phân biệt đối xử về giới (Điều 26). Nam, nữ có quyền kết hôn, ly hôn. Hôn nhân theo nguyên tắc tự nguyện, tiến bộ, một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau (Khoản 1 Điều 36)”*. [9]

Chế độ hôn nhân và gia đình được quy định, bổ sung, thay đổi theo nhiều năm, bao gồm các năm 1959, 1986, 2000, 2014. Việt Nam đã có nhiều bước chuyển biến to lớn của pháp luật nhà nước về Hôn nhân gia đình.

Sắc lệnh số 97-SL ngày 22-5-1950 sửa đổi một số quy lệ và chế định trong dân luật là văn bản đầu tiên của Nhà nước ta quy định về quan hệ hôn nhân và gia đình, sắc lệnh gồm 15 điều, trong đó 8 điều quy định về vấn đề hôn nhân và gia đình. Luật hôn nhân và gia đình năm 1959 đã ghi nhận chế độ hôn nhân tự do và tiến bộ, một vợ một chồng (Điều 1) và cấm người đang có vợ, có chồng kết hôn với người khác (Điều 5). Cấm những người sau đây không được kết hôn: bất lực hoàn toàn về sinh lý; mắc một trong các bệnh hủi, hoa liễu, loạn óc, mà chưa chữa khỏi (Điều 10). Mọi nghi thức kết hôn khác đều không có giá trị về mặt pháp luật (Điều 11).

Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 tiếp tục khẳng định chế độ một vợ một chồng và quy định: Việc kết hôn do nam nữ tự nguyện quyết định, không bên nào được ép buộc bên nào, không ai được cưỡng ép hoặc cản trở (Điều 6). Mọi nghi thức kết hôn khác đều không có giá trị pháp lý (Điều 8). Cấm kết hôn trong những trường hợp sau đây : (a) Đang có vợ hoặc có chồng ; (b) Đang mắc bệnh tâm thần không có khả năng nhận thức hành vi của mình ; đang mắc bệnh hoa liễu ; (c) Giữa những người cùng dòng máu về trực hệ ; giữa anh chị em cùng cha mẹ, cùng cha khác mẹ hoặc cùng mẹ khác cha ; giữa những người khác có họ trong phạm vi ba đời ; (d) Giữa cha, mẹ nuôi với con nuôi (Điều 7).

Luật hôn nhân và gia đình 2000 quy định: Nam nữ kết hôn với nhau phải tuân theo các điều kiện sau đây: (1) Nam từ hai mươi tuổi trở lên, nữ từ mười tám tuổi trở lên; (2) Việc kết hôn do nam và nữ tự nguyện quyết định, không bên nào được ép buộc, lừa dối bên nào; không ai được cưỡng ép hoặc cản trở; (3) Việc kết hôn không thuộc một trong các trường hợp cấm kết hôn quy định tại Điều 10 của luật này;

Việc kết hôn bị cấm trong những trường hợp sau đây: (1) Người đang có vợ hoặc có chồng; (2) Người mất năng lực hành vi dân sự; (3) Giữa những người cùng dòng máu về trực hệ; giữa những người có họ trong phạm vi ba đời; (4) Giữa cha, mẹ nuôi với con nuôi; giữa người đã từng là cha, mẹ nuôi với con nuôi, bố chồng với con dâu, mẹ vợ với con rể, bố dượng với con riêng của vợ, mẹ kế với con riêng của chồng; (5) Giữa những

người cùng giới tính (Điều 10). Chế định cấm hôn nhân giữa những người cùng giới tính trong Luật Hôn nhân và Gia đình 2000 là cơ sở cho quy định tại Điều 8 Nghị định 87/2001/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình: hành vi kết hôn đồng giới có thể bị phạt từ 100 đến 500 nghìn đồng và buộc phải chấm dứt quan hệ hôn nhân trái pháp luật này.

Theo khoản 5 điều 3 luật Hôn nhân và gia đình 2014: “*Kết hôn là việc nam và nữ xác lập quan hệ vợ chồng với nhau theo quy định của Luật này về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn*”. Việt Nam quy định về điều kiện kết hôn tại Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 như sau:

“1. Nam, nữ kết hôn với nhau phải tuân theo các điều kiện sau đây:

a) Nam từ đủ 20 tuổi trở lên, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên;

b) Việc kết hôn do nam và nữ tự nguyện quyết định;

c) Không bị mất năng lực hành vi dân sự;

d) Việc kết hôn không thuộc một trong các trường hợp cấm kết hôn theo quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều 5 của Luật này.

2. Nhà nước không thừa nhận hôn nhân giữa những người cùng giới tính.”

(Điều 8)

Các nguyên tắc nền tảng của hôn nhân bao gồm: (1) Nguyên tắc hôn nhân tự nguyện, tiến bộ; (2) Nguyên tắc hôn nhân một vợ một chồng; (3) Nguyên tắc bình đẳng vợ chồng, bình đẳng nam nữ, không phân biệt, dân tộc, tôn giáo, quốc tịch; (4) Các thành viên trong gia đình xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; các thành viên trong gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; không phân biệt đối xử giữa các con; (5) Kế thừa và phát huy truyền thống văn hóa, đạo đức tốt đẹp của dân tộc về Việt Nam về hôn nhân và gia đình.

Các trường hợp cấm kết hôn được quy định tại khoản 2 Điều 5 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 gồm: (1) Kết hôn giả tạo, ly hôn giả tạo; (2) Tảo hôn, cưỡng ép kết hôn, lừa dối kết hôn, cản trở kết hôn; (3) Người đang có vợ, có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người khác hoặc chưa có vợ, chưa có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người đang có chồng, có vợ; (4) Kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng giữa những người cùng dòng máu về trực hệ; giữa những người có họ trong phạm vi ba đời; giữa cha, mẹ nuôi với con nuôi; giữa người đã từng là cha, mẹ nuôi với con nuôi, cha chồng với con dâu, mẹ vợ với con rể, cha dượng với con riêng của vợ, mẹ kế với con riêng của chồng; (5) Yêu sách của cải trong kết hôn; (6) Cưỡng ép ly hôn, lừa dối ly hôn, cản trở ly hôn; (7) Thực hiện sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản vì mục đích thương mại, mang thai hộ vì mục đích thương mại, lựa chọn giới tính thai nhi, sinh sản vô tính; (8) Bạo lực gia đình; (9) Lợi dụng việc thực hiện quyền về hôn nhân và gia đình để mua bán người, bóc lột sức lao động, xâm phạm tình dục hoặc có hành vi khác nhằm mục đích trục lợi.

Mục đích của việc của việc xác lập quan hệ hôn nhân là để cùng nhau chung sống và xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững. Các bên tham gia quan hệ hôn nhân phải tuân thủ các quy định của pháp luật. Khi kết hôn, các bên phải

tuan thủ các quy định về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn. Khi chấm dứt hôn nhân phải dựa trên những căn cứ pháp lý được pháp luật quy định .

Trong bối cảnh xã hội nước ta hiện nay, trước sự mở cửa của hội nhập, giao thoa của nhiều nền văn hóa, dưới sự tác động của nhiều yếu tố khác nhau như: chính trị, văn hóa, kinh tế, xã hội, khoa học kỹ thuật... đã hình thành nên nhiều suy nghĩ và phong cách sống khác nhau.

1.3.2. Hôn nhân đồng giới trong pháp luật Việt Nam

Dưới góc độ ngôn ngữ, thì cụm từ hôn nhân không còn xa lạ đối với chúng ta. Tuy nhiên thì để đưa ra được khái niệm chung nhất về hôn nhân thì lại có nhiều cách giải thích khác nhau. Trong từ điển tiếng việt cho rằng : “Hôn nhân là việc nam nữ chín thức lấy nhau làm vợ chồng”. Dưới góc độ xã hội, thì hôn nhân là mối quan hệ quan trọng trong việc xây dựng gia đình ở hầu hết các quốc gia trên thế giới. Mục đích của hôn nhân đó là duy trì bền vững giữa hai chủ thể trong mối quan hệ lâu dài, đảm bảo thỏa mãn về những nhu cầu về tinh thần và vật chất của cả hai bên. Hôn nhân được xã hội ghi nhận chính thức thông qua lễ cưới hỏi theo phong tục.

Trong khoa học pháp lý nói chung và khoa học Luật Hôn nhân và Gia đình nói riêng thì việc đưa ra một khái niệm đầy đủ về hôn nhân có ý nghĩa quan trọng thể hiện bản chất pháp lý của hôn nhân. Theo Ủy ban nhân quyền *“khái niệm gia đình có thể khác biệt trong vài khía cạnh, giữa các quốc gia, và ngay cả giữa các tôn giáo, và vì thế không thể đưa ra một định nghĩa chuẩn mực chung”*. Trong thực tiễn khoa học luật hôn nhân và gia đình ở Việt Nam và nước ngoài, nhiều khái niệm hôn nhân đã được các nhà làm luật các nhà nghiên cứu luật học đưa ra, chẳng hạn: Ở các nước theo hệ thống pháp luật Anh – Mỹ thì khái niệm đó là: *“Hôn nhân là sự liên kết tự nguyện suốt đời giữa một người đàn ông và một người đàn bà, mà không vì mục đích nào khác”*. Hay một số luật ở Châu Âu và Mỹ quan niệm: *“Hôn nhân là sự liên kết pháp lý giữa một người nam và một người nữ với tư cách là vợ chồng”*. Ở Việt Nam luật Hôn nhân và gia đình 2014 quy định rằng: *“Hôn nhân là quan hệ giữa vợ và chồng sau khi đã kết hôn”* (Điều 3, khoản 1), cùng với đó là quy định *“Kết hôn là việc nam và nữ xác lập quan hệ vợ chồng với nhau theo quy định của Luật này về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn”* (Điều 3 khoản 5).

Có thể thấy rằng dù cho có những cách lý giải khác nhau nhưng chung quy thì hôn nhân là một quan hệ dân sự đặc biệt và được xác lập, bảo vệ trên cơ sở các quy định của pháp luật bằng một sự kiện pháp lý, đó là kết hôn.

Theo Luật HN&GD Việt Nam hiện nay, việc kết hôn hợp pháp khi đảm bảo được hai yếu tố, đó là:

(1) Phải xuất phát từ ý chí tự nguyện của cả hai bên.

(2) Hôn nhân chỉ được Nhà nước thừa nhận khi việc xác lập quan hệ hôn nhân phải tuân theo các quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn.

Hiện nay, khi nhắc đến hai từ *“Hôn nhân”* thì người ta sẽ thường nghĩ đến các mối quan hệ hôn nhân giữa một người nam và một người nữ. Vậy thì giữa hai người có cùng giới tính sinh học (nam – nam, nữ - nữ) thì được gọi là gì?

Nhìn từ phía khách quan, hôn nhân đồng giới là hôn nhân giữa hai người có cùng xu hướng tính dục đồng giới. Họ cũng tuân theo quy luật tự nhiên trong việc xây dựng tình cảm: từ cảm xúc giới tính ban đầu, đến tình yêu, sau đó tiến đến hôn nhân.

Trước khi Luật hôn nhân và Gia đình 2014 ra đời thì người đồng tính Việt Nam gặp rất nhiều khó khăn. Họ đã phải chịu những sự kỳ thị hết sức gay gắt đến từ xã hội, gia đình, bạn bè. Khi đó người đồng tính không có những cơ hội tiếp xúc và cởi mở với xã hội như ngay này, họ luôn tìm cách che dấu bản thân và không muốn để cho xã hội phát hiện họ là người đồng tính. Vì khi họ bị phát hiện bản thân là người đồng tính thì đồng nghĩa với việc họ bị xem là “*bệnh hoạn*” và sẽ phải chịu sự kỳ thị, phán xét của xã hội. Xã hội thời điểm ấy có cái nhìn rất gay gắt với những người đồng tính, luôn tìm cách cô độc vì nghĩ đồng tính là “*bệnh*” và sẽ lây cho người khác, có nhiều trường hợp vô lý hơn là xem những người đồng tính như bị “*vong*” nhập cần được đuổi nên tìm đủ mọi cách từ bác sĩ đến những người tự gán cho mình cái mác “*thầy bùa*” về đuổi tà ma. Giai đoạn này xã hội chưa hiểu rõ về người đồng tính và cũng chưa muốn đi tìm hiểu về người đồng tính là như thế nào, từ đó dẫn đến sự kì thị gay gắt và tàn nhẫn đối với những người đồng tính. Gay gắt ở chỗ khi nhìn thấy hay nghe đến ai đó là người đồng tính thì biểu hiện của những người xung quanh không phải là sự cảm thông, chia sẻ, giúp đỡ mà là chế giễu, chửi mắng thậm chí là dùng những tác động vật lý lên những người đồng tính.

Tuy nhiên, áp lực đến từ xã hội cũng không đến mức khiến cho một người đồng tính mất hết niềm tin vào cuộc sống. Mà điều khiến cho họ tuyệt vọng không ai khác lại đến từ gia đình, người thân của họ. Khi ra ngoài họ phải chịu sự chỉ trích, xa lánh, xua đuổi của xã hội nên họ rất cần một ai đó hiểu họ, cảm thông và chia sẻ là nơi mà họ gửi trọn niềm tin, tình yêu. Nhưng thực tế lại phũ phàng, khi họ đặt chân về từ xã hội áp lực, mệt mỏi thì họ còn phải đối mặt với gia đình, người thân của mình. Những con người thể hiện ánh mắt căm ghét, ghê tởm hay dùng những từ cay độc không kém với những lời nói ở ngoài xã hội. Đau lòng hơn ngoài sự kì thị, thiếu sự cảm thông này mà đã có nhiều người đồng tính không thể chịu đựng được áp lực mà đã có những suy nghĩ tiêu cực dẫn đến những hậu quả vô cùng đáng tiếc và đau lòng. Họ không thể tự mình chống chọi lại được với những áp lực của gia đình, bạn bè, xã hội tạo ra cho họ.

Không chỉ không được sự công nhận của xã hội mà ngay cả những người đi đầu là những người làm luật cũng vấp phải sai lầm tương tự. Cụ thể được quy định tại điều 9 của Luật HN&GD năm 1959 “*Cấm kết hôn giữa những người cùng dòng máu về trực hệ; giữa cha mẹ nuôi và con nuôi. Cấm kết hôn giữa anh chị em ruột, anh chị em cùng cha khác mẹ hoặc cùng mẹ khác cha. Đối với những người khác có họ trong phạm vi năm đời hoặc có quan hệ thích thuộc về trực hệ, thì việc kết hôn sẽ giải quyết theo phong tục tập quán.*” và điều 7 Luật HN&GD năm 1986 quy định những điều cấm kết hôn trong những trường hợp sau đây: “*Người đang có vợ hoặc có chồng; người đang mắc bệnh tâm thần không có khả năng nhận thức hành vi của mình; đang mắc bệnh hoa liễu ; giữa những người cùng dòng máu về trực hệ ; giữa anh chị em cùng cha mẹ, cùng cha khác mẹ hoặc cùng mẹ khác cha; giữa những người khác có họ trong phạm vi ba đời; giữa cha, mẹ nuôi với con nuôi*”.

Và điều kiện kết hôn cũng không đề cập đến người đồng giới hay cũng không có điều luật “*cấm*” như Luật hôn nhân gia đình năm 2000. Luật HN&GD năm 2000 quy định tại điều 10 cấm kết hôn những trường hợp sau đây, trong đó tại khoản 5 quy định “*giữa những người cùng giới tính*”, có nghĩa là họ không còn có thể sống chung vì đây là hành vi trái pháp luật, nếu vi phạm sẽ bị xử phạt theo quy định của pháp luật. Khi điều luật này ra đời đã làm cho cộng đồng người đồng tính trở nên khó khăn hơn, họ càng cố gắng giấu giới tính thật của mình và không dám đứng lên sống thật với cảm xúc của chính mình. Có một câu hỏi ở đây là tại sao Luật HN&GD năm 1986 không đề cập cũng không cấm vậy thì liệu có khác gì so với Luật HN&GD năm 2000. Ta có thể thấy rằng Luật HN&GD năm 1968 người đồng tính không được đề cập đến nhưng cũng không bị pháp luật ngăn cản thì nếu xét theo ý nghĩa trong luật này thì họ vẫn có thể đám cưới và chung sống với nhau theo nguyện vọng của họ. Có thể thấy sự khó khăn trong giai đoạn này của những người đồng tính vì họ vừa phải đối mặt với xã hội, gia đình và còn phải đối mặt với sự ngăn cản của Luật hiện hành tại thời điểm đó. Vậy nên Luật HN&GD mới đã được điều chỉnh, sửa đổi bổ sung năm 2014 ra đời, bỏ quy định “*cấm kết hôn giữa những người cùng giới tính*” nhưng vẫn “*không thừa nhận hôn nhân giữa những người cùng giới tính*” tại khoản 2 điều 8. Có thể thấy rằng cộng đồng người đồng tính đến giai đoạn này đã dần được xã hội công nhận sự tồn tại của họ, và họ đã có những suy nghĩ, tư duy mới về cộng đồng người đồng tính. Giờ đây thì người đồng tính đã dần được tiếp xúc với xã hội một cách dễ dàng mà không cần phải giấu mình như trước kia. Thực tế thì xu hướng đồng tính không còn xa lạ với mọi người vì chúng ta có thể bắt gặp những người đồng tính ở mọi nơi, mọi phương tiện truyền thông hay thông tin đại chúng, họ đã và đang chứng minh khẳng định được bản thân dám sống thật đúng với giới tính của mình. Bên cạnh đó, không thể không nhắc đến Nhà nước, họ đã những suy nghĩ thoáng hơn, đã âm thầm giúp đỡ cộng đồng người đồng tính trong việc tiếp xúc với xã hội và tạo điều kiện để cho họ phát triển hơn.

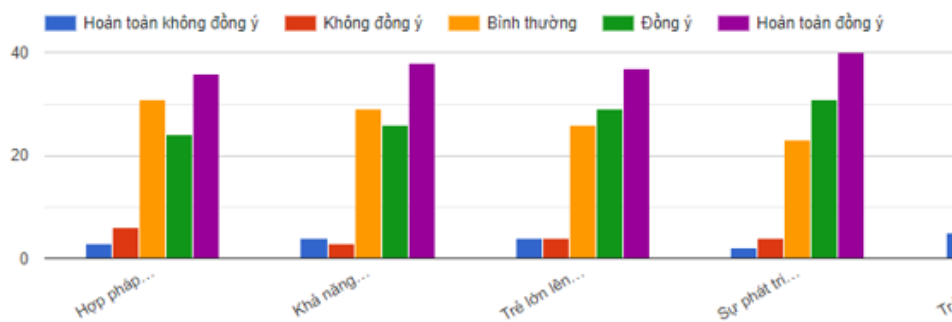
Ngày nay, người đồng giới cũng đã có những bước khởi đầu khá thành công khi họ đã và đang đến gần với công chúng, họ đã làm cho công chúng có cái nhìn tích cực hơn về người đồng giới, điển hình là những người rất thành công đạt được những thành tựu nhất định như: Hương Giang là hoa hậu chuyển giới quốc tế năm 2018, diễn viên BB Trần hay nhiều cặp đôi đồng giới chung sống, công khai và được xã hội quan tâm như: Múi Xù và Bi Bảo, John Huy Trần và Huỳnh Nhiệm, cặp đôi vừa đám cưới Ninh Anh Bùi,... Nhìn chung, một phần nào đó của xã hội đã công nhận người đồng tính là một phần hiện hữu của xã hội và không thể tách rời cũng như xóa bỏ nó được. Nhưng đây chỉ mới là bước khởi đầu của những người đồng giới ở Việt Nam, họ phải còn cố gắng hơn nữa để cho toàn bộ xã hội công nhận rộng rãi hơn [21].

Hôn nhân đồng giới cũng mang tính chính trị, xã hội, quyền con người, cũng như vấn đề tôn giáo trên thế giới. Do đó, thuật ngữ “*hôn nhân đồng giới*” tuy đã xuất hiện khá lâu nhưng vẫn còn rất nhiều tranh cãi xung quanh việc có nên công nhận như quan hệ hôn nhân dị tính hay nên công nhận bằng một mối quan hệ khác như kết hợp dân sự hay từ chối công nhận quyền và lợi ích, và tác hại của việc công nhận hay không công nhận của hôn nhân đồng giới.

Điều mà cộng đồng người đồng giới đang và sẽ hướng đến đó chính là sự công nhận của pháp luật Việt Nam, bởi vì chỉ khi họ được công nhận thì họ mới thật sự cảm thấy mình là một phần của xã hội và lúc đó họ sẽ nhận được sự bảo vệ của pháp luật về quyền và lợi ích của mình khi kết hôn giống như bao cặp đôi nam nữ khác. Nhóm tác giả mong rằng trong tương lai gần nhất thì cộng đồng những người đồng giới sẽ được pháp luật Việt Nam công nhận bảo vệ và phát triển rộng rãi hơn.

1.3.3. Quan điểm về vấn đề hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới tại Việt Nam

Pháp luật hôn nhân và gia đình Việt Nam hiện hành không thừa nhận hôn nhân đồng giới, nhưng cũng không cấm việc người đồng tính tổ chức lễ cưới hay chung sống với nhau. Hiện nay, vấn đề kết hôn giữa những người đồng tính là một vấn đề kết hôn giữa những người đồng tính là một vấn đề diễn ra phổ biến, công khai hiện nay. Tuy nhiên, trước khi Luật Hôn nhân và gia đình 2014 ra đời thì cộng đồng người đồng giới ở Việt Nam gặp rất nhiều khó khăn. Họ phải đối mặt với nhiều định kiến của xã hội. Trong môi trường giáo dục, họ rất dễ trở thành nạn nhân của bạo lực học đường. Không những thế, những người thân trong gia đình, đặc biệt là cha mẹ của họ không chấp nhận con cháu của mình mang xu hướng khác thường. Ở thời đại đó, họ không cơ hội tiếp xúc với xã hội như ngày nay, họ luôn che dấu bản thân không muốn để cho xã hội phát hiện họ là người đồng giới vì họ cho rằng đồng giới là một “*bệnh xã hội*”.



Biểu đồ 27. Quan điểm về một số nhận định dưới đây theo thang đo

Dựa trên những phân tích, đánh giá tại phiếu khảo sát (biểu đồ 27), nhóm tác giả ủng hộ pháp luật thừa nhận hôn nhân đồng giới ở Việt Nam vì:

Thứ nhất, thừa nhận hôn nhân đồng giới tại Việt Nam là bảo đảm quyền và lợi ích chính đáng của không chỉ cộng đồng người đồng giới mà còn cả các cá nhân khác đang bị kỳ thị, không được bảo vệ trong pháp luật Việt Nam. Theo Hiến pháp 2013 và pháp luật nhân quyền quốc tế thì bảo vệ cộng đồng người đồng giới là bảo đảm nguyên tắc bình đẳng, không phân biệt đối xử. Vì bản chất người đồng giới là những chủ thể hết sức bình thường của xã hội, họ có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, họ có quyền và lợi ích hợp pháp như những chủ thể khác. Nhà nước cần có nghĩa vụ công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm quyền của người dân bằng quy định và thực thi pháp luật.

Thứ hai, không thể chứng minh thừa nhận hôn nhân đồng giới là xâm phạm vào các trường hợp hạn chế của quyền con người như: lợi ích quốc gia, dân tộc, các quyền về an ninh tổ quốc,.. Các lo ngại được chỉ ra đó là không đủ cơ sở và không thuộc vào các trường hợp quy định trong Hiến pháp. Hôn nhân đồng giới không phải là một điều

xấu ảnh hưởng đến xã hội ngược lại việc ủng hộ hôn nhân đồng giới có nhiều điểm tích cực đối với các chủ thể khác không phải là người đồng giới như hạn chế khả năng trở thành nạn nhân của lừa dối kết hôn đối với người dị tính, tăng khả năng trẻ em mồ côi, lang thang không nơi nương tựa được những người trong gia đình đồng giới nhận nuôi, giảm áp lực đối với gia đình của những người đồng giới, không những thế còn thúc đẩy bình đẳng trong hôn nhân và xã hội.

Thứ ba, việc thừa nhận hôn nhân đồng giới là hoàn toàn phù hợp với xu thế chung của pháp luật quốc tế về nhân quyền trong bối cảnh hòa nhập như hiện nay. Ngoài ra việc này còn thể hiện tư duy cầu tiến, nhân văn, mong muốn phát triển xã hội theo chiều hướng văn minh, đảm bảo hạnh phúc và bình đẳng cho người dân. Trước đây người đồng giới được cho là ảnh hưởng bởi xu hướng của phương Tây, không phù hợp với văn hóa phương Đông. Tuy nhiên, những năm gần đây đã có sự thay đổi khả quan của dân Việt Nam đối với người đồng giới, trên báo đài và các trang mạng xã hội người ta cũng tuyên truyền về những chủ đề liên quan đến người đồng giới khiến cho người dân có cái nhìn tích cực hơn, đúng hơn về họ. Cùng với sự kiện Đài Loan hợp pháp hóa hôn nhân đồng năm 2019 cho dù thấy có khác biệt văn hóa thì phương Đông cũng chia sẻ chung thần yêu, nhân văn và bình đẳng.

Thứ tư, ngoài tỷ lệ ủng hộ việc hôn nhân đồng giới thì quan điểm về vấn đề trên ở Việt Nam cũng chưa hoàn toàn được ủng hộ nhưng thực tế hầu hết các vấn đề từng được đưa ra thảo luận, hiếm có vấn đề nào được tất cả người dân ủng hộ và đồng tình ở thời điểm đưa ra quyết định. Các hoạt động về cộng đồng người đồng giới xuất hiện nhiều hơn để minh chứng cho cộng đồng ngoài kia biết rằng người đồng giới không hề cô độc. Các bạn ấy cần tự tin vào bản thân, nắm bắt được điểm mạnh của mình và tự hào về bản thân của mình, xây dựng cho mình một vị trí xã hội thật tốt, đảm bảo cuộc sống của mình luôn được an toàn và lành mạnh. Hiện nay người dân chưa thật sự hiểu biết về quyền con người và quan điểm của người dân chưa thực sự thống nhất thì pháp luật cần là kim chỉ nam, là khung hướng dẫn để người dân có cơ sở áp dụng vào cuộc sống của họ

Thứ năm, Việt Nam là một trong những nước ký cam kết liên quan đến quyền con người, do đó việc thừa nhận hôn nhân đồng giới thể hiện trách nhiệm của Việt Nam trong việc thực hiện các cam kết đó. Trong các năm qua, Việt Nam đã có nhiều nỗ lực trong việc đảm bảo các quyền con người. Theo đó, những thay đổi trong Luật hôn nhân và gia đình 2014 đã cho thấy rằng trong thời gian qua cũng thể hiện sự ủng hộ của Nhà nước Việt Nam trong việc này. Nhà nước không còn cấm kết hôn đồng giới, thay vào đó chỉ là không thừa nhận đồng nghĩa với việc người đồng giới có thể tổ chức đám cưới với nhau và chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không được làm các thủ tục đăng ký kết hôn. Thừa nhận hôn nhân đồng giới chính là tuyên bố rõ ràng mang lại hiệu quả cao và có ý nghĩa lớn không chỉ đối với trong nước mà cả quốc tế. Trở thành đất nước cởi mở, an toàn hơn với người đồng giới sẽ giúp Việt Nam thu hút khách du lịch, người lai động và đầu tư nước ngoài. Trở thành quốc gia Châu Á đầu tiên thừa nhận hôn nhân đồng giới, Việt Nam sẽ trở thành nguồn cảm hứng cũng như động lực cho phong trào người đồng giới ở tất cả các nước khác trong khu vực.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Dựa trên cơ sở lý luận và phân tích từ các quyền của con người được ghi nhận trên thế giới và trong pháp luật Việt Nam. Kết hợp với việc phân tích pháp luật các quốc gia đã công nhận hôn nhân đồng giới trên thế giới cùng với pháp luật Việt Nam nhóm tác giả đã nhận thấy việc hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới tại Việt Nam không vi phạm bất kỳ nguyên tắc nào của hôn nhân truyền thống theo pháp luật về hôn nhân hiện hành tại Việt Nam. Việc hợp pháp hóa hôn nhân cũng không ảnh hưởng tới xã hội và việc hợp pháp hóa sẽ đảm bảo về vấn đề nhân quyền cho người đồng giới tại Việt Nam Tuy còn nhiều hạn chế song quan điểm xã hội và pháp luật đã phần nào ủng hộ hôn nhân đồng tính và pháp luật về hôn nhân Việt Nam đã có một số thay đổi nhất định, thể hiện quan điểm không thừa nhận. Đó là thái độ cởi mở của Nhà nước và của các nhà làm luật về vấn đề hôn nhân đồng giới. Những đánh giá và quan điểm mà tác giả đưa ra thông qua việc phân tích những vấn đề lý luận chung, là nền tảng để phân tích các tác động xã hội của hôn nhân đồng giới tại Việt Nam ở Chương 2, từ đó đề xuất được những kiến nghị phù hợp nhằm hoàn thiện quy định pháp luật Việt Nam ở Chương 3.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG VỀ HÔN NHÂN ĐỒNG GIỚI TẠI VIỆT NAM

2.1. THỰC TRẠNG VẤN ĐỀ HÔN NHÂN ĐỒNG GIỚI TẠI VIỆT NAM

2.1.1. Tình hình kết hôn đồng giới ở Việt Nam

Tính đến hiện tại, hôn nhân đồng giới vẫn chưa được công nhận tại Việt Nam dù đã có nhiều thảo luận vào các năm 2013 và 2014 về việc hợp pháp hóa. Cuối thập niên 90, Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986 chỉ quy định về quyền kết hôn giữa nam và nữ, trong đó nam từ 20 tuổi và nữ từ 18 tuổi trở lên mới được kết hôn. Điều này không cấm rõ ràng hôn nhân đồng giới, dẫn đến việc hiểu rằng kết hôn đồng giới không bị pháp luật cấm và do đó có thể được coi là hợp pháp vào thời điểm đó.

Tuy nhiên, sau hai vụ đám cưới ồn ào giữa những người đồng giới năm 1997 tại TP. Hồ Chí Minh và năm 1998 tại Vĩnh Long, chính quyền đã buộc các cặp đôi này ký cam kết không sống chung. Vào tháng 6 năm 1998, Quốc hội đã thông qua Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, trong đó khoản 5 Điều 10 cấm rõ ràng kết hôn giữa những người đồng giới. Hành vi này có thể bị xử phạt hành chính từ 100.000 đến 500.000 đồng và buộc phải chấm dứt quan hệ hôn nhân trái pháp luật.

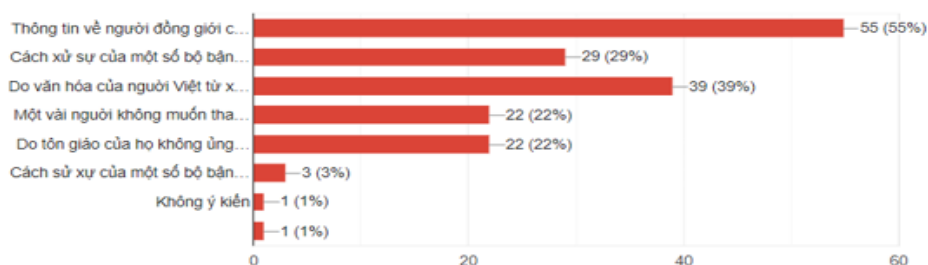
Dù pháp luật không công nhận, thực tế ngày nay cho thấy xã hội Việt Nam đã có những thay đổi tích cực. Nhiều cặp đôi đồng tính vẫn tổ chức hôn lễ, trong đó có cả những người nổi tiếng. Theo khảo sát, 70% người tham gia đã từng thấy hoặc tham dự đám cưới giữa các cặp đôi đồng giới và 68% sẵn sàng ủng hộ khi biết bạn bè hoặc người xung quanh là người đồng giới. Điều này cho thấy sự hiện diện và công khai của người đồng giới ngày càng rõ ràng và mạnh mẽ.

Tuy nhiên, bên cạnh những thay đổi tích cực vẫn còn nhiều thách thức và khó khăn. Nhiều người vẫn giữ quan điểm phản đối hôn nhân đồng giới, cho rằng nó dễ đổ vỡ, khó có con cái và đi ngược lại lẽ tự nhiên cũng như đạo đức.

2.1.2. Đánh giá vấn đề kết hôn đồng giới tại Việt Nam

Như đã đề cập ở phần 2.1.1, ngày càng nhiều người ở Việt Nam công khai ủng hộ việc hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới bởi đối với họ đây chính là ủng hộ sự bình đẳng và tôn trọng, không phân biệt đối xử với những người đồng giới. Ngoài ra, việc hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới ở Việt Nam sẽ góp phần giúp mọi người sống thoải mái và xã hội tốt đẹp hơn. Việc công nhận hôn nhân đồng giới sẽ góp phần giúp những người đồng giới cởi mở hơn trong các quan hệ xã hội, giúp họ tự tin thể hiện bản thân và nỗ lực trong cuộc sống góp phần tạo nên một cuộc sống chất lượng hơn. Giảm lây truyền các bệnh qua đường tình dục. Mặc dù pháp luật không công nhận hôn nhân giữa những người đồng giới nhưng họ vẫn chung sống với nhau như những cặp đôi bình thường. Vì vậy khi công nhận hôn nhân đồng giới và cho phép họ đăng ký kết hôn, sẽ làm tăng sự gắn bó, trách nhiệm, chung thủy của cặp đôi đồng giới từ đó làm giảm lây truyền các

bệnh qua đường tình dục. Giải toả tâm lý cho những người thân trong gia đình của những người đồng giới. Đối với người thân của những người đồng giới họ sẽ được giải toả áp lực tâm lý khi biết tin con mình cũng có cơ hội tiến tới hôn nhân như những người khác trong xã hội. Đồng thời việc hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới cũng làm giảm sự căng thẳng trong mối quan hệ giữa những cá nhân trong gia đình. Theo khảo sát của nhóm nghiên cứu có 60% người tham gia khảo sát cho rằng người đồng giới đang bị thiệt thòi về quyền kết hôn, 28% không biết và chỉ 12% phản đối điều này. Trong cùng câu hỏi có 67% cho rằng người đồng giới đang phải chịu sự kỳ thị, phán xét của những người xung quanh.



Biểu đồ 20. Quan điểm về một số bộ phận trong xã hội vẫn còn kỳ thị cộng đồng người đồng giới

Mặc dù việc công nhận hôn nhân đồng giới có nhiều điểm tiến bộ và giúp người đồng giới tự tin hòa hợp hơn trong xã hội. Tuy nhiên tại Việt Nam vẫn có nhiều hạn chế khó khăn trong việc ghi nhận quyền kết hôn giữa những người đồng giới. Dựa trên biểu đồ 20, nhóm nghiên cứu đưa ra một số nhận xét như sau:

Thứ nhất, ảnh hưởng từ truyền thống lâu đời. Việt Nam là nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội nên một số phong tục, tập quán từ thời phong kiến vẫn còn đọng lại. Với tư tưởng nho giáo và các quan niệm hôn nhân, gia đình cũ. Chính vì thế nhiều gia đình truyền thống cho rằng hôn nhân giữa những người đồng tính là việc trái với đạo lý thường tình đi ngược với ý nghĩa của gia đình. Các gia đình luôn quan niệm “*Trai phải ra trai, gái phải ra gái*” khi con cái là người đồng giới lỗi là tại ba mẹ không biết dạy con điều này làm ảnh hưởng tới thanh danh của gia đình.

Thứ hai, do ảnh hưởng bởi các tư tưởng tôn giáo. Các tư tưởng tôn giáo ở Việt Nam điểm hình như tư tưởng của Thiên Chúa giáo gia đình là sự kết hợp giữa nam và nữ. Việc kết hợp giữa nam và nam hay nữ và nữ đang đi ngược với tự nhiên, đi ngược với mục đích sáng thế của Chúa. Bởi ngay từ thuở sơ khai Chúa tạo ra nam và nữ để họ trở thành vợ chồng để họ xây dựng một gia đình như một xã hội thu nhỏ mang tính cộng đồng đầu tiên. Sự kết hợp này phản ánh nhu cầu tâm sinh lý và nhu cầu tồn tại duy trì nòi giống. Hình thức hôn nhân này không chỉ được nhìn nhận qua các nền văn hoá của nhân loại, dưới các chế độ xã hội của con người từ thuở sơ khai. Vì vậy không thể đi ngược lại với lời răn dạy của Chúa nên Thiên Chúa giáo không thể chấp nhận quan hệ giữa hai người cùng giới.

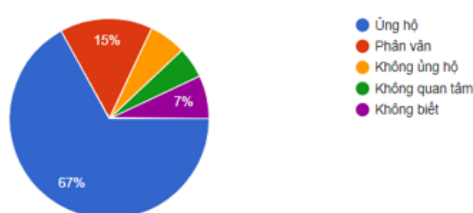
Thứ ba, yếu tố tâm lý. Nhiều người quan ngại và có thái độ tiêu cực, ghê sợ với nhóm người đồng giới. Bởi nhiều người quá coi trọng giá trị và hình mẫu của những người dị tính. Chủ nghĩa độc tôn dị tính lấn áp đi giá trị tính dục do nó bảo vệ việc duy trì nòi giống. Nó nhanh chóng trở thành phương tiện, một ý thức của nhà nước nhằm

đảm bảo khái niệm của gia đình và tính liên tục của xã hội. Chủ nghĩa độc tôn dị tính rất dễ trở thành chứng sợ đồng tính khi nó từ chối các quyền cơ bản của người đồng tính. Trong khảo sát của nhóm nghiên cứu về những hành vi kì thị mà bạn từng thấy hoặc bắt gặp có 61% người từng thấy hay bắt gặp hành vi chế giễu, đùa cợt người đồng giới, 65% từng thấy người đồng giới bị xa lánh, 47% từng thấy người đồng giới bị sỉ nhục. Điều này cho thấy, ngoài yếu tố tâm lý của những cá nhân trong xã hội ngay đến cả những các nhân là người đồng tính cũng mang nặng yếu tố lý lo lắng, hoang mang, sợ hãi vì sợ người khác biết mình là người đồng giới. Nỗi sợ này khiến họ mang trạng thái mặc cảm, tự tin và tự cô lập bản thân. Ngoài ra những phản ánh gay gắt của xã hội, sự phân biệt đối xử trong các quan hệ xã hội, trong công việc tạo nên những hành vi miệt thị, lăng mạ hoặc bạo hành về thể chất.

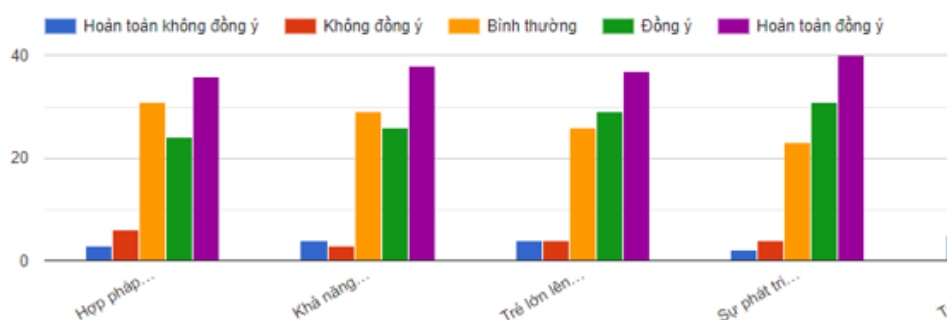
Ngoài ra cũng phải kể đến, công việc công nhận hôn nhân đồng giới tại Việt Nam sẽ phải sửa đổi bổ sung lại tất cả các quy định liên quan trong hệ thống pháp luật Việt Nam nên điều này cần thời gian và kế hoạch cụ thể. Vì vậy nhóm có một số đề xuất tại Chương 3 về việc sửa đổi lại một số quy định pháp luật.

2.2 NHỮNG LÝ DO CẦN THỪA NHẬN HÔN NHÂN ĐỒNG GIỚI TẠI VIỆT NAM

Mặc dù xã hội Việt Nam đã ngày càng cởi mở hơn khi nhắc đến vấn đề kết hôn đồng giới, vẫn tồn tại nhiều ý kiến trái chiều cho rằng hôn nhân đồng giới gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến thuần phong mỹ tục và vi phạm nghiêm trọng đến tôn giáo tín ngưỡng của nhiều người. Những quan điểm này cho rằng việc chấp nhận kết hôn đồng giới sẽ làm suy yếu giá trị văn hóa truyền thống và gây ra sự xung đột với niềm tin tôn giáo lâu đời.



Biểu đồ 16. Quan điểm về việc pháp luật công nhận hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới tại Việt Nam



Biểu đồ 27. Quan điểm về một số nhận định dưới đây theo thang đo

Khi khảo sát về việc hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới ở Việt Nam (biểu đồ 16) nhóm nghiên cứu nhận thấy, 67% người tham gia phản hồi ủng hộ, 6% phản đối và 27%

không biết hoặc đang phân vân. Một khảo sát khác về việc hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới có gây ảnh hưởng gì tới xã hội hay không (biểu đồ 27) cho thấy 91% người tham gia tin rằng nó không ảnh hưởng, trong khi 9% cho rằng nó sẽ gây ảnh hưởng. Trong nhóm người phản đối, 33,3% cho rằng một số bộ phận trong xã hội còn kì thị người đồng giới do ảnh hưởng đến văn hóa Việt, 16,7% cho rằng nó ảnh hưởng đến đức tin tôn giáo, 33,3% không muốn thay đổi suy nghĩ và 16,7% cảm thấy thông tin về người đồng giới chưa được đầy đủ.

Theo khảo sát của Viện nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường (iSEE) vào tháng 3 năm 2014, thực hiện tại 8 tỉnh thành Việt Nam bao gồm Hà Nội, Quảng Ninh, Nghệ An, Đà Nẵng, Đắk Lắk, Thành phố Hồ Chí Minh, An Giang và Sóc Trăng, với hơn 5300 người tham gia, 33,7% ủng hộ và 52,9% phản đối việc hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới. Khảo sát của Hiệp hội Đồng tính, Song tính, Chuyển giới và Lưỡng tính Quốc tế (ILGA) năm 2015 cho thấy trong số những phản hồi từ Việt Nam, 45% ủng hộ, 25% phản đối và 30% không biết. Năm 2020, chiến dịch “Tôi đồng ý” đã thu được hơn 44.803 chữ ký ủng hộ hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới ở Việt Nam, điều này cho thấy sự ủng hộ ngày càng tăng theo thời gian.

Thứ nhất, Công Nhận Hôn Nhân Đồng Giới Tại Việt Nam: Đề Cao Quyền Con Người

Trong những năm gần đây, việc công nhận hôn nhân đồng giới đã trở thành một vấn đề nổi bật và được thảo luận sôi nổi ở nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Đây không chỉ là một bước tiến quan trọng trong việc bảo vệ quyền lợi của người đồng giới mà còn là biểu hiện rõ ràng của sự tôn trọng đối với sự đa dạng và bình đẳng trong xã hội. Công nhận hôn nhân đồng giới tại Việt Nam là một dấu mốc quan trọng trong việc đề cao quyền con người, và dưới đây là những lý do thuyết phục cho nhận định này.

Bình Đẳng Trước Pháp Luật

Một trong những nguyên tắc cơ bản của quyền con người là mọi người đều bình đẳng trước pháp luật. Việc công nhận hôn nhân đồng giới đảm bảo rằng tất cả công dân, không phân biệt xu hướng tình dục, đều có quyền bình đẳng trong việc kết hôn và hưởng các quyền lợi pháp lý liên quan. Sự bình đẳng này không chỉ là một nguyên tắc pháp lý mà còn là một biểu hiện của sự công bằng và tôn trọng nhân phẩm con người.

Bảo Vệ Quyền Lợi Cá Nhân

Hôn nhân không chỉ là một khế ước xã hội mà còn mang lại nhiều quyền lợi pháp lý quan trọng. Công nhận hôn nhân đồng giới sẽ giúp bảo vệ quyền lợi cá nhân của các cặp đôi đồng giới, như quyền thừa kế, quyền nhận con nuôi, quyền được chăm sóc y tế cho bạn đời và quyền hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội. Việc này giúp đảm bảo rằng mọi người đều có quyền lợi và trách nhiệm như nhau trong một mối quan hệ hôn nhân, không phân biệt giới tính hay xu hướng tình dục.

Tôn Trọng Sự Đa Dạng

Xã hội hiện đại ngày càng nhận thức rõ hơn về sự đa dạng và phức tạp của con người. Công nhận hôn nhân đồng giới là một cách thể hiện sự tôn trọng đối với sự đa dạng này, giúp mọi người sống thật với bản thân mà không phải chịu sự kỳ thị hay phân biệt đối xử. Điều này không chỉ cải thiện chất lượng cuộc sống của người đồng giới mà còn góp phần xây dựng một xã hội cởi mở và bao dung hơn.

Thúc Đẩy Sự Hòa Nhập Xã Hội

Khi quyền của cộng đồng người đồng giới được công nhận và bảo vệ, điều này giúp giảm bớt sự phân biệt đối xử và tạo ra một môi trường xã hội hòa nhập. Một xã hội nơi mọi người đều cảm thấy được chấp nhận và tôn trọng sẽ là một xã hội mạnh mẽ và đoàn kết hơn. Công nhận hôn nhân đồng giới cũng giúp thay đổi những quan niệm sai lầm và định kiến về người đồng giới, thúc đẩy sự hiểu biết và tôn trọng lẫn nhau.

Tăng Cường Hạnh Phúc Và Sức Khỏe Tâm Lý

Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng những người sống trong một môi trường chấp nhận và công nhận xu hướng tính dục của họ thường có sức khỏe tâm lý tốt hơn, ít bị căng thẳng và lo âu hơn. Khi được sống đúng với bản thân và có sự bảo vệ pháp lý, các cặp đôi đồng giới sẽ cảm thấy hạnh phúc và an toàn hơn, từ đó góp phần vào sự phát triển bền vững của xã hội.

Công nhận hôn nhân đồng giới tại Việt Nam không chỉ là một bước tiến quan trọng trong việc bảo vệ quyền lợi của người đồng giới mà còn là một biểu hiện rõ ràng của sự tôn trọng đối với quyền con người. Việc này đảm bảo sự bình đẳng trước pháp luật, bảo vệ quyền lợi cá nhân, tôn trọng sự đa dạng, thúc đẩy sự hòa nhập xã hội và tăng cường hạnh phúc cũng như sức khỏe tâm lý của mọi người. Mặc dù Việt Nam đã có những bước tiến nhất định trong việc cải thiện quyền của cộng đồng đồng giới, nhưng việc công nhận hôn nhân đồng giới sẽ là một bước tiến lớn, góp phần xây dựng một xã hội công bằng và bình đẳng cho tất cả mọi người.

Thứ hai, hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới không gây ảnh hưởng tiêu cực tới xã hội. Hiện nay, có nhiều ý kiến cho rằng xã hội Việt Nam ngày càng phát triển và biến đổi không ngừng với sự đa dạng về mọi mặt, nên các giá trị văn hóa thay đổi cũng là điều tất yếu và khách quan của tự nhiên. Việc hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới tại Việt Nam không làm mất đi những nét thuần phong mỹ tục cơ bản của đất nước mà còn làm tăng thêm nét đẹp văn hóa và thiện cảm trong mắt bạn bè quốc tế. Việt Nam luôn được xem là một quốc gia thân thiện, hòa đồng với tinh thần tương thân tương ái và sẵn sàng giúp đỡ những người khó khăn trong xã hội. Trong giai đoạn phát triển hiện nay, chúng ta nên chấp nhận sự đa dạng hóa kiểu, loại, cấu trúc của gia đình. Những tiến bộ trong hôn nhân ngày nay đề cao sự tự nguyện, bình đẳng và tôn trọng giữa các bên kết hôn, nhằm đạt được một cuộc hôn nhân hạnh phúc. Hôn nhân đồng giới cũng chia sẻ mục đích và nguyên tắc với hôn nhân truyền thống, hướng tới một cuộc sống hạnh phúc và không xâm hại đến lợi ích xã hội hay thuần phong mỹ tục.

Nếu coi hôn nhân đồng giới là vi phạm đạo đức, thì pháp luật và xã hội đang “thiên vị” những trường hợp chuyển giới mà bỏ rơi người đồng giới. Pháp luật đã công nhận và trao cho người chuyển giới quyền được sống đúng với giới tính thật của mình

thông qua can thiệp y học và chuyển đổi trên giấy tờ (Quốc hội khóa XV đã đồng ý thông qua bản dự thảo Luật chuyển đổi giới tính). Những người chuyển giới và bạn đời có giới tính khác nhau nhưng trùng giới tính sinh học thì được coi là cặp đôi khác giới và họ có thể đăng ký kết hôn. Trong khi đó, những người đồng giới cùng giới tính nhưng khác nhau về giới tính sinh học lại không được pháp luật thừa nhận quyền kết hôn. Vì vậy, không thể nói rằng hôn nhân đồng giới đang vi phạm đạo đức xã hội.

Thứ ba, Tôn giáo tại Việt Nam không "tẩy chay" hay lên án người đồng giới, mà luôn kêu gọi mọi người đón nhận và cảm thông cho họ. Khi xem xét về tác động xã hội của hôn nhân đồng giới, chúng ta không thể bỏ qua yếu tố tôn giáo. Việt Nam là một đất nước đa dạng, tự do về tôn giáo và tín ngưỡng, điều này được thể hiện rõ trong Hiến pháp 2013 tại Điều 24 quy định rằng "Mọi người có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Các tôn giáo bình đẳng trước pháp luật". Việc hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới hay kết hôn giữa những người đồng giới là quyền, không phải nghĩa vụ, nên khi cảm thấy việc ghi nhận quyền này gây ảnh hưởng hoặc đi ngược với tín ngưỡng của mình, các chủ thể này có quyền từ chối. Nguyên tắc của tôn giáo không phải là một trong những nguồn của luật pháp, nên việc lấy cơ sở tín ngưỡng để áp dụng chung là trái với nguyên tắc của pháp luật. Ngoài ra, đối với những người không theo tôn giáo hoặc theo tôn giáo khác, việc lấy các lý luận của tôn giáo mà họ không theo để hạn chế các quyền và lợi ích chính đáng của họ là không phù hợp.

Khi nhìn vào các quan điểm, lý luận của tôn giáo, trước tiên là Phật giáo với quan điểm lấy thế giới và con người làm thực thể của nó, thấu triệt quy luật duyên sinh, duyên khởi của vạn vật. Phật giáo cho rằng con người vì vô minh mà kẹt trong tham, ái, dục, không nhận ra quy luật vô thường chi phối tất cả. Thuyết Bát bát trung đạo của tổ sư Long Thọ với ý nghĩa rằng con người không toàn diện và chỉ đang nhìn vạn vật bằng mắt thường. Dù là nam hay nữ, dị tính hay đồng tính, bản chất của họ cũng là không. Con người sinh ra là do nhân duyên hòa hợp mà thành. Sự phát triển và tồn tại của xã hội đòi hỏi ý thức xã hội cũng phải phát triển để đáp ứng kịp với sự phát triển đó. Vì vậy, quyền mưu cầu hạnh phúc và được công nhận của người đồng giới là hoàn toàn chính đáng. Quan điểm hôn nhân theo Tạng kinh - Kinh tạng chi bộ - Chương bốn pháp - Phẩm nguồn sanh phước - III (53) Sống chung (1) và chương V (55) Xứng đôi nhấn mạnh việc mỗi gia đình đều có vấn đề riêng, và để được coi là xứng đôi, cả hai phải yêu thương, chung thủy, nhường nhịn và thấu hiểu nhau. Những người đồng giới xác định chịu trách nhiệm với nhau, tôn trọng nhau và gìn giữ hạnh phúc gia đình cũng được xem là những cặp thiên nam, thiên nữ xứng đôi. Đức Phật dạy con người chấp nhận và từ bỏ những điều bất thiện, gây đau khổ cho bản thân và người khác, đồng thời ủng hộ những gì mang lại hạnh phúc và niềm vui cho con người.

Đối với Thiên Chúa giáo, trong Sáng thế 1:28, Đức Chúa trời ban phước cho loài người và phán: "Hãy sinh sản, gia tăng gấp bội và làm cho đầy dẫy đất; hãy làm cho đất phục tùng, hãy quản trị loài cá dưới biển, loài chim trên trời và mọi loài bò sát trên mặt đất." Đây được coi là sứ mệnh của con người khi được tạo ra. Giáo lý của Thiên Chúa giáo nhấn mạnh rằng hôn nhân ngay từ đầu đã nằm trong kế hoạch của Chúa, với sự kết hợp giữa nam và nữ để sống như thành một thể, tạo nên cấu trúc của một gia đình và

duy trì nòi giống. Quan hệ giữa những người đồng tính không thể thực hiện được mục đích đó và đi ngược với mục đích mà Chúa tạo ra loài người. Tuy nhiên, trong sách Giáo lý Hội Thánh Công giáo, 2358 có viết: “Đừng quên một số người đã có khuynh hướng đồng tính luyến ái thâm căn. Đối với đa số những người này, khuynh hướng lệch lạc ấy là một thử thách. Chúng ta phải đón nhận họ với lòng tôn trọng, thông cảm và tế nhị, tránh đối xử bất công.” Giáo hội chỉ phản đối các hành vi quan hệ đồng tính hoặc hôn nhân đồng tính, nhưng không tẩy chay hay loại bỏ người đồng tính, và luôn kêu gọi mọi người đón nhận, tôn trọng và cảm thông để tránh những bất công, kỳ thị.

Ngoài ra, theo trung tâm nghiên cứu Pew của Mỹ thực hiện vào tháng 9 năm 2023, tỷ lệ người theo tôn giáo ủng hộ hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới là 71%, trong khi những người không theo tôn giáo ủng hộ là 59%. Theo phiếu khảo sát của nhóm tác giả, 76,5% người theo tôn giáo ủng hộ, 5,9% phản đối và 17,6% đang phân vân hoặc không quan tâm việc hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới ở Việt Nam. Điều này phản ánh rằng những người theo đạo luôn hoan hỷ, mở rộng lòng đón nhận và giúp đỡ người đồng tính, cảm thông vì những bất công mà họ phải chịu đựng trong xã hội.

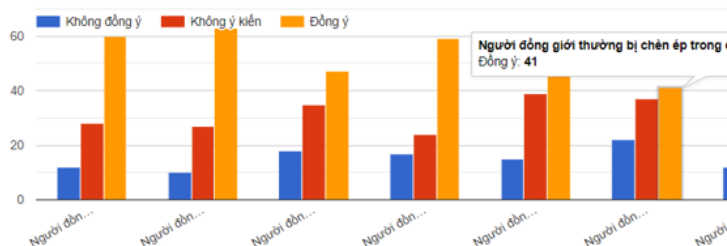
Thứ tư, Hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới sẽ giảm thiểu áp lực và căng thẳng trong gia đình người đồng giới. Trong khi những người ngoài kia đang bàn về “*tính đúng sai*” của việc hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới thì những người chịu áp lực lớn nhất không chỉ là những người đồng giới mà còn có cả gia đình của những người đồng giới. Giữa những cái nhìn kỳ thị của xã hội lên những người cha, người mẹ có con là người đồng giới hay những người có người thân là người đồng giới khiến cuộc sống của họ cũng gặp không ít khó khăn. Một sự thật là những người cha mẹ khi biết con mình là người đồng giới thường mang trạng thái tức giận, thất vọng, lo lắng, suy sụp, sợ xã hội lên án chỉ trích là “*Không biết dạy nên con mới bê đê*”. Đối mặt với những điều này nhiều cha mẹ thường chọn cách bắt con mình che giấu giới tính thật của mình. Thậm chí có nhiều cha mẹ khi đối mặt với việc con mình là người đồng giới còn cho rằng con mình bị bệnh nên đã tìm nhiều cách chữa “*bệnh đồng giới*” này cho con và mong con sớm “*bình phục*”, Tuy nhiên như đã nói ở phần trên Tổ chức y tế thế giới (World Health Organization) gọi tắt là WHO đã công bố rằng đồng tính luyến ái không phải là bệnh. Khi tìm cách “*cứu chữa*” thông thường không được những người cha mẹ này bắt đầu tìm đến những cách “*cứu chữa*” tiêu cực hơn. Họ sẵn sàng dùng những biện pháp tâm linh như bùa, ngải hay mời thầy về cúng vì lo rằng con mình bị “*ma nhập*” hay “*dính bùa, ngải*” từ người khác. Tiêu cực hơn có nhiều cha mẹ dùng các biện pháp bạo lực gây vi phạm nghiêm trọng đến thân thể, sức khỏe, tính mạng, tâm lý và danh dự của những người con đồng tính. Những hành động này cũng gần như không thể áp dụng luật pháp để can thiệp vì gần như những người con đồng tính này còn phụ thuộc vào cha mẹ và hơn thế nữa những hành động này cũng xuất phát từ tình yêu thương con của cha mẹ, ngoài ra nó còn xuất phát từ áp lực của xã hội.

Bên cạnh đó đối với những cha mẹ đã chấp nhận con mình là người đồng giới họ cũng phải chịu những áp lực vô hình từ sự chỉ trích và cái nhìn không mấy thiện cảm của hàng xóm láng giềng. Bên cạnh đó họ cũng chịu nhiều tổn thương khi nhìn thấy con mình chịu thiệt thòi trong xã hội bởi những quyền của họ gần như bị hạn chế hoặc không

được thừa nhận. Con cái của họ phải đối mặt với việc xã hội kỳ thị, thất nghiệp, bạn bè xa lánh. Nhiều cha mẹ trong trường hợp này cho rằng con cái là người đồng giới là do họ đã gieo nghiệp từ kiếp trước nên giờ con họ phải gánh vác điều này khiến họ dần vật. Ngoài ra những người cha mẹ này hoặc những người thân của những người đồng giới này cũng có thể là nạn nhân của những trò đùa tại cơ quan làm việc hoặc trường học. Như vậy, tuy không phải là những người trực tiếp trong vấn đề hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới những người thân của người đồng giới lại chịu ảnh hưởng không nhỏ nên việc chấp nhận hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới sẽ góp phần không nhỏ để xoa dịu và giải tỏa nỗi lo lắng con mình “*bị bệnh*” và “*nổi day dứt*” khi nghĩ con mình đồng giới là do nghiệp của bản thân mình. Đồng thời việc hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới cũng góp phần giảm thiểu sự căng thẳng trong mối quan hệ giữa cha mẹ và con cái của họ.

Thứ năm, tác động chủ yếu và lớn nhất là từ những người kết hôn đồng giới. Hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới là nguyện vọng lớn nhất của họ. Theo kết quả khảo sát của nhóm tác giả, 100% người đồng giới mong muốn pháp luật Việt Nam công nhận hôn nhân của họ như những cặp đôi khác giới. Một nghiên cứu của iSEE năm 2019 cũng cho thấy 99,8% trong số gần 6000 người được khảo sát muốn hôn nhân đồng giới được công nhận và đối xử bình đẳng như hôn nhân khác giới.

Mặc dù pháp luật và xã hội Việt Nam đã trở nên cởi mở hơn, cho phép các cặp đôi đồng giới tổ chức hôn lễ và chung sống như những cặp đôi khác giới, nhưng về mặt pháp lý, hôn nhân giữa những người đồng giới vẫn không được công nhận. Điều này vô tình “tước đoạt” những quyền và lợi ích chính đáng của họ.



Biểu đồ 22. Quan điểm về những thiệt thòi của người đồng giới

Dưới góc độ này đã có nhiều vấn đề xảy ra giữa những cặp đôi đồng giới khi về sống chung với nhau dựa trên quan điểm được đề cập tại phiếu khảo sát của nhóm nghiên cứu (biểu đồ 22), nhóm tác giả đưa ra một số khó khăn, thách thức mà người đồng giới phải chịu khi chưa được pháp luật công nhận quan hệ hôn nhân:

- (1) Khó khăn trong việc đăng ký nhập hộ khẩu;
- (2) Khó khăn trong việc đứng tên đại diện hợp pháp cho người bạn đời của mình trong những trường hợp khẩn cấp;
- (3) Khó khăn trong công việc và các quan hệ xã hội do bị kỳ thị;
- (4) Khó khăn trong việc đứng tên và quản lý khối tài sản chung. Đặc biệt khi có vấn đề tranh chấp xảy ra việc phân chia khối tài sản chung này rất khó giải quyết nếu như tài sản này chỉ đứng tên một người;
- (5) Khó khăn trong các vấn đề liên quan đến con cái. Khi các cặp đôi đồng giới sống chung với nhau họ rất mong muốn có con chung tuy nhiên họ lại gặp nhiều vấn đề bất cập như khó khăn trong việc có con, pháp luật chỉ thừa nhận con là con của một người

cha hoặc mẹ khi sinh con hoặc nhận con nuôi, sợ con mình bị kỳ thị phân biệt đối xử trong các quan hệ xã hội vì có cha mẹ là người đồng giới.

(6) Gây ảnh hưởng tới sức khỏe và tâm lý của những người đồng giới bởi lẽ họ luôn phải tìm cách che giấu mối quan hệ của mình vì bị sợ kỳ thị, lên án điều này gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tâm lý, sức khỏe của những người đồng giới, khiến họ thiếu tự tin hơn trong các mối quan hệ xã hội. Theo khảo sát của nhóm nghiên cứu có 51% cho rằng việc hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới sẽ giúp các cặp đôi đồng giới có quyền thay mặt đôi phương làm thủ tục hành chính, 41% không có ý kiến về điều này. Bên cạnh đó có 70% cho rằng quyền nhận con nuôi và nuôi con của người đồng giới sẽ được bảo đảm, 71% cho rằng việc hợp pháp hóa hôn nhân sẽ đảm bảo quyền sở hữu tài sản chung của các cặp đôi đồng giới.

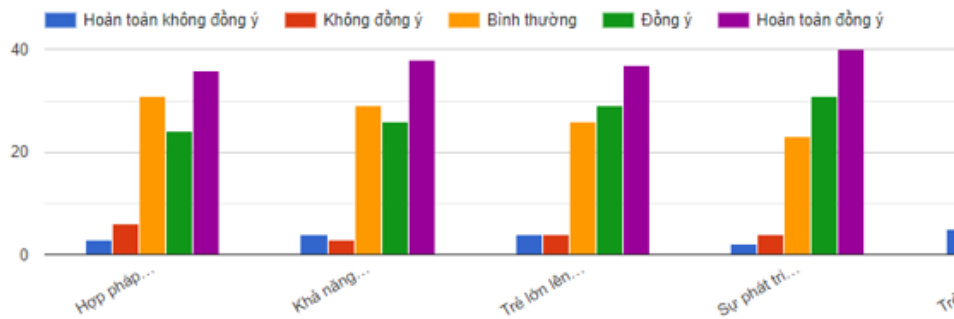
Như vậy, việc không thừa nhận hôn nhân đồng giới gây ảnh hưởng và tạo không ít khó khăn cho những người đồng giới. Theo như một nghiên cứu tại Canada sau một thời gian hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới thì nhóm này đã chỉ ra rằng các cặp đôi đồng giới có sự thoải mái với cuộc hiện tại tăng lên cao thêm vào đó họ tự tin hơn, tỷ lệ người đồng giới bị kỳ thị cũng giảm đi đáng kể. Vì vậy việc thừa nhận hôn nhân đồng giới sẽ góp phần không nhỏ tháo gỡ được những khó khăn của những người đồng giới trong xã hội Việt Nam.

Một vấn đề lớn được đặt ra ở Việt Nam là kết hôn không chỉ là quyền mà còn là nghĩa vụ đối với gia đình và ba mẹ. Theo quan niệm của người Việt Nam nhiều người cho rằng tới 30 tuổi chưa lấy vợ, chồng là ế. Nên dưới áp lực của gia đình nhiều người đồng giới buộc phải kết hôn dù muốn hay không và họ buộc phải chọn cách che giấu người vợ, chồng của mình. Việc “*kết hôn giả*” của những người đồng giới nhằm để che mắt xã hội hoặc để an ủi cha, mẹ người thân đã vô tình tạo ra một hệ lụy không nhỏ. Cần phải khẳng định lại một lần nữa rằng việc “*kết hôn giả*” này đã đi ngược với mong muốn và nguyên tắc của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bởi lẽ tại điều 8 Luật hôn nhân và gia đình có quy định nam nữ kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện. Nhưng trong trường hợp này việc một bên lừa dối làm cho việc hôn nhân không đạt được mục đích sẽ dễ dẫn đến tình trạng gia đình bị đổ vỡ thêm vào đó những người đồng giới này phải luôn tìm cách che giấu với người vợ, chồng của mình. Những cuộc hôn nhân bị ép buộc và lừa dối là kết quả mà không một chế định luật tiến bộ nào mong muốn.

Một vấn đề khác được đặt ra là những người dị tính bị lừa dối khi kết hôn với người đồng tính thì sau khi lập gia đình những người đồng tính vẫn có thể có những mối quan hệ đồng tính khác ở mức độ như bạn bè hoặc bạn tình. Các mối quan hệ này dù là tình bạn hay tình yêu xét trên mặt yếu tố đạo đức xã hội thì nó vẫn được coi là hành vi ngoại tình. Với những mối quan hệ của những người dị tính khác khi có một bên ngoại tình thì dễ dàng có thể áp dụng các biện pháp răn đe, giáo dục của pháp luật nhằm bảo vệ chế độ hôn nhân một vợ một chồng. Mặt khác, do vẫn chưa được pháp luật công nhận nên khi người vợ hoặc chồng của người đồng giới biết nửa kia của mình đang “*ngoại tình*” với người đồng giới khác cũng thể nhờ được sự can thiệp của pháp luật mà chỉ có thể tự tìm cách giải quyết. Bởi lẽ trong luật hôn nhân và gia đình có định nghĩa “*Chung sống như vợ chồng là việc nam, nữ tổ chức cuộc sống chung và coi nhau là vợ chồng*”

vì thế những người đồng giới mặc dù đang trong quan hệ hôn nhân mà có phát sinh tình cảm với người đồng giới khác cũng không chịu sự điều chỉnh của pháp luật Việt Nam. Vậy nên, khi hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới không chỉ góp phần giải quyết những khó khăn, thách thức của những người đồng giới mà nó còn góp phần đảm bảo cho nguyên tắc kết hôn là bình đẳng, tự nguyện, tiến bộ.

Thứ năm, Hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới sẽ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho con cái của người đồng giới.



Biểu đồ 27. Quan điểm về một số nhận định dưới đây theo thang đo

Theo phiếu khảo sát của nhóm nghiên cứu (biểu đồ 27) có 75% người tham gia khảo sát cho rằng những đứa trẻ được nuôi dưỡng bởi các cặp đôi đồng giới hoàn toàn bình thường, không bị ảnh hưởng bởi giới tính của ba mẹ. Vì đặc điểm sinh học nên những người đồng giới thường không thể có con chung mà chỉ có thể có con là con ruột của một trong hai người hoặc con nuôi chung của cả hai. Tuy nhiên theo quy định của Luật Nuôi con nuôi 2010 “*Một người chỉ được làm con nuôi của một người độc thân hoặc của cả hai người là vợ chồng*” mà pháp luật Việt Nam hiện tại lại không công nhận hôn nhân giữa những người đồng giới nên việc họ cùng nhận con nuôi theo pháp luật hiện hành là không thể. Có một giải pháp là đứa trẻ là con ruột của một người và người còn lại nhận làm con nuôi. Tuy nhiên giải pháp này cũng không khả thi vì khi nhận con nuôi quyền và nghĩa vụ của người cha hoặc mẹ trước đó được chuyển lại toàn bộ cho người cha hoặc mẹ nhận nuôi mới.

Trong mô hình gia đình truyền thống con cái được sự nuôi dưỡng và chỉ dạy của cả cha và mẹ mà trong mô hình gia đình của người đồng giới thì họ chỉ có thể “*làm cha*” hoặc “*làm mẹ*” điều này khiến nhiều người quan ngại rằng đứa trẻ được nuôi dưỡng trong gia đình của cặp đôi đồng giới không thể bảo đảm lợi ích tốt nhất cho đứa trẻ.

Tuy nhiên, xét trong quá trình hình thành và phát triển của lịch sử. Đã có những thời kỳ mà người phụ nữ làm chủ của gia đình có toàn quyền quyết định mọi việc đó là thời kỳ mẫu hệ. Tới giai đoạn tiếp theo quyền lực dần được chuyển sang cho người đàn ông. Tới thời kỳ phong kiến người đàn ông có quyền lực nhất trong gia đình “*Xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử*” người phụ nữ trong gia đình lúc này gần như không có tiếng nói. Họ không được đi học hay tham gia chính trị xã hội. Việc đi làm kiếm tiền phụ thuộc vào người đàn ông trong gia đình công việc của những người phụ nữ lúc này chỉ là các việc bếp núc và chăm sóc con cái. Tới giai đoạn gần đây sau những phong trào nữ quyền và đòi bình đẳng giới, sự phân chia vai trò trong xã hội giữa người đàn ông và phụ nữ đã có nhiều chuyển biến rõ rệt. Các phong trào này không tước đi quyền của những người đàn ông và trao cho những người phụ nữ mà chỉ đang thúc đẩy để người

phụ nữ có vai trò như những người đàn ông. Bên cạnh đó cũng giải phóng cho người đàn ông những áp lực xã hội rằng họ phải kiếm tiền để nuôi sống gia đình, phải là người bảo vệ và là trụ cột vững chắc trong gia đình. Tới giai đoạn hiện tại chúng ta cũng chẳng xa lạ gì về việc những người đàn ông ở nhà chăm sóc nuôi dạy con cái, còn những người vợ thì đảm nhận trách nhiệm làm trụ cột và nuôi sống gia đình. Pháp luật hiện tại với nguyên tắc bình đẳng không phân biệt giữa nam và nữ họ đứng cùng nhau cùng san sẻ các công việc trong gia đình. Những sự phân chia như vừa đề cập ở trên đã hoàn toàn xoá bỏ những suy nghĩ, quan niệm về “*làm cha*”, “*làm mẹ*” trong lịch sử, ngoài ra ở xã hội hiện tại chúng ta cũng chẳng xa lạ gì với khái niệm “*gà trống nuôi con*” hay “*mẹ đơn thân*”. Tuy nhiên họ vẫn đảm bảo cho sự phát triển toàn diện của trẻ và để cho những đứa trẻ có được cuộc sống hạnh phúc nhất. Vậy nên với quan niệm cho rằng các cặp đôi đồng giới không thể chăm lo, nuôi dạy con cái, không bảo đảm được các quyền lợi của con cái là hoàn toàn không có cơ sở.

Bên cạnh đó cũng có nhiều câu hỏi đặt ra rằng việc con cái sống dưới sự nuôi dưỡng của cặp đôi đồng giới có gây ảnh hưởng tới tâm sinh lý, cảm xúc hay nhận thức của trẻ không? Theo nghiên cứu của Viện Tâm thần Trẻ em và Thiếu niên Hoa Kỳ năm 2013 cũng khẳng định rằng “*Nghiên cứu hiện tại cho thấy trẻ em có phụ huynh là người đồng tính không có khác biệt gì trong sự phát triển cảm xúc hoặc trong mối quan hệ bạn bè và người lớn với trẻ có phụ huynh là người dị tính*”. Ngoài ra năm 2014 tại Úc có nghiên cứu cho thấy rằng trẻ em sống dưới sự nuôi dưỡng của cặp đôi đồng giới không chỉ phát triển nhanh mà còn có sức khoẻ và sự gắn kết với gia đình cao hơn những gia đình dị tính khác. Hầu hết các nghiên cứu nhiều năm trở lại đây đều cho thấy rằng những đứa trẻ sống dưới sự nuôi dưỡng của những cặp đôi đồng tính đều phát triển bình thường. Việc phát triển của những đứa trẻ phụ thuộc rất nhiều vào mối quan hệ giữa trẻ và người lớn, sự cởi mở trong gia đình chứ hoàn toàn không phụ thuộc vào cấu trúc của gia đình. Ngoài những nghiên cứu ra còn có rất nhiều bộ phim cho thấy sự nỗ lực không ngừng nghỉ của những cặp đôi đồng giới trong việc nuôi dưỡng và chăm sóc con cái của mình như bộ “*Gayby Baby*”, “*Papa Rainbow*”... Một ví dụ thực tế khác là bà Sanna Marin bà là con của một cặp đôi đồng giới và thường xuyên bị phân biệt, kỳ thị tuy nhiên năm 2019 bà vẫn trở thành Thủ tướng trẻ tuổi nhất Phần Lan. Điều này cho thấy dù đứa trẻ được nuôi dưỡng từ những cặp đôi đồng giới vẫn phát triển tốt về các mặt cảm xúc và sức khoẻ.

Một điều đáng quan tâm cho những đứa trẻ đó là việc bị kỳ thị điều này không chỉ những “*người ngoài cuộc*” mà ngay cả những cặp đôi đồng giới cũng lo ngại. Trên thực tế ở Việt Nam chưa có nhiều cặp đôi đồng giới nuôi con nhưng xem xét những đứa trẻ bị “*khiếm khuyết*” chúng ta không khó gì bắt gặp những lời nói hay cử chỉ kỳ thị họ. Tuy nhiên việc hạn chế việc nuôi con của những người đồng giới để tránh những đứa trẻ bị kỳ thị là một biện pháp sai lệch bởi lẽ nguồn gốc của việc bị kỳ thị là do cách hiểu sai dẫn đến định kiến và kỳ thị. Vì vậy để giải quyết triệt để vấn đề cần phải nâng cao nhận thức, phối hợp các ban ngành để tuyên truyền, giáo dục cách ứng xử phù hợp đồng thời ban hành các luật phòng chống kỳ thị, phân biệt đối xử đồng thời thực hiện tốt các nghĩa vụ bảo vệ trẻ em được quy định trong Luật trẻ em năm 2016. Trong vấn đề này

những đứa trẻ mới là nạn nhân việc hạn chế quyền nuôi con của những cặp đôi đồng giới chỉ là biện pháp tạm thời không giải quyết được cốt lõi của vấn đề mà còn làm họ bị thiệt hại nhiều hơn và nó càng tạo niềm tin rằng những đứa trẻ sẽ bị thiệt thòi khi được nuôi dưỡng bởi những cặp đôi đồng giới. Nếu như hôn nhân của những cặp đôi đồng giới không được thừa nhận và không giải quyết được vấn đề tâm lý kỳ thị của xã hội sẽ gây ảnh hưởng xấu tới những đứa trẻ được nuôi dưỡng bởi những cặp đôi đồng giới. Bên cạnh việc vẫn bị kỳ thị, phân biệt đối xử của những người xung quanh thì chúng còn có thể nghĩ rằng cha mẹ của chúng đang “*bị bệnh*” nên mọi người mới xa lánh chúng điều này vô hình tạo nên sự xa lánh giữa các thành viên trong gia đình với nhau. Dần dần không được sự chăm sóc giáo dục của “*cha mẹ*” chúng sẽ dễ bị lôi kéo, lừa gạt vào các tệ nạn xã hội. Ngay cả khi không bị kì thị thì cũng chính những đứa trẻ này sẽ bị thiệt thòi hơn về các quyền do chỉ có tên một một người đại diện hoặc giám hộ.

Pháp luật Việt Nam không chỉ không cho phép người đồng giới có con chung mà còn hạn chế quyền nhận con nuôi của những người đồng giới. Mặc dù pháp luật Việt Nam khuyến khích việc nhận trẻ mồ côi, trẻ bị bỏ rơi, trẻ có hoàn cảnh đặc biệt khác làm con nuôi nhưng thực tế những người đồng giới nhận được con nuôi còn muôn vàn khó khăn thách thức. Dù theo Luật nhận con nuôi không cấm người đồng giới nhận con nuôi nhưng khi biết được người cha hoặc mẹ là người đồng giới chính quyền địa phương thường làm khó dễ và viện nhiều lý do để từ chối. Vì vậy nên việc hợp pháp hóa hôn nhân ở Việt Nam không chỉ tháo gỡ những khó khăn vướng mắc về mặt pháp lý trong việc nuôi dưỡng con cái của những cặp đôi đồng giới mà nó còn giảm sự kỳ thị đặt lên những đứa trẻ này. Bên cạnh đó quyền và lợi ích chính đáng của những đứa trẻ này cũng được bảo hộ tốt hơn.

Thứ sáu, Hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới không gây ảnh hưởng tới lợi ích Quốc gia, dân tộc. Xét theo góc độ của hiến pháp 2013: “*Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe cộng đồng*” Khi xem xét các văn bản pháp luật về vấn đề quốc phòng, an ninh trật tự quốc gia Việt Nam thì không có một mối liên hệ nào chỉ ra việc hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới sẽ gây ảnh hưởng tới quốc phòng, an ninh, trật tự quốc gia. Về sức khỏe cộng đồng thì như đã đề cập ở trên đồng giới không phải bệnh nên không có khả năng lây nhiễm. Thêm vào đó theo các nghiên cứu chỉ ra rằng nhóm quan hệ đồng giới nam với nam là đối tượng có tỷ lệ nhiễm HIV cao nhất không chỉ vì sự thiếu hiểu biết mà do sự kì thị của xã hội khiến họ không dám hoặc không được tiếp cận với dịch vụ y tế. Việc này vô cùng nguy hiểm do những người này vẫn có quan hệ tình dục hoặc có vợ con điều này gây ra hệ lụy không lường trước được cho xã hội. Tuy nhiên việc không chấp nhận hôn nhân đồng giới không phải là giải pháp vì ở một số quốc gia trong đó có Việt Nam tỷ lệ nam giới quan hệ tình dục đồng giới vẫn tăng. Trong đó nếu công nhận, hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới sẽ giúp họ dễ tiếp cận với dịch vụ y tế hơn. Cuối cùng vấn đề lo ngại mà những người phản đối đặt ra là việc hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới có thể dẫn tới việc già hoá dân số, giảm tỷ lệ sinh sản. Tuy nhiên đây là lối suy nghĩ lệch lạc bởi lẽ nếu không công nhận

hôn nhân đồng giới nhiều người đồng giới vẫn chọn cách không kết hôn. Trường hợp họ kết hôn thì cuộc hôn nhân này cũng chỉ mang tính hình thức và dễ sụp đổ. Khi một gia đình sụp đổ người thiệt thòi nhất là những đứa trẻ khi không được sự chăm sóc đầy đủ của cả cha và mẹ. Thêm vào nữa việc sinh con không phải là nghĩa vụ khi kết hôn và tỷ lệ của những cặp đôi đồng giới là rất nhỏ vì vậy sẽ không gây ảnh hưởng tới vấn đề dân số quốc gia. Cuối cùng các cặp đôi đồng giới không thể có con một cách tự nhiên nhưng họ có thể nhờ sự can thiệp của khoa học kỹ thuật bằng việc cấy ghép. Việc suy giảm dân số của một quốc gia nguyên nhân từ những cặp đôi đồng giới chỉ là một phần nhỏ. Nguyên nhân còn đến từ: vô sinh, các cặp đôi không muốn có con hay không đủ khả năng nuôi dưỡng con vì lý do tài chính, số lượng người trong độ tuổi ít... vậy nên việc nói hôn nhân đồng giới gây ảnh hưởng tới lợi ích quốc gia và xã hội là hoàn toàn không có cơ sở.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Trên cơ sở những vấn đề lý luận ở Chương 1, nhóm tác giả đã phân tích về tình hình kết hôn đồng giới tại Việt Nam dựa trên quan hệ nguyên nhân – kết quả dưới góc độ lý luận xã hội. Kết quả nghiên cứu cho thấy, tác động xã hội của hôn nhân đồng giới tại Việt Nam là một chủ đề phức tạp và đa chiều, phản ánh sự giao thoa giữa truyền thống văn hóa, tôn giáo và những giá trị hiện đại về quyền con người và bình đẳng. Mặc dù xã hội Việt Nam đã dần trở nên cởi mở hơn đối với hôn nhân đồng giới, vẫn còn nhiều ý kiến trái chiều cho rằng điều này ảnh hưởng đến thuần phong mỹ tục và tín ngưỡng tôn giáo. Các khảo sát cho thấy, ngày càng có nhiều người ủng hộ việc hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới, nhận thức rằng điều này không gây ảnh hưởng tiêu cực đến xã hội. Tôn giáo tại Việt Nam, đặc biệt là Phật giáo và Thiên Chúa giáo, không "tẩy chay" người đồng giới mà kêu gọi sự cảm thông và đón nhận. Việc hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới có thể giảm thiểu áp lực và căng thẳng trong gia đình người đồng giới, góp phần tạo ra một môi trường xã hội công bằng và nhân văn hơn. Trong bối cảnh xã hội ngày càng phát triển và đa dạng hóa, việc thừa nhận và hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới không chỉ phản ánh sự tiến bộ về mặt quyền con người mà còn góp phần làm tăng thêm nét đẹp văn hóa và thiện cảm của Việt Nam trong mắt bạn bè quốc tế. Điều này khẳng định rằng, dù có những khó khăn và thách thức, xu hướng chấp nhận và hỗ trợ người đồng giới ở Việt Nam đang ngày càng mạnh mẽ, hướng tới một xã hội công bằng và tôn trọng sự đa dạng. Kết hợp giữa vấn đề lý luận ở chương 1 và chương 2, nhóm chúng em đưa ra một số quan điểm về hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới ở Việt Nam, cùng với một số kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật về hôn nhân đồng giới ở Việt Nam tại Chương 3.

CHƯƠNG 3

KINH NGHIỆM MỘT SỐ QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI VỀ HỢP PHÁP HÓA HÔN NHÂN ĐỒNG GIỚI VÀ KIẾN NGHỊ NHẪM HỢP PHÁP HÓA HÔN NHÂN ĐỒNG GIỚI TẠI VIỆT NAM

3.1. NGHIÊN CỨU MỘT SỐ QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI VỀ HỢP PHÁP HÓA HÔN NHÂN ĐỒNG GIỚI VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM.

3.1.1. Pháp luật về quyền của người đồng giới tại một số quốc gia trên thế giới

Trên thế giới, tính đến tháng 6 năm 2023 đã có 35 quốc gia công nhận hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới bao gồm: Hà Lan (2001), Bỉ (2003), Tây Ban Nha (2005), Canada (2005), Nam Phi (2006), Na Uy, Thụy Điển (2009), Bồ Đào Nha (2010), Đan Mạch (2012), Brazil, Pháp (2013), New Zealand, Anh và Wales (2014), Hoa Kỳ (2015),...Andorra (2023), Estonia (1 tháng 1), Hy Lạp (16 tháng 2 năm 2024) [17]. Bên cạnh đó, có nhiều quốc gia khác đang trong quá trình xem xét hợp thức hóa quan hệ hôn nhân cùng giới ví dụ như Thái Lan hiện đã thông qua Luật Bình đẳng Hôn nhân với sự chuẩn thuận của 400 trong số 415 đại biểu hiện diện, và Thái Lan sẽ là quốc gia đầu tiên ở Đông Nam Á, và quốc gia thứ hai ở Châu Á công nhận quan hệ hôn nhân đồng giới. Như vậy, với việc thừa nhận quyền kết hôn đồng giới có thể được xem là một thắng lợi to lớn của các cuộc vận động quyền đồng giới.

a. Quyền kết hôn của người đồng giới tại Hà Lan

Năm 2001, Hà Lan đã trở thành quốc gia đầu tiên hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới. Thời điểm Hà Lan cho phép kết hôn đồng giới quyết định này khiến cả thế giới vô cùng sửng sốt. Và đến hiện nay thì Hà Lan vẫn chưa chịu bất cứ thiệt hại nào vì quyết định này. Họ vẫn luôn duy trì vị thế nằm trong top 10 các quốc gia hạnh phúc nhất trên thế giới theo xếp hạng của World Happiness Record. Tuy nhiên, quá trình hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới ở Hà Lan cũng đã trải qua nhiều giai đoạn.

Đầu những năm 1980, một nhóm các nhà hoạt động vì quyền của người đồng giới đã yêu cầu Chính phủ cho phép các cặp đôi đồng giới kết hôn. Quốc hội đã quyết định thành lập một ủy ban đặc biệt vào năm 1995 nhằm điều tra khả năng kết hôn đồng giới.

Đến ngày 1/1/1998 thuật ngữ “Kết hôn dân sự” lần đầu tiên được vào luật pháp Hà Lan. Hình thức này kết hợp dân sự có quyền và nghĩa vụ tương đương với kết hôn nhất là khi một số luật được thay đổi để khắc phục sự bất bình đẳng về mặt thừa kế và một số vấn đề khác. Nói chung thì đây chỉ là một cách thay thế cho hôn nhân mà các cặp đôi đồng giới hay dị giới đều có thể tham gia.

Ngoài ra thì luật pháp Hà Lan cũng đã sử dụng thuật ngữ “*chung sống không đăng ký*” khi các cặp đôi đồng giới hoặc khác giới sống cùng nhau nhưng xác định là mối quan hệ không nghiêm túc, không đăng ký. Điều này có nghĩa là không làm phát sinh vấn đề tài sản chung trong quá trình chung sống.

b. Quyền kết hôn của người đồng giới tại Pháp

Hôn nhân đồng giới trở thành hợp pháp tại Pháp từ ngày 17/5/2013. Đây là quốc gia thứ 14 trên thế giới công nhận các cặp đôi đồng giới kết hôn. Tháng 5/2012, ông Hollande trúng cử Tổng thống và đã hứa hẹn sẽ thay đổi một số điều luật, theo đó ông đã chọn hôn nhân đồng giới là ưu tiên hàng đầu trong các cải cách xã hội, do đó thì các cặp đôi đồng giới có thể kết hôn và nhận con nuôi hợp pháp.

Mặc dù tình hình trên khắp nước Pháp có khoảng trên 1.000 thị trường lên tiếng phản đối, nhưng chính phủ ông Hollande đã thông qua một dự luật hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới vào tháng 11/2012 và sẽ trình Quốc hội xem xét vào tháng 1/2013. Khi Quốc hội bắt đầu thảo luận dự luật hôn nhân đồng giới vào tháng 1/2013 đã có ít nhất 340.000 người tham gia biểu tình phản đối dự luật này tại Paris. Cho đến ngày 18/5/2013, dự luật đã được Tổng thống Hollande ký thành luật và chính thức có hiệu lực.

Sự kiện thu hút rất đông đảo người xuống đường biểu tình tại thủ đô Paris nhằm lên tiếng phản đối quyết định này. Với lập luận luật hôn nhân đồng giới sẽ làm suy yếu một nền tảng thiết yếu tạo nên xã hội. Tuy nhiên thì qua các cuộc thăm dò dư luận thì cho rằng có khoảng 55-60% người Pháp ủng hộ hôn nhân đồng giới, nhưng chỉ có khoảng 50% chấp thuận cho phép người đồng giới nhận con nuôi.

c. Quyền kết hôn của người đồng giới tại Úc

Úc là quốc gia công nhận hôn nhân đồng giới vào năm 2017, Trong đạo luật gia đình năm 1975 đã ghi nhận mỗi quan hệ có thực cho cả hai giới tính có quan hệ tình dục đồng giới và khác giới. Các mối quan hệ thực tế cung cấp cho các cặp vợ chồng sống chung trên cơ sở thực sự trong nước với nhiều quyền và lợi ích như các cặp đôi vợ chồng khác. Hai chủ thể có thể trở thành cặp vợ chồng thực tế bằng cách tham gia vào một mối quan hệ đã đăng ký hoặc do Tòa án gia đình hoặc Tòa án Liên bang đánh giá. Các cặp vợ chồng sống cùng nhau thường được công nhận là mối quan hệ thực tế và do đó có thể đòi hỏi nhiều quyền lợi và lợi ích của một cặp vợ chồng, ngay cả khi họ chưa đăng ký hoặc tài liệu chính thức về mối quan hệ của họ.

Trước khi hợp pháp, thì luật hôn nhân đồng giới đã bị Quốc hội Liên bang bác bỏ 22 lần giữa tháng 9/2004 và tháng 5/2017. Những cố gắng thất bại này xảy ra sau khi Chính phủ liên minh tự do – quốc gia Howard sửa đổi luật trong tháng 8/2004 để loại trừ hôn nhân đồng giới, định nghĩa hôn nhân là “*giữa một người đàn ông và một người phụ nữ*”. Một cuộc khảo sát cho thấy rằng thái độ của người Úc đối với vấn đề hôn nhân đồng giới đã thay đổi một cách nhanh chóng, công nhận thực tế rằng Quốc hội Úc đang tụt hậu so với các bằng hữu quốc tế trong vấn đề này. Chính phủ của Thủ tướng Malcolm Turnbull đã ủy nhiệm Cục thống kê Úc tiến hành cuộc trưng cầu ý dân không bắt buộc về hôn nhân đồng giới tháng 9/2017. Theo đó, có khoảng 12,7 triệu người dân đã tham gia bỏ phiếu và chiếm đến 79,5% số lượng những người đáp ứng đủ điều kiện hiện nay. Trong số đó có 61,6% đã lựa chọn “*Đồng ý*” và 38,4% lựa chọn “*Phản đối*”. Thủ tướng Malcolm Turnbull cho biết : “*Người dân Úc đã lên tiếng. Và tôi dự định sẽ biến nguyện vọng của họ thành luật trước Giáng sinh*”. Hầu hết các chính trị gia ở Úc đều tuyên bố họ sẽ tôn trọng nguyện vọng của người dân. Bên cạnh đó, những người phản đối cũng sẽ bỏ phiếu thuận nếu như kết quả của cuộc trưng cầu ý dân là đa số “*Đồng ý*”

mặc dù phe ủng hộ cho rằng đây là vấn đề về quyền bình đẳng nhưng phe phản đối lại tập trung vào định nghĩa gia đình, nêu ra những lo ngại về chuyện các vấn đề như giới tính sẽ được giảng dạy ra sao trong trường học nếu chấp nhận vấn đề này.

Ngày 15/11/2017, Úc đã công bố kết quả trưng cầu dân ý. Theo kết quả của Tổng cục thống kê Úc, 61,6% cử tri tương đương 7,8 triệu người đã ủng hộ việc các cặp đôi đồng giới có thể kết hôn hợp pháp, trong khi có khoảng 4,9 triệu người phản đối. Sở dĩ chính quyền Úc phải tiến hành cuộc trưng cầu ý dân như vậy vì trong suốt thời gian qua, hôn nhân đồng giới trở thành vấn đề gây tranh cãi gay gắt tại nước này.

Ngày 7/12/2017, sau khi kết thúc nhiều giờ tranh luận, dự luật chính thức được thông qua. *“Đây chính là nước Úc: công bằng, đa dạng, yêu thương và tôn trọng. Một ngày tuyệt vời, khi nó thuộc về tất cả mọi người dân”*. Thủ tướng Úc Malcolm Turnbull phát biểu ngày 7/12/2017 khi Thượng viện Úc chính thức thông qua hôn nhân đồng giới.

Hầu hết ở các quốc gia khác như Na Uy, Anh, Mexico... đều ban hành luật cấm phân biệt đối xử, kỳ thị với người đồng giới. Các quốc gia này đều cho phép các cặp đôi được chung sống với nhau ở các mức độ khác nhau như thừa nhận hôn nhân đồng giới ở Canada, Tây Ban Nha, Nam Phi, Thụy Điển,... một số quốc gia khác cho phép quan hệ đồng giới dưới các hình thức như kết hợp dân sự hoặc hình thức quan hệ đôi tác chung nhà ở các nước như Bulgaria, Chile, Cuba...

d. Quyền kết hôn của người đồng giới tại Cuba

Quyền của người đồng giới tại Cuba đã có những bước tiến triển lớn. Kể từ ngày 27 tháng 9 năm 2022, Cuba là nhà nước cộng sản đầu tiên trên thế giới công nhận hôn nhân đồng tính, cho phép các cặp đồng tính nhận con nuôi và mang thai hộ thương mại. Sau cuộc trưng cầu ý dân, chủ tịch Cuba đã thông báo *“Đây là món nợ đối với nhiều thế hệ người Cuba, những người đã chờ đợi luật này suốt nhiều năm để lập gia đình. Từ hôm nay, chúng ta sẽ là một quốc gia tốt hơn”*. Chủ tịch Hội đồng Bầu cử Quốc gia Cuba Alina Balseiro Gutierrez ngày 26/9 thông báo hơn 3,9 triệu cử tri nước này đã bỏ phiếu trong cuộc trưng cầu dân ý về Luật Gia đình một ngày trước đó, với 66,85% ủng hộ, 33,15% phản đối, cho thấy sự ủng hộ áp đảo đối với dự luật mới.

Cuba đã hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới với tỷ lệ ủng hộ cao trong một cuộc trưng cầu dân ý. Từ đó, Bộ luật Gia đình của nước này cho phép các cặp đôi đồng giới kết hôn đồng giới và nhận con nuôi. Điều này cho thấy, mô hình vận động cho quyền của cộng đồng người đồng giới và hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới ở Cuba đã rất hiệu quả khi tỉ lệ cao người dân đồng ý với đề xuất hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới. Thứ hai, về mặt địa lý, Cuba nằm ở Châu Mỹ La Tinh, nơi đã có một số quốc gia đã hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới. Là một quốc gia đang mở cửa hội nhập và thực hiện nhiều cải cách kinh tế và xã hội, việc hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới thể hiện rằng Cuba cũng đang nỗ lực phát triển luật pháp đáp ứng sự thay đổi của xã hội và xu hướng hội nhập khu vực và quốc tế. Điều này cũng cho thấy nhà nước Cuba đã chú trọng xây dựng hình ảnh quốc gia thân thiện với các cộng đồng yếu thế cũng như gây thiện cảm hơn với cộng đồng quốc tế. Hơn nữa Cuba muốn trở thành một quốc gia tiên phong trong lĩnh vực này, như nhà khoa học chính trị Rafael Hernandez đã tự hào rằng luật này sẽ là một trong những luật tiên bộ nhất ở Khu vực Mỹ La Tinh.

Việc hôn nhân đồng giới được ghi nhận trong văn bản luật hôn nhân gia đình của Cuba cho thấy rằng luật pháp Cuba xem hôn nhân đồng giới là một nội dung của luật tư, cụ thể là Luật Hôn nhân gia đình. Khi hôn nhân đồng giới được xem là nội dung của luật tư, thay vì là một vấn đề của nhân quyền, luật công và hiến pháp, quá trình học hỏi pháp luật nước ngoài và pháp luật quốc tế, từ đó pháp điển hóa vào luật quốc nội thường diễn ra nhanh hơn và gặp ít cản trở hơn từ phương diện chính trị.

Về khía cạnh tôn giáo, trước khi hôn nhân đồng giới được hợp pháp hóa trong Luật Hôn nhân gia đình, vào năm 2019, Chính phủ Cuba đã tìm cách đưa quyền kết hôn đồng giới vào Hiến pháp mới của nước này nhưng vấp phải sự chỉ trích từ các nhà thờ Công Giáo và Tin Lành. Ở một số quốc gia theo đạo Thiên Chúa, các nhóm tôn giáo thường phản đối hôn nhân đồng giới một cách kiên quyết. Đến năm 2022, Cuba đã vượt qua được trở ngại này, một phần theo chúng tôi là nhờ hôn nhân đồng giới được ghi nhận vào Luật Hôn nhân gia đình chứ chưa phải là Hiến pháp, thông qua sự ủng hộ của người dân thông qua cuộc trưng cầu dân ý cũng đã thuyết phục được phía Nhà thờ để công nhận hôn nhân đồng giới.

e. Quyền kết hôn của người đồng giới tại Hy Lạp

Hy Lạp là quốc gia gần đây nhất công nhận về hôn nhân đồng giới (năm 2024). Hy Lạp đã cho phép các cặp đồng giới cử hành hôn lễ từ năm 2015 và mới đây, Quốc hội nước này đã chính thức phê duyệt hôn nhân đồng giới, bất chấp sự phản đối của giáo hội Chính thống giáo Hy Lạp, bộ phận có ảnh hưởng tương đối lớn trong xã hội nước này.

Hôm 15/2, Quốc hội Hy Lạp đã thông qua dự luật bình đẳng hôn nhân do chính Thủ tướng Hy Lạp Kyriakos Mitsotakis soạn thảo, với 176 trên 300 phiếu ủng hộ. Sau cuộc bỏ phiếu, Thủ tướng Mitsotakis viết trên mạng xã hội rằng Hy Lạp tự hào trở thành quốc gia thứ 16 của Liên minh châu Âu (EU) hợp pháp hóa bình đẳng hôn nhân. *“Đây là cột mốc quan trọng về nhân quyền, phản ánh Hy Lạp ngày nay là một quốc gia tiến bộ và dân chủ, cam kết nhiệt tình với các giá trị chung của toàn châu Âu”*, ông Mitsotakis viết.

“Những người vô hình cuối cùng cũng được hiện diện xung quanh chúng ta. Và đi cùng với họ, nhiều trẻ em cũng sẽ tìm được vị trí xứng đáng mà đáng ra các em phải được có”, Thủ tướng Mitsotakis nói với các nhà lập pháp Hy Lạp vào đêm trước cuộc bỏ phiếu thông qua dự luật bình đẳng hôn nhân. Theo ông Mitsotakis, các gia đình đồng giới vẫn chưa có cơ hội pháp lý như những gia đình bình thường. *“Để họ có thể đưa các con đến trường, đưa các con đi du lịch, đi khám bệnh... và đó là những gì mà chúng tôi đang khắc phục”*, Thủ tướng Mitsotakis nói thêm.

Dự luật bình đẳng hôn nhân mới này cho phép các cặp đồng giới được làm cha mẹ sau khi kết hôn. Tuy nhiên, luật này vẫn chưa cho phép các cặp đồng giới mang thai hộ. Chính thống giáo phương đông là giáo hội cổ kính, bảo thủ về mặt xã hội với các lễ nghi phức tạp, hệ thống phân cấp nghiêm ngặt, các giáo lý cổ xưa và hà khắc. Hiện có khoảng 200 triệu tín đồ Chính thống giáo phương đông, chủ yếu sống ở khu vực Đông Âu và các nước châu Á lân cận, trong đó, một nửa số tín đồ là ở Nga.

Tuy nhiên, khác với sự nghiêm ngặt của giáo hội Chính thống giáo Nga hay Ukraine, giáo hội Chính thống giáo Hy Lạp lại thể hiện sự khoan dung hơn khi một nửa số tín đồ ở Hy Lạp chấp nhận những người đồng giới và ¼ số tín đồ ủng hộ hôn nhân đồng giới. Trong các cuộc thăm dò gần đây, phần lớn người Hy Lạp nhìn chung cũng ủng hộ dự luật bình đẳng hôn nhân.

3.1.2. Kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới về việc hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới

Chúng ta có thể thấy rằng một số quốc gia khá bảo thủ ví dụ như Pháp cũng đã chấp nhận vấn đề về công nhận hôn nhân đồng giới. Ngày 26/6/2013 tòa án tối cao Hoa Kỳ đã có quyết định gỡ bỏ lệnh cấm kết hôn đồng giới tại bang California. Bên cạnh đó tòa cũng đã bãi bỏ một phần quan trọng của đạo luật bảo vệ hôn nhân, nhằm đảm bảo các cặp đôi đồng giới đã kết hôn được hưởng các quyền lợi an sinh xã hội như những cặp đôi khác. Như vậy thì với việc thừa nhận quyền kết hôn đồng giới tại California, đã có hơn 1/3 dân số Hoa Kỳ được thừa nhận quyền này. Có thể thấy được rằng đây được xem là một thắng lợi lớn của cuộc vận động quyền người đồng giới, tổng thống Barack Obama cũng đã từng phát biểu trên đường đến Châu Phi như sau: *“Phán quyết này là một thắng lợi cho những cặp đã đấu tranh cho việc được đối xử công bằng trước pháp luật, cho những đứa trẻ mà việc kết hôn của cha mẹ chúng từ giờ sẽ được pháp luật thừa nhận, cho những gia đình mà giờ đây cuối cùng họ cũng đã nhận được sự bảo vệ và tôn trọng mà họ đáng được đối xử bình đẳng và đã cố gắng hết sức để có thể làm cho quốc gia mình thay đổi theo chiều hướng tốt lên”*.

Tháng 6/2011, Hội đồng nhân quyền của Liên hiệp quốc đã thông qua Nghị quyết khẳng định rằng: *“Mọi người có quyền bình đẳng, bất kể thiên hướng tình dục như thế nào”*. Đến ngày 7/3/2012, Tổng thư ký LHQ đã có bài phát biểu lịch sử kêu gọi các quốc gia trên toàn thế giới phi hình sự hóa đồng tính, chấm dứt kỳ thị với những người đồng giới. Như vậy, lần đầu tiên người đứng đầu tổ chức quốc tế lớn nhất hành tinh đã đưa ra một thông điệp rõ ràng và đầy tính ủng hộ đối với vấn đề của người đồng giới, và đây cũng là quan điểm của cả Liên hiệp quốc khi gần đây liên tiếp có những động thái để giải quyết vấn đề kỳ thị phân biệt dựa trên xu hướng tính dục và bản dạng giới.

Những hành động trên đã được thể hiện rõ ở các quốc gia tiên bộ đó là *“Kết hôn”* của những người đồng giới là quyền của họ. Nhìn chung thì theo quan điểm của các quốc gia trên thì việc hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới là *“trao trả”* lại cho mọi người quyền bình đẳng, quyền tự do mưu cầu hạnh phúc của con người đây là những quyền *“thiên sinh”* mà con người khi vừa sinh ra đã có được và cũng theo quan điểm của họ thì nếu một quốc gia hay tổ chức, cá nhân nào *“ngăn cản”* hoặc *“cấm đoán”* người đồng tính chung sống với nhau thì đó là hành động đã xâm phạm đến quyền và lợi ích của cá nhân bị cấm đoán và hành động đó cần được xử lý. Qua đó thì có thể thấy thế giới đã công nhận, cũng như ủng hộ, cổ vũ cho người đồng giới trên thế giới nói chung và trên mỗi quốc gia nói riêng.

Trong một khảo sát của Viện Nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường, với sự tham gia của 1.881 người đồng giới thì 72% người đồng giới cho biết họ sẽ đăng ký kết

hôn và 22% cho biết họ sẽ áp dụng hình thức đăng ký kết đôi dân sự, với tình huống giả định là các hình thức đăng ký kết đôi dân sự và kết hôn đồng giới được pháp luật cho phép. Chỉ có 6% cho biết họ sẽ không đăng ký. Ngoài ra thì có một số người cho biết họ sẽ cân nhắc giữa việc áp dụng kết hợp hai hình thức đăng ký để đảm bảo cho cuộc sống hôn nhân của mình được bền vững, ví dụ như khi họ đăng ký kết đôi dân sự trước, sau một khoảng thời gian nhất định thì họ sẽ đăng ký kết hôn. Trong một cuộc khảo sát khác ghi nhận đến ngày 19/4/2019 trong những người tham gia khảo sát, thì có đến 80% người ủng hộ Luật hôn nhân đồng giới, khoảng 7% người có ý kiến trung lập, và 5% là số người phản đối. Việc mong muốn được thừa nhận quyền kết hôn là mong muốn chính đáng của người đồng giới. Bên cạnh việc tham khảo kinh nghiệm của các nước trên thế giới, việc hợp pháp hóa hôn nhân phải dựa trên các nghiên cứu về tác động tích cực và tiêu cực nếu thừa nhận hoặc không thừa nhận trên cơ sở thực trạng xã hội của quốc gia mình để bảo vệ được quyền lợi chính đáng của những người đồng tính đồng thời không gây xáo trộn tâm lý xã hội.

Rà soát những quá trình thừa nhận hôn nhân đồng giới ở các nước cho thấy hầu hết các quốc gia đều đã trải qua những bước đệm như thừa nhận các hình thức quan hệ có đăng ký khác, thừa nhận ở một số tỉnh, bang hoặc thông qua các văn bản phán quyết đối với quan hệ pháp lý của các cặp đôi đồng giới. Đối với các nước đưa ra chế định quan hệ tương tự hôn nhân nhưng hạn chế hơn so với quyền và nghĩa của các cặp đôi khác giới. Cụ thể có hai hình thức kết hợp phổ biến nhất đó là kết hợp dân sự và quan hệ gia đình và chung sống không đăng ký.

Về kết hợp dân sự: Kết hợp dân sự là một hình thức công nhận về mặt pháp lý của quan hệ đối tác tương tự như hôn nhân. Vào năm 1989, Đan Mạch là quốc gia đầu tiên trên thế giới áp dụng chế định kết hợp dân sự và quy định quyền và nghĩa vụ cho các cặp đôi đồng giới không được đăng ký kết hôn. Mỗi quốc gia thì việc quy định chế độ kết hợp dân sự là khác nhau nhưng nhìn chung thì đây là sự thừa nhận ban đầu của một quốc gia về các cặp đôi đồng giới trước khi hợp pháp hóa hôn nhân.

Kết hợp dân sự là việc hai người chung sống nhưng phải đăng ký về thỏa thuận quyền đối với nhau. Trong thời gian chung sống, hai bên phải thực hiện các quyền và nghĩa vụ về nhân thân và tài sản đối với nhau. Việc đăng ký của họ được diễn ra tại các cơ quan Nhà nước nhằm mục đích công khai quyền và nghĩa vụ với nhau trong quá trình chung sống mà chia tay, dẫn đến tranh chấp, phân chia tài sản thì thỏa thuận khi đăng ký được xem là luật để giải quyết đối với các bên. Tòa án sẽ căn cứ theo thỏa thuận của các bên để xác định tài sản phân chia, giải quyết tranh chấp và giải quyết các quyền, nghĩa vụ các bên. Kết hợp dân sự nhìn chung cũng khá giống với một dạng hợp đồng có hiệu lực, miễn sao không vi phạm các điều cấm của luật. Về mặt nội dung của việc kết hợp dân sự cũng giống như nội dung của điều kiện để kết hôn, hai bên ký kết phải là người thành niên, không có quan hệ họ hàng trong phạm vi ba đời, không bị ràng buộc bởi hôn nhân hay một kết hợp dân sự với người khác. Về mặt hình thức thì kết hợp dân sự phải được thực hiện bởi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Kết hợp dân sự chịu sự ràng buộc giữa hai người chung sống với nhau bởi các quyền và nghĩa vụ về nhân thân và tài sản. Về nhân thân, các bên phải cùng nhau đảm

bảo đời sống chung, thực hiện các nghĩa vụ đối với nhau như giúp đỡ về vật chất cũng như tương trợ cho nhau trong cuộc sống. Về tài sản, nếu không có thỏa thuận riêng thì mỗi bên phải đóng góp thu nhập, tài sản khác để giải quyết nhu cầu đời sống chung của nhau tùy thuộc vào mức độ thu nhập, khả năng tài chính của mình. Và cả hai đều có trách nhiệm liên đới chịu trách nhiệm về những khoản nợ được ký kết bởi người kia vì lý do phục vụ cho nhu cầu thiết yếu cho cuộc sống hàng ngày. Nếu như không có thỏa thuận thì chế độ tài sản trong kết hợp dân sự là chế độ tài sản riêng biệt. Cả hai bên có quyền tự định đoạt, sử dụng, quản lý tài sản riêng của mình và tự mình chịu trách nhiệm với những giao dịch do mình thực hiện.

Kết hợp dân sự bị chấm dứt khi một bên chết hoặc theo ý chí của các bên. Nhìn chung thì việc kết hợp dân sự sẽ dễ dàng chấm dứt bởi một thỏa thuận chung hoặc bởi quyết định đơn phương của một trong hai bên mà không cần một thủ tục tư pháp. Như vậy, so với hôn nhân truyền thống, việc kết hợp dân sự đơn giản hơn rất nhiều so với điều kiện xác lập, điều kiện chấm dứt, cũng như ít mang tính ràng buộc. Có lẽ vì những lý do này mà về mặt pháp lý, kết hợp dân sự vẫn có những hạn chế so với hôn nhân. Các cặp đôi đồng tính bị hạn chế nhiều hơn so với những cặp vợ chồng dị tính khác ở sự thụ hưởng các chính sách về chế độ an sinh xã hội, bảo hiểm, trợ cấp, quyền nhận nuôi con nuôi, thừa kế,... Mặt khác, giá trị pháp lý của giấy chứng nhận kết hợp dân sự cũng rất hạn chế, không đương nhiên có hiệu lực trên phạm vi toàn quốc hoặc toàn thế giới. Đa phần các kiểu kết hợp dân sự trên chỉ có giá trị trong phạm vi bang, khu vực cho phép đăng ký kết hôn đồng tính, điều này đã gây không ít trở ngại cho các cặp đôi trên khi di chuyển hoặc thay đổi chỗ ở.

Về quan hệ gia đình: Quan hệ gia đình là quan hệ pháp lý giữa hai cá nhân đang cư trú cùng nhau nhưng không đăng ký kết hôn và cũng không đăng ký kết hợp dân sự. Các bên tự cam kết hỗ trợ nhau như vợ chồng và chịu trách nhiệm về phúc lợi của nhau. Một trong những mục đích của chế định đối tác chung nhà là công nhận sự đóng góp của một đối tác đối với tài sản của người khác. Điều này đặc biệt có ý nghĩa đối với những người đồng tính sống chung với nhau ở những quốc gia mà hôn nhân đồng tính chưa được thừa nhận.

Một trong số cặp đồng giới tham gia quan hệ đối tác chung nhà nhằm tạo ra những quyền và lợi ích hợp pháp liên quan đến bất động sản, tài chính, thừa kế, chăm sóc sức khỏe. Quan hệ đối tác chung nhà được pháp luật điều chỉnh một cách hạn chế hơn so với hôn nhân và kết hợp dân sự nên việc bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của các bên trong đối tác chung nhà không đầy đủ và toàn diện như hai vợ chồng trong quan hệ hôn nhân.

Muốn trở thành đối tác chung nhà, các bên phải thỏa mãn những điều kiện nhất định đó là phải làm đơn đăng ký với chính quyền. Các bên không ở trong tình trạng hôn nhân và cũng không phải trong quan hệ đối tác chung nhà đã đăng ký với một cá nhân khác.

Quan hệ đối tác chung nhà là sự công nhận ở mức thấp của một quốc gia đối với mối quan hệ của các cặp đôi đồng tính. Vì vậy, sự bảo vệ và lợi ích của các bên trong quan hệ đối tác chung nhà thường được quy định tối thiểu nhất. Ở một số quốc gia, sự

công nhận quan hệ đôi tác chung nhà thường mang tính biểu tượng. Nó mang tính biểu tượng vì thể hiện quốc gia không kỳ thị người đồng tính nhưng cũng chưa sẵn sàng cho việc hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới. Một số quốc gia đã thừa nhận hôn nhân đồng giới vẫn đồng thời thừa nhận các hình thức này nhằm tôn trọng sự lựa chọn của cặp đôi đồng giới. Ở một số quốc gia, các chế định này không chỉ giới hạn áp dụng cho các cặp đồng giới mà còn cho phép áp dụng cho các cặp khác giới.

Tại các quốc gia không công nhận hôn nhân đồng giới, không thừa nhận kết hợp dân sự hay đôi tác chung nhà thì pháp luật còn có một hình thức sống chung khác cho những cặp đôi đồng giới là sống chung không đăng ký. Đây là quan hệ sống chung thực tế. Ngày nay, khi xã hội có cái nhìn cởi mở, thông thoáng hơn thì pháp luật nhiều quốc gia không còn ngăn cấm chuyện quan hệ đồng giới. Tuy nhiên, quan hệ sống chung thực tế của các cặp đôi đồng tính không làm phát sinh các hậu quả về nhân thân và về tài sản giữa hai người. Những vấn đề liên quan đến nhân thân và tài sản sẽ được giải quyết theo các quy định của pháp luật dân sự chứ không phải pháp luật hôn nhân gia đình. Do đó, các cặp đôi đồng giới cũng còn bị hạn chế nhiều về quyền và lợi ích của mình.

3.1.3. Một số bài học kinh nghiệm cho Việt Nam trong việc hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới

Ở Việt Nam, chưa có một cuộc trưng cầu dân ý về hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới. Trong một khảo sát lớn tiến hành năm 2013 đã có 33,7% người dân ủng hộ việc hợp pháp hóa hôn nhân cùng giới. Tuy nhiên, đối với việc công nhận quyền sống chung như vợ chồng, số lượng người ủng hộ là cao hơn. Đến nay đã gần 10 năm, với những nỗ lực vận động xã hội đã diễn ra, có thể tin rằng tỉ lệ ủng hộ hôn nhân đồng giới và kết đôi dân sự đã có nhiều chuyển biến và có tỉ lệ ủng hộ đã tăng lên nếu chúng ta có khảo sát tiếp theo. Tỉ lệ ủng hộ của người dân sẽ là cơ sở quan trọng thể hiện quan điểm của xã hội và có tác động quan trọng đến việc thúc đẩy xây dựng chính sách và pháp luật hướng tới hợp pháp hóa quan hệ hôn nhân cùng giới.

Trong khi Cuba hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới từ một cuộc trưng cầu dân ý thể hiện sự ủng hộ của người dân, Slovenia có phán quyết của tòa án tối cao tuyên bố những quy định phân biệt đối xử với các cặp đôi cùng giới về kết hôn và nhận con nuôi là không hợp hiến. Tình huống của Slovenia thể hiện vai trò của Tòa án đối với việc cải tiến pháp lý cho quan hệ hôn nhân cùng giới. Trên thế giới, cũng có nhiều quốc gia bắt đầu quá trình chuyển hóa này từ một phán quyết của Tòa án tối cao. Ví dụ, ở Canada và Áo, luật thành văn hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới sau một loạt các bản án của tòa án. Công thức này cũng diễn ra ở Đài Loan, khi vào năm 2017, tòa án Đài Loan phán quyết công nhận quyền kết hôn của các cặp đôi đồng giới theo Hiến pháp. Một quốc gia Châu Á khác đi đầu theo công thức này là Nhật Bản với phán quyết gần đây của tòa án liên quan đến một vụ án cặp đôi cùng giới kiện chính phủ. Phán quyết này tuyên quy định cấm kết hôn cùng giới là vi hiến.

Trong khi đó, ở những quốc gia theo mô hình luật thành văn và tòa án không có quyền lập pháp chính thức, ví dụ như ở Italy, Pháp và Bồ Đào Nha thì vai trò của tòa án với việc công nhận hôn nhân đồng giới hạn chế hơn. Tòa án thường không ban hành

phán quyết ủng hộ hôn nhân cùng giới nhưng thúc đẩy tranh luận và ý thức cộng đồng cũng như kiến nghị sửa đổi luật và chính sách liên quan. Chúng ta có thể mong đợi vai trò tương tự của Tòa án tối cao ở Việt Nam trong các báo cáo về các trường hợp các cặp đôi cùng giới yêu cầu tòa án giải quyết tranh chấp về tài sản, nêu bật sự cần thiết của quy định pháp luật liên quan để làm cơ sở giải quyết, từ đó thúc giục sửa đổi pháp luật cũng như ủng hộ xu hướng lập pháp bảo vệ quyền của các cặp đôi cùng giới.

Về khía cạnh tôn giáo, Việt Nam có lợi thế hơn Slovenia khi đạo Phật và đạo Thiên Chúa Giáo vẫn có nhiều ảnh hưởng trong Luật Hôn nhân gia đình, điển hình là những quy định về nghĩa vụ của con cái đối với ông bà cha mẹ. Liên quan đến hôn nhân cùng giới, giáo lý và các quy tắc của Đạo Thiên Chúa Giáo không phủ nhận trực diện hôn nhân cùng giới mặc dù các giáo lý và quy tắc này nghe qua có vẻ cũng không ủng hộ vì Thiên Chúa Giáo vốn coi trọng cấu trúc xã hội truyền thống và ưu tiên lợi ích cộng đồng so với lợi ích cá nhân. Tuy nhiên, hiện nay quan điểm của Thiên Chúa Giáo về hôn nhân cùng giới vẫn chưa rõ ràng, tùy thuộc vào diễn giải, quy định của pháp luật, có thể là phần nào ủng hộ hoặc không ủng hộ. Đạo Phật cũng không trực diện ủng hộ hay phản đối hôn nhân cùng giới. Các văn bản giáo lý không đề cập đến vấn đề này. Các trường phái Phật Giáo hoặc là khoan dung hoặc là không kịch liệt phản đối hôn nhân cùng giới. Nhìn chung, theo Giáo lý Phật Giáo về sự khoan dung và hòa nhã, Phật Giáo có xu hướng chấp nhận hôn nhân cùng giới và hài hòa với luật pháp quốc gia hơn so với Thiên Chúa Giáo.

Về bối cảnh phát triển của khu vực, Việt Nam là thành viên của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á ASEAN. Vào năm 2012, Hiệp hội đã thông qua Tuyên Bố ASEAN về quyền con người. Mặc dù tuyên bố không có quy định bảo vệ một cách cụ thể quyền đối với xu hướng tính dục, bản dạng giới, Tuyên bố nên được xem là một bước tiến trong tiếp cận về quyền con người của khu vực vì đây là văn bản đầu tiên của ASEAN đề cập vấn đề nhạy cảm này. Với bước phát triển này của ASEAN, Việt Nam sẽ thành lập cơ quan quốc gia về quyền con người, từ đó có thể có ảnh hưởng thúc đẩy thêm đối với việc công nhận hôn nhân cùng giới.

Việc hợp pháp hóa hôn nhân cùng giới sẽ làm tăng uy tín của Việt Nam đối với cộng đồng quốc tế, khi hợp pháp hóa hôn nhân cùng giới đang phát triển thành một xu hướng quốc tế. Việt Nam cũng là một quốc gia cởi mở với các tiêu chuẩn pháp luật quốc tế và chính sách hội nhập quốc tế cũng được thể hiện trong các văn kiện Đảng. Việc hợp pháp hóa hôn nhân cùng giới là một bước đi phù hợp với chính sách phát triển kinh tế và hội nhập quốc tế của Việt Nam cũng như nâng cao uy tín và hình ảnh của Việt Nam với cộng đồng quốc tế.

Việc hợp pháp hóa hôn nhân cùng giới ở Việt Nam sẽ mang lại nhiều lợi ích cho xã hội và quốc gia. Các nghiên cứu cũng đã chỉ ra rằng, bảo vệ quyền của cộng đồng người đồng giới và cuộc sống của họ góp phần thúc đẩy kinh tế của một đất nước. Hơn nữa, hợp pháp hóa hôn nhân cùng giới cũng phù hợp với chính sách quốc gia về hội nhập kinh tế quốc tế và nâng cao vị thế quốc tế. Từ kinh nghiệm của Cuba và Slovenia, hai quốc gia có nền kinh tế chuyển đổi và chính sách hội nhập quốc tế có nhiều điểm

tương đồng với Việt Nam, có thể thấy rằng, việc nghiên cứu, khảo sát để quy định trong pháp luật về hôn nhân đồng giới là vấn đề tiếp tục hoàn thiện trong thời gian tới.

3.2. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HỢP PHÁP HÓA HÔN NHÂN ĐỒNG GIỚI TẠI VIỆT NAM

Hiện nay, hôn nhân giữa những người cùng giới tính ở Việt Nam chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố văn hóa, chính trị và xã hội. Với bối cảnh xã hội vẫn còn mang nặng tư tưởng phong kiến về quan niệm hôn nhân và gia đình, dẫn đến sự kỳ thị và phân biệt đối với người cùng giới. Do đó, Việt Nam cần phải cân nhắc một quy trình phù hợp để tránh gây tranh cãi, bất an xã hội và giúp người dân hiểu rõ hơn về hôn nhân cùng giới, hướng đến sự cảm thông và hoàn thiện pháp luật phù hợp với các giá trị nhân văn toàn cầu. Hiện tại, việc không thừa nhận hôn nhân cùng giới phần lớn do định kiến xã hội và tư tưởng truyền thống lâu đời. Điều này xâm phạm quyền tự do kết hôn của người cùng giới, gây khó khăn trong việc bảo vệ quyền lợi cho các cặp đôi đồng giới và con cái của họ, tạo ra những bất bình đẳng trong xã hội. Thay đổi quan niệm xã hội về hôn nhân đồng giới là một quá trình lâu dài và khó khăn. Việc hoàn thiện pháp luật về hôn nhân đồng giới cần đảm bảo phù hợp với văn hóa và truyền thống Việt Nam. Tuy nhiên, trong thời đại hội nhập hiện nay, với sự phát triển của truyền thông như báo chí và gameshow, ngày càng nhiều người có cái nhìn khách quan và cảm thông hơn về hôn nhân cùng giới.

Vì thế, không thể mãi viện dẫn các yếu tố xã hội để hạn chế và không quy định, vì xã hội luôn thay đổi. Những người trong quan hệ hôn nhân cùng giới cũng mong muốn được sống một cuộc sống hôn nhân được pháp luật công nhận để thực hiện và bảo vệ quyền lợi của mình. Do đó, nhóm tác giả xin đưa ra một số kiến nghị như sau:

3.2.1. Cần nâng cao nhận thức về người đồng giới và tầm quan trọng của việc hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới tại Việt Nam

Bằng cách tăng cường tuyên truyền, giáo dục về bình đẳng giới, chống lại nạn phân biệt đối xử với người cùng giới. Cần sử dụng các phương tiện truyền thông để nâng cao nhận thức của người dân về hôn nhân đồng giới và tổ chức các hội thảo, tọa đàm để thảo luận về vấn đề này. Nhà nước cần chủ động hơn trong việc tuyên truyền và giáo dục các kiến thức liên quan đến xu hướng tính dục, bản dạng giới và hôn nhân đồng giới. Các chế định pháp luật chỉ thực sự có giá trị và hiệu lực khi được áp dụng và thực thi bởi người dân và các cơ quan nhà nước. Vì vậy, để chế định hôn nhân đồng giới có hiệu lực và đảm bảo quyền lợi hợp pháp của các chủ thể trong gia đình có cặp đôi đồng giới, cần phải nâng cao nhận thức của người dân về bản dạng giới, xu hướng tính dục và hôn nhân đồng giới. Tuy nhiên, trong các năm qua, các nỗ lực tuyên truyền và giáo dục phần lớn đều từ xã hội dân sự, trong khi nhà nước gần như vắng mặt trong nhiệm vụ này. Những cơ quan chuyên môn như Bộ Y tế gần như im lặng, thậm chí có nhiều quan điểm không ủng hộ việc ghi nhận các quyền của người đồng giới, khiến cho việc tuyên truyền, giáo dục chủ yếu chỉ hiệu quả ở các tỉnh, thành phố lớn và phát triển. Để tuyên truyền giáo dục, nâng cao nhận thức của người dân một cách đồng bộ và hiệu quả

trên diện rộng, sự tham gia của nhà nước là cần thiết. Trong các năm tới, các cơ quan nhà nước cần thực hiện tuyên truyền và giáo dục trong phạm vi quyền hạn của mình để đạt được thành công.

Bộ Y tế cần tổ chức tập huấn cho đội ngũ y bác sĩ và cán bộ y tế về các vấn đề liên quan đến bản dạng giới và xu hướng tính dục, nhằm đảm bảo quyền được khám chữa bệnh của người đồng giới. Bên cạnh đó, Bộ Y tế, với vai trò là cơ quan chuyên môn, cần có những tuyên bố chính thức và thực hiện truyền thông về bản dạng giới và xu hướng tính dục để thay đổi quan niệm "*đồng tính là bệnh*" trong dân chúng.

Bộ Giáo dục cần tập huấn cho đội ngũ giáo viên và cán bộ trường học về kiến thức bản dạng giới và xu hướng tính dục, cũng như cách ứng xử đối với học sinh hoặc phụ huynh là người đồng giới, nhằm phòng ngừa và giải quyết các vấn đề kỳ thị và phân biệt đối xử trong môi trường giáo dục. Đồng thời, cần bổ sung nội dung về giáo dục giới tính, bản dạng giới và xu hướng tính dục vào chương trình học, vì đây là những tài liệu phổ biến và đáng tin cậy đối với hầu hết người dân.

Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội cần khuyến khích người sử dụng lao động tìm hiểu về xu hướng tính dục và bản dạng giới để tạo ra một môi trường làm việc an toàn và không phân biệt đối xử. Trong các năm qua, nhiều lãnh đạo, cán bộ và người thi hành pháp luật đã có những hiểu sai, dẫn đến việc đưa ra các quyết định không thỏa đáng dựa trên định kiến. Do đó, nhà nước cần chú trọng nâng cao nhận thức của các cán bộ nhà nước, đặc biệt là những người làm việc trực tiếp và xử lý các vấn đề liên quan đến quyền của người dân. Đây là nhóm đối tượng mà các tổ chức phi chính phủ và xã hội dân sự khó tiếp cận nhưng lại có quyền quyết định chính trong nhiều vấn đề liên quan đến quyền và lợi ích của người dân.

3.2.2. Ban hành, sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới tại Việt Nam

Một là, sửa đổi Luật Hôn nhân và Gia đình. Từ các cơ sở lý luận và kinh nghiệm quốc tế, nhóm tác giả đề xuất bỏ quy định "*Nhà nước không thừa nhận hôn nhân giữa những người cùng giới tính*" tại Khoản 2 Điều 8 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014. vì đây là một quy định mang tính định tính và pháp lý không rõ ràng. Quy định này vô hình chung đã đẩy hôn nhân cùng giới tính ra ngoài phạm vi pháp luật; việc giải quyết hậu quả hôn nhân giữa những người có cùng giới tính sẽ trở nên phức tạp hơn, do không có quy phạm điều chỉnh thích hợp trong thực tiễn, dẫn đến nhiều hệ lụy về hôn nhân, con cái và tài sản.

Việc bỏ quy định này đồng nghĩa với việc pháp luật thừa nhận hôn nhân của tất cả các cặp đôi đáp ứng điều kiện kết hôn và không vi phạm các điều cấm của pháp luật. Điều này đảm bảo rằng tất cả các cặp đôi đã kết hôn đều có đầy đủ quyền và nghĩa vụ như nhau, không phân biệt bản dạng giới và xu hướng tính dục, phù hợp với nguyên tắc bình đẳng và không bị phân biệt đối xử quy định tại Điều 14 Hiến pháp 2013. Theo đó, các cặp đôi đồng giới cũng có đầy đủ quyền nhân thân, tài sản và các quyền khác giống như cặp đôi khác giới. Đối với các quyền liên quan đến con cái, các cặp đôi đồng giới có thể có con chung là con ruột của một trong hai người hoặc con nuôi chung, đảm bảo

quyền và lợi ích hợp pháp của cả cặp đôi lẫn trẻ em. Trẻ em là con của cặp đôi đồng giới có khả năng bị kỳ thị cao, nên cần cung cấp đầy đủ thông tin về đồng tính, quan hệ đồng giới, và chuẩn bị tâm lý, kỹ năng cho trẻ để giải quyết các vấn đề có thể xảy ra như kỳ thị, phân biệt đối xử. Trẻ cũng cần được đồng ý và tự nguyện khi được nhận nuôi bởi cặp đôi đồng giới, áp dụng với trẻ từ 06 đến 09 tuổi.

Đồng thời, ban hành văn bản dưới luật quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành chế định "*sống chung như vợ chồng*". Chế định này đã được quy định tại các điều 14, 15 và 16 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 nhưng hiện tại không có nhiều ý nghĩa vì:

(1) Điều 14 quy định cặp đôi sống chung như vợ chồng không phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, nếu cặp đôi sau đó thực hiện đăng ký kết hôn thì quan hệ hôn nhân được xác lập từ thời điểm đăng ký kết hôn. Quy định này không cần thiết vì Khoản 1 Điều 3 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 đã quy định hôn nhân là quan hệ giữa vợ và chồng sau khi kết hôn, trong đó kết hôn được hiểu là đăng ký kết hôn hợp pháp.

(2) Điều 15 quy định các quyền và nghĩa vụ với con cái trong thời gian chung sống được giải quyết theo luật về quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con. Nội dung này đã được quy định trong Khoản 2 Điều 68 Luật Hôn nhân và Gia đình.

(3) Điều 16 quy định quan hệ tài sản, nghĩa vụ của hai người được giải quyết theo thỏa thuận, nếu không có thỏa thuận thì giải quyết theo quy định của Bộ luật Dân sự và các quy định khác có liên quan. Tuy nhiên, nguyên tắc giải quyết theo thỏa thuận không trái pháp luật đã được quy định chung trong các luật thuộc ngành luật tư. Điểm khác biệt duy nhất của cặp đôi sống chung như vợ chồng hiện nay so với cặp đôi không đăng ký kết hôn khác là Khoản 2 Điều 16: Việc giải quyết quan hệ tài sản phải bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của phụ nữ và con; công việc nội trợ và công việc khác liên quan để duy trì đời sống chung được coi như lao động có thu nhập. Quy định này khó áp dụng vì không có ràng buộc pháp lý và khó xác định căn cứ giải quyết.

Pháp luật được xây dựng và ban hành để điều chỉnh các quan hệ phát sinh trong xã hội. Các chế định được ban hành cần phát huy giá trị và ý nghĩa trong thực tiễn. Do đó, nhóm tác giả đề xuất văn bản dưới luật quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành chế định "*sống chung như vợ chồng*" với các nội dung:

(1) Hướng dẫn áp dụng chế định "*sống chung như vợ chồng*" với cả các cặp đôi đồng giới, quy định trong luật áp dụng cho tất cả các cặp đôi khác giới và đồng giới, hạn chế việc các cán bộ nhà nước hiểu sai, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của cặp đôi đồng giới.

(2) Xây dựng khung chi tiết hoặc bộ công cụ hướng dẫn về thỏa thuận một số quyền và nghĩa vụ cơ bản cho cặp đôi sống chung như vợ chồng, bao gồm những quyền, nghĩa vụ nào có thể thỏa thuận, phạm vi và hiệu lực của những thỏa thuận dựa trên Bộ luật Dân sự 2015 và các luật khác. Bộ công cụ này có tính khuyến nghị, là cơ sở tham khảo cho cơ quan nhà nước và giúp các cặp đôi tự thỏa thuận, đàm phán quyền và nghĩa vụ, giảm nhẹ gánh nặng cho cơ quan tư pháp trong việc giải quyết các vấn đề phát sinh.

Hai là, hoàn thiện quy định pháp luật các quyền liên quan đến con. Hiện tại, các quy định về nuôi con nuôi và các quyền liên quan đến con không đảm bảo lợi ích tốt nhất của trẻ. Do đó, tác giả đề xuất một số phương án hoàn thiện như sau:

Thứ nhất, ban hành văn bản dưới luật hướng dẫn các điều kiện của người nhận nuôi. Nhà nước nên ban hành một bộ quy chuẩn để hướng dẫn việc đánh giá các tiêu chí về sức khỏe, kinh tế, chỗ ở và tư cách đạo đức của người nhận nuôi, đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nuôi là minh bạch và hợp pháp. Điều này nhằm bảo đảm quyền lợi cho tất cả mọi người mà không có sự phân biệt đối xử dựa trên xu hướng tính dục hay bản dạng giới khi thực hiện thủ tục nhận nuôi, đồng thời bảo đảm quyền lợi cho trẻ khi được nhận nuôi bởi người có đủ điều kiện.

Thứ hai, Để hoàn thiện việc chấp nhận hôn nhân đồng giới ở Việt Nam, cần có những sửa đổi cụ thể trong Luật Hôn nhân và Gia đình 2014, đặc biệt là về định nghĩa hôn nhân. Hiện tại, Điều 3 của Luật này quy định hôn nhân là sự kết hợp giữa một người nam và một người nữ. Điều này cần được thay đổi để phù hợp với xu hướng chấp nhận và bảo vệ quyền của người đồng giới.

Đề xuất sửa đổi cụ thể:

Điều 3 - Định nghĩa hôn nhân: Hôn nhân là quan hệ giữa một nam và một nữ trên cơ sở bình đẳng, tự nguyện và được pháp luật thừa nhận nhằm chung sống lâu dài và xây dựng gia đình.

Sửa đổi đề xuất:

Hôn nhân là quan hệ giữa hai cá nhân trên cơ sở bình đẳng, tự nguyện và được pháp luật thừa nhận nhằm chung sống lâu dài và xây dựng gia đình.

Các điều khoản liên quan khác cần sửa đổi:

Điều 8, khoản 2 – Nhà nước không thừa nhận hôn nhân giữa những người cùng giới tính

Sửa đổi đề xuất:

Bỏ điều 8 khoản 2

Khoản 7 Điều 3 – Chung sống với nhau như vợ chồng là việc nam, nữ tổ chức cuộc sống chung và coi nhau là vợ chồng.

Sửa đổi đề xuất:

Chung sống với nhau như vợ chồng là việc hai cá nhân thực hiện cuộc sống chung và coi nhau là vợ chồng.

Thứ ba, hoàn thiện pháp luật về bình đẳng giới. Bên cạnh việc thừa nhận hôn nhân đồng giới, Việt Nam cần hoàn thiện pháp luật về phòng chống kỳ thị để đảm bảo bình đẳng cho mọi người, bất kể xu hướng tính dục và bản dạng giới. Điều này không chỉ đảm bảo quyền lợi của người đồng giới, mà còn bảo vệ quyền lợi của cha mẹ, con cái, gia đình của họ và lợi ích chung của xã hội. Một môi trường sống an toàn và lành mạnh là điều kiện quan trọng để đảm bảo sự phát triển tích cực của mọi cá nhân, giảm thiểu các hành vi sai trái. Đây cũng là hành động cần thiết để thể hiện sự cam kết của Việt Nam trên trường quốc tế khi đã ủng hộ nghị quyết về bảo vệ chống bạo hành và kỳ thị liên quan đến xu hướng tính dục và bản dạng giới vào năm 2016. Vì vậy, tác giả kiến nghị hoàn thiện Luật Bình đẳng giới 2007 theo hướng thay "nam, nữ" thành "tất cả mọi

người bất kể giới, giới tính, xu hướng tính dục", đảm bảo tính bao quát đối với mọi sự phân chia trên cơ sở giới. Đồng thời, bổ sung các nội dung phòng, chống phân biệt đối xử và các biện pháp đảm bảo bình đẳng giới trong Luật Bình đẳng giới 2007 và lồng ghép trong các đạo luật chuyên ngành.

Hỗ trợ tư vấn cho các cặp đôi cùng giới, đặc biệt là giai đoạn tiền hôn nhân. Việc này không chỉ dành cho đối tượng đồng tính mà còn hướng tới tất cả những người chuẩn bị bắt đầu cuộc sống chung, giúp họ nhận rõ giá trị và tầm quan trọng của mối quan hệ, từ đó làm cho họ có trách nhiệm hơn trong việc gìn giữ mối quan hệ.

3.2.3. Cần cung cấp các dịch vụ

Cung cấp các dịch vụ hỗ trợ tâm lý, xã hội và pháp luật cho người đồng giới, tạo môi trường an toàn và hòa nhập cho họ. Các dịch vụ này bao gồm hỗ trợ trong việc nuôi dạy con cái, giúp họ vượt qua những khó khăn và áp lực trong cuộc sống hàng ngày. Tiếp tục các hoạt động làm giảm kỳ thị liên quan đến đồng tính. Đây là một bước quan trọng trong việc tạo ra một môi trường sống bình đẳng và không bị phân biệt đối xử. Bên cạnh việc xây dựng luật bảo vệ quyền của người đồng tính, các hoạt động hỗ trợ như trợ giúp pháp lý, tham vấn pháp lý và phòng chống bạo lực cho cộng đồng người đồng tính cũng rất cần thiết. Những dịch vụ này không chỉ hỗ trợ trực tiếp cho cộng đồng đồng tính mà còn cung cấp bằng chứng và cơ sở dữ liệu để thúc đẩy công tác vận động chính sách và xã hội tốt hơn.

Hôn nhân đồng giới là một vấn đề phức tạp, cần được giải quyết toàn diện từ nhiều phía. Việc hoàn thiện pháp luật về hôn nhân đồng giới sẽ góp phần đảm bảo bình đẳng cho tất cả mọi người, hướng đến một xã hội văn minh và nhân văn hơn.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Qua những nghiên cứu về thực trạng pháp luật về quyền của người đồng giới tại chương 2. Nhóm tác giả đã đưa ra đánh giá tình hình chung của những người đồng giới trên thế giới và Việt Nam đều đang vướng mắc đó chính là chưa thoát khỏi những định kiến xã hội, sự phân biệt kỳ thị trong các lĩnh vực, tầng lớp. Có thể thấy tuy đều là người đồng giới nhưng có những quốc gia họ phải đối mặt với những sự miệt thị gay gắt, những hình thức trừng phạt nặng nề. Ngược lại, có những nơi trên thế giới lại được coi như là thiên đường dành cho người đồng giới, nơi mà họ được công nhận hầu hết các quyền cơ bản của con người. Nhìn chung thì hệ thống pháp luật của Việt Nam còn chưa thực sự tiếp cận so với những hệ thống pháp luật trên thế giới khi đề cập đến nhóm đối tượng này. Các cơ chế bảo vệ, thúc đẩy quyền của các đối tượng này trong thực tế còn khá bất cập. Từ những điều đó mà một số quyền đã được ghi nhận chung cho mọi người trong xã hội nhưng vẫn bị vi phạm, ảnh hưởng tiêu cực đến quyền và lợi ích hợp pháp của người đồng giới. Trong xã hội, nhận thức và thái độ của người dân về vấn đề này được chia thành hai chiều: ủng hộ và không ủng hộ. Tuy nhiên, có thể thấy nhìn chung thì mọi người cũng đã có những cái nhìn tích cực hơn về vấn đề người đồng giới. Đó cũng là những vấn đề được đặt ra để đưa đến những giải pháp hoàn thiện hơn trong pháp luật về quyền của những người đồng giới.

Tại chương 3, nhóm tác giả cũng đã đề xuất những giải pháp và kiến nghị cụ thể nhằm nâng cao nhận thức về người đồng giới, để đảm bảo được các quyền cơ bản của người đồng giới tại Việt Nam. Với giải pháp hoàn thiện pháp luật, cần tập trung vào các giải pháp pháp lý nhằm đáp ứng được một số nhu cầu cấp thiết cho người đồng giới như: bình đẳng giới, hôn nhân gia đình,... Với giải pháp thúc đẩy thi hành pháp luật, cần tăng cường hơn nữa các hoạt động giáo dục để có thể phổ biến kiến thức, phổ biến pháp luật về người đồng giới, hoàn thiện cơ sở pháp lý cho hoạt động của các tổ chức xã hội và nghiên cứu hoàn thiện các thể chế về bảo vệ quyền của nhóm người đồng giới.

KẾT LUẬN

Đồng giới là những điều tự nhiên của xã hội loài người, là nhóm người luôn tồn tại trong xã hội, đây không phải là khiếm khuyết của xã hội, không phải bệnh do đó không thể chữa và không cần phải chữa, cũng không thể lay lan từ người này sang người khác. Người đồng giới là nhóm người chiếm số ít trong xã hội, tuy nhiên trong xã hội họ vẫn bị kỳ thị, phân biệt đối xử rất nhiều, quyền lợi của họ trong một số lĩnh vực vẫn còn bị hạn chế vì chưa được pháp luật Việt Nam thừa nhận.

Đối với quan niệm của Việt Nam xuất phát từ những quan điểm truyền thống đã ăn sâu vào suy nghĩ của nhiều người nên không chấp nhận người đồng giới, coi đây là hiện tượng bất bình thường, là khiếm khuyết của xã hội. Mặc dù trong xã hội hiện nay có thể thấy rằng họ đã có cái nhìn tích cực hơn về người đồng giới nhưng vẫn khá mơ hồ và hiểu sai ý nghĩa về hôn nhân cũng những người đồng giới. Nhiều người quan niệm rằng hôn nhân đồng giới có thể làm xói mòn giá trị của hôn nhân truyền thống nhưng xét về bản chất thì quan niệm này hoàn toàn sai lầm. Các phân tích trong luận văn cũng đã chỉ ra rằng hôn nhân đồng giới không làm phá vỡ định chế hôn nhân truyền thống mà chỉ ghi nhận thêm những nội dung mang tính chất nhân văn của xã hội, góp phần đảm bảo sự công bằng cho các công dân. Việc ghi nhận, chấp nhận các quyền bình đẳng của những người đồng giới là cần thiết. Có thể nhận thấy rằng việc xây dựng một xã hội công bằng, văn minh và tiến bộ, trong đó có các quyền con người được bảo đảm và thực thi thông qua cơ chế pháp luật hiệu quả là mục tiêu chung của toàn thể nhân loại. Pháp luật mở rộng cơ hội bình đẳng cho nhiều người hơn, nghĩa là xã hội trở nên hạnh phúc hơn. Không ai xâm phạm quyền của ai, và sẽ không có chuyện những người dị tính tan vỡ và đổ lỗi đó là vì hôn nhân đồng giới. Điều này đã được kiểm nghiệm ở các quốc gia trên thế giới đã hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới.

Trong nhà nước pháp quyền, có thể thấy pháp luật tồn tại vì con người chứ không phải con người tồn tại vì pháp luật. Do đó, đã đến lúc pháp luật cần quan tâm hơn đến thực tiễn hôn nhân đồng giới và quyền được kết hôn của những người có cùng giới tính.

Xong, hiện nay các xu hướng phát triển mới của quyền con người đều gắn chặt với sự phát triển của xã hội, khoa học và quá trình toàn cầu hóa. Trong quá trình phát triển tiếp theo, chắc chắn sẽ có nhiều vấn đề mới liên quan đến quyền con người. Pháp luật về quyền kết hôn nói riêng của người đồng giới ở các quốc gia trên thế giới đã có một quá trình phát triển khá lâu dài, phức tạp và chịu nhiều ảnh hưởng của các yếu tố chính trị, tôn giáo, xã hội. Do đó, thì việc công nhận quyền kết hôn của những người đồng giới không chỉ là vấn đề của quyền công dân mà còn là vấn đề liên quan đến chính trị, văn hoá, tôn giáo tại nhiều quốc gia. Có thể thấy được rằng quyền kết hôn giữa những người có cùng giới tính là một quyền quan trọng, tạo ra nhiều sóng gió chính trị cũng như ảnh hưởng đến quá trình xây dựng pháp luật của các nước. Trong xu thế phát triển xã hội ngày nay, chúng ta cũng nên chấp nhận sự đa dạng của các kiểu loại gia đình thay vì ấn định hình ảnh về cấu trúc gia đình như gia đình truyền thống. Đồng nghĩa với việc người đồng giới được công nhận đầy đủ các quyền bình đẳng, trong đó có quyền được kết hôn.

Vì nhìn nhận theo góc độ khoa học thì việc cho phép người đồng giới kết hôn cũng không ảnh hưởng gì đến môi trường chính trị, kinh tế và nếu con người sinh ra vốn được và cần được tôn trọng tự do cá nhân thì quyền tự do kết hôn dù là giữa những người đồng giới cũng cần được tôn trọng. Hơn thế nữa, dù không công nhận là hôn nhân hợp pháp nhưng thực tế thì họ vẫn chung sống với nhau và tiềm ẩn những mâu thuẫn về nhân thân, tài sản. Vì vậy, việc cho phép những người đồng giới kết hôn cũng có thể giúp Nhà nước bảo vệ tốt hơn quyền của những đối tượng này bằng công cụ pháp luật.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Thạc sĩ Nguyễn Thu Nam, “*Xu hướng và tác động xã hội của hôn nhân cùng giới: Xu hướng thế giới và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam*”.
- [2]. Tiến sĩ Trương Hồng Quang, “*Quyền của người đồng tính, song tính, chuyển giới và liên giới tính tại Việt Nam - từ nhận thức đến thực tiễn*”, Luận án tiến sĩ luật học được công bố tại Học viện khoa học xã hội vào năm 2019.
- [3]. Thạc sĩ Nguyễn Thị Kim Tiến, “*Quyền của người đồng tính theo pháp luật Việt Nam hiện nay*”, Luận văn thạc sĩ luật học được công bố tại học viện khoa học xã hội vào năm 2019.
- [4]. Thạc sĩ Nguyễn Thị Minh Tâm, “*Quyền của người đồng tính: Lý luận và thực tiễn*”, Luận văn thạc sĩ luật học năm 2013.
- [5]. Viện nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường (iSEE), “*Có phải vì tôi là LGBT?*” *Phân biệt đối xử dựa trên xu hướng tính dục và bản dạng giới tại Việt Nam*.
- [6]. Thạc sĩ Ngô Thị Thanh Thúy, “*Kết hôn đồng giới theo pháp luật của một số quốc gia*”, Luận văn thạc sĩ luật học được công bố tại Đại học quốc gia Hà Nội năm 2014.
- [7]. Quốc hội (2014), *Luật hôn nhân và gia đình*, Hà Nội.
- [8]. Quốc hội (1992), *Hiến pháp*, Hà Nội.
- [9]. Quốc hội (2013), *Hiến pháp*, Hà Nội.
- [10]. Quốc hội (2015), *Bộ luật dân sự*, Hà Nội.
- [11]. Quốc hội (1992), *Hiến pháp*, Hà Nội.
- [12]. Chiến dịch tôi đồng ý, “Love is love, vì mọi tình yêu đều bình đẳng”.
- <https://toidongy.vn/>
- [13]. Bộ y tế (2022), Công văn v/v chấn chỉnh công tác khám bệnh, chữa bệnh đối với người đồng tính, song tính và chuyển giới.
- [14]. Bách khoa toàn thư mở, “Hôn nhân cùng giới”, https://vi.wikipedia.org/wiki/Hôn_nhân_cùng_giới
- [15]. Chính trị, “Toàn văn bản Tuyên ngôn độc lập”, <https://vietnamnet.vn/toan-van-ban-tuyen-ngon-doc-lap-771240.html>
- [16]. Bài luận về cộng đồng LGBT trên toàn thế giới, <https://www.studocu.com/vn/document/truong-dai-hoc-van-lang/ki-nang-mem/nguyen-cuu-ve-cong-dong-lgbtq-tren-toan-the-gioi/25871958>
- [17]. Bách khoa toàn thư mở, “Dòng thời gian của hôn nhân cùng giới”, https://vi.wikipedia.org/wiki/Dòng_thời_gian_của_hôn_nhân_cùng_giới
- [18]. Khái niệm quyền con người và nội dung của quyền con người <https://thuvienphapluat.vn/chinh-sach-phap-luat-moi/vn/ho-tro-phap-luat/tu-van-phap-luat/55505/quyen-con-nguoi-la-gi-noi-dung-cua-hien-phap-ve-quyen-con-nguoi>
- [19]. Giáo trình về Quyền con người <http://www.nhanquyen.vn/modules.php?name=News&op=detailsnews&mid=61&mci d=6>

[20] Người đồng giới là gì?

<https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/nguoi-dong-gioi-la-ginguai-dong-gioi-dang-ky-ket-hon-co-duoc-phap-luat-cong-nhan-hay-khong-2321.html>

[21] Một số ý kiến về vấn đề hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới tại Việt Nam

<https://tailieuebook.com/mot-so-y-kien-ve-van-de-hop-phap-hoa-hon-nhan-dong-gioi-tai-viet-nam-7706/>

[22] Phùng Thanh Loan “Thừa nhận hôn nhân đồng giới tại Việt Nam: Cơ sở lý luận đánh giá tác động và kinh nghiệm từ các quốc gia”

PHỤ LỤC

- 1. Phiếu khảo sát**
- 2. Báo cáo kết quả khảo sát**

PHIẾU KHẢO SÁT

ĐỀ TÀI: “HỢP PHÁP HÓA HÔN NHÂN ĐỒNG GIỚI TẠI VIỆT NAM”

PHẦN THÔNG TIN CÁ NHÂN

Câu 1: Vui lòng cho chúng tôi biết tuổi của bạn?

Dưới 18

Từ 18 tuổi đến 30 tuổi

Từ 30 tuổi đến 45 tuổi

Trên 45 tuổi

Câu 2: Vui lòng cho chúng tôi biết giới tính của bạn? *

Nam

Nữ

Khác

Câu 3: Vui lòng cho chúng tôi biết nghề nghiệp của bạn?

Học sinh/Sinh viên

Cơ quan nhà nước

Buôn bán/Kinh doanh

Công nhân

Tự do

Mục khác:

Câu 4: Vui lòng cho chúng tôi biết tôn giáo của bạn?

Công Giáo

Phật Giáo

Không

Mục khác:

Câu 5: Vui lòng cho chúng tôi biết tình trạng hôn nhân của bạn?

Đã kết hôn

Chưa kết hôn

Mục khác:

Câu 6: Bạn có phải là người đồng giới không?*

Có (Vui lòng chuyển sang câu 7)

Không (Vui lòng bỏ qua câu 7)

Câu 7: Bạn tự nhận mình là:

Đồng tính nữ (lesbian)

Đồng tính nam (gay)

Song tính (bisexual)

Chuyển giới (transgender)

NHẬN THỨC, THÁI ĐỘ CỦA BẠN ĐỐI VỚI NGƯỜI ĐỒNG GIỚI

Câu 1: Bạn đã từng tiếp xúc với người đồng giới chưa?*

Đã từng

Chưa từng

Câu 2: Bạn biết người đồng giới thông qua:

Biết từ chính người đồng giới

Biết từ bạn bè, đồng nghiệp, hàng xóm

Biết từ người thân, họ hàng nói lại

Biết qua các cuộc họp, sinh hoạt tập thể

Qua sách báo, phim ảnh, loa đài, TV, Internet

Không biết/ Không trả lời

Câu 3: Quan điểm của bạn về người đồng giới:

Bạn vui lòng cho biết mức độ đồng ý đối với các nhận định dưới đây theo điểm thang đo như sau:

1. Không đồng ý

2. Không ý kiến

3. Đồng ý

- Người đồng giới là người có xu hướng tính dục khác với người dị tính, còn lại họ vẫn như những người dị tính khác
- Người đồng giới là bệnh, không nên tiếp xúc vì có thể lây bệnh
- Người đồng giới là người bị rối loạn tâm lý hay vấn đề cảm xúc
- Đồng giới là bệnh và có thể chữa được
- Người đồng tính dễ mắc các bệnh lây truyền qua đường tình dục hơn người dị tính
- Người đồng giới là người có xu hướng tính dục khác với người dị tính, còn lại họ vẫn như những người dị tính khác
- Người đồng giới là bệnh, không nên tiếp xúc vì có thể lây bệnh
- Người đồng giới là người bị rối loạn tâm lý hay vấn đề cảm xúc
- Đồng giới là bệnh và có thể chữa được
- Người đồng tính dễ mắc các bệnh lây truyền qua đường tình dục hơn người dị tính

Câu 4: Bạn nghĩ gì về người đồng giới? (Có thể chọn nhiều đáp án)*

Hoà đồng, thân thiện

Dễ thương

Cá tính

Kì cục

Đáng ghê tởm

Bình thường

Mục khác:

Câu 5: Bạn có thấy thoải mái khi (nếu) tiếp xúc với người đồng giới không?

Rất thoải mái

Thoải mái

Bình thường

Không thoải mái

Rất không thoải mái

Câu 6: Khi thấy hành động thân thiết diễn ra giữa 2 bạn là người đồng giới ở nơi công cộng (chẳng hạn như nắm tay, ôm, hôn,..) bạn cảm thấy như thế nào?

Rất bình thường

Bình thường

Không bình thường

Rất không bình thường

Không ý kiến

Câu 7: Nếu một ngày vô tình bạn phát hiện ra bạn bè hoặc người thân trong gia đình bạn là người đồng giới, bạn có chấp nhận họ không?

Chấp nhận, ủng hộ

Không ý kiến

Kỳ thị, xa lánh

Câu 8: Quan điểm của bạn về người đồng giới?*

Thái độ thấu hiểu, chia sẻ với vấn đề của người đồng giới và cho rằng hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới (HNĐG) sớm đảm bảo quyền của các cặp đôi đồng giới

Không ý kiến

Luôn có thái độ không thiện cảm với những người đồng giới và phản đối HNĐG

Thỉnh thoảng có thái độ không thiện cảm với người đồng giới, quan ngại về HNĐG

Câu 9: Quan điểm của bạn về việc pháp luật công nhận hôn nhân đồng giới?*

Ủng hộ

Phân vân

Không ủng hộ

Không quan tâm

Không biết

Câu 10: Quan điểm của bạn về tác động của việc hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới tại Việt Nam?

Bạn vui lòng cho biết mức độ đồng ý đối với các nhận định dưới đây theo điểm thang đo như sau:

1. Không đồng ý

2. Không ý kiến

3. Đồng ý

- Người đồng giới được sống thật
- Đảm bảo về quyền con người
- Giảm định kiến xã hội đối với người đồng giới
- Tạo nên trào lưu sống chung cùng giới
- Không duy trì được nòi giống
- Sẽ làm tăng tỷ lệ người đồng giới
- Người đồng giới được sống thật
- Đảm bảo về quyền con người
- Giảm định kiến xã hội đối với người đồng giới
- Tạo nên trào lưu sống chung cùng giới
- Không duy trì được nòi giống

- Sẽ làm tăng tỷ lệ người đồng giới

Câu 11: Vui lòng cho biết quan điểm của bạn về quyền của các cặp đôi đồng giới khi được hợp pháp hóa hôn nhân:

Bạn vui lòng cho biết mức độ đồng ý đối với các nhận định dưới đây theo điểm thang đo như sau:

1. Không đồng ý

2. Không ý kiến

3. Đồng ý

- Thay mặt đôi phương thực hiện thủ tục hành chính
- Cùng nhận con nuôi và nuôi con
- Sở hữu tài sản chung
- Thừa kế tài sản
- Yêu cầu tòa án giải quyết chấm dứt sống chung
- Không nên công nhận quyền nào cả
- Thay mặt đôi phương thực hiện thủ tục hành chính
- Cùng nhận con nuôi và nuôi con
- Sở hữu tài sản chung
- Thừa kế tài sản
- Yêu cầu tòa án giải quyết chấm dứt sống chung
- Không nên công nhận quyền nào cả

Câu 12: Bạn có suy nghĩ gì về tương lai của một đứa bé được nhận nuôi bởi cặp đôi đồng giới?

Hoàn toàn bình thường, đứa trẻ chỉ bị ảnh hưởng bởi tình yêu thương chứ không bị ảnh hưởng bởi giới tính của bố mẹ

Nó không bình thường, đứa trẻ sẽ bị ảnh hưởng rất nhiều từ bố mẹ là cặp đôi đồng giới, làm cho trẻ bị bối rối về giới tính và hành động, gây ảnh hưởng đến trẻ trong tương lai

Không có ý kiến

Câu 13: Bạn cảm thấy vì sao một số bộ phận trong xã hội vẫn còn kì thị cộng đồng này?

Thông tin về người đồng giới cũng như tình yêu đồng giới chưa được lan truyền đúng cách để mọi người hiểu và thông cảm

Cách xử sự của một số bộ phận trong cộng đồng hơi "quá"

Do văn hóa của người Việt từ xưa đến nay có ảnh hưởng quá sâu sắc

Một vài người không muốn thay đổi cách suy nghĩ

Do tôn giáo của họ không ủng hộ (họ tôn trọng tôn giáo nên theo suy nghĩ như vậy)

Mục khác:

Câu 14: Những hành vi kì thị với người đồng giới mà bạn hay thấy/bắt gặp, hoặc trải qua?

Chế giễu, đùa cợt

Xa lánh

Bạo lực

Sỉ nhục

Nhại (Bắt chước) lại hành động

Mục khác:

Câu 15: Quan điểm của bạn về những "thiệt thòi" của người đồng giới:

Bạn vui lòng cho biết mức độ đồng ý đối với các nhận định dưới đây theo điểm thang đo như sau:

1. Không đồng ý

2. Không ý kiến

3. Đồng ý

- Người đồng giới bị hạn chế quyền kết hôn
- Người đồng giới luôn phải chịu sự kỳ thị, phán xét của người xung quanh
- Người đồng giới là tâm điểm của những vụ bạo lực
- Người đồng giới thường bị phân biệt đối xử
- Người đồng giới bị hạn chế tham gia quân đội và làm việc trong nhà nước
- Người đồng giới thường bị chèn ép trong công việc, thậm chí là bị sa thải
- Người đồng giới bị thiếu những biện pháp bảo vệ
- Người đồng giới thường gặp khó khăn trong việc lập gia đình
- Người đồng giới bị hạn chế quyền kết hôn
- Người đồng giới luôn phải chịu sự kỳ thị, phán xét của người xung quanh
- Người đồng giới là tâm điểm của những vụ bạo lực
- Người đồng giới thường bị phân biệt đối xử
- Người đồng giới bị hạn chế tham gia quân đội và làm việc trong nhà nước
- Người đồng giới thường bị chèn ép trong công việc, thậm chí là bị sa thải
- Người đồng giới bị thiếu những biện pháp bảo vệ
- Người đồng giới thường gặp khó khăn trong việc lập gia đình

Câu 16: Bạn đã từng tham dự hoặc thấy đám cưới của những người đồng giới thông qua các thông tin đại chúng chưa?*

Đã thấy

Chưa từng thấy

ĐÓNG GÓP Ý KIẾN

Câu 1: Bạn nghĩ như nào về việc đẩy mạnh giáo dục đa dạng giới tính ở bậc phổ thông?

Hoàn toàn đồng ý

Đồng ý

Không ý kiến

Không đồng ý

Hoàn toàn không đồng ý

Câu 2: Quan điểm của bạn khi mà Việt Nam không công nhận hôn nhân đồng giới:

Không bảo đảm quyền bình đẳng của người đồng giới

Không được pháp luật bảo vệ về quyền kết hôn của người đồng giới

Không được bảo đảm về quyền và nghĩa vụ với con cái của người đồng giới

Làm người đồng giới bị cô lập khỏi cộng đồng

Người đồng giới dễ mắc các bệnh tâm lý dẫn đến tự tử

Làm người đồng giới khó tiếp cận với dịch vụ y tế (do e ngại sợ bị kỳ thị)

Câu 3: Theo bạn, trong thời gian tới, nhà nước Việt Nam có cần thiết đưa một số Luật/chính sách về quyền đối với người đồng giới dưới đây không? Bạn vui lòng cho biết mức độ đồng ý đối với các nhận định dưới đây theo điểm thang đo như sau:

1. Hoàn toàn không đồng ý

2. Không đồng ý

3. Bình thường

4. Đồng ý

5. Hoàn toàn đồng ý

- Luật chống bắt nạt, luật chống phân biệt đối xử ở trẻ em, học sinh và sinh viên người đồng giới
- Luật chống bắt nạt, luật chống phân biệt đối xử về việc làm và nhà ở
- Luật tăng cường các hình phạt hình sự đối với các hành vi thành kiến, bạo lực đối với người người đồng giới
- Hợp pháp hóa hôn nhân và công nhận các cặp vợ chồng đồng giới, chuyển giới
- Việc nhận con nuôi của các cặp vợ chồng cùng giới, chuyển giới
- Mang thai hộ thương mại cho các cặp đồng tính nam
- Đẩy mạnh giáo dục về giới tính và bản dạng giới
- Luật chống bắt nạt, luật chống phân biệt đối xử ở trẻ em, học sinh và sinh viên người đồng giới
- Luật chống bắt nạt, luật chống phân biệt đối xử về việc làm và nhà ở
- Luật tăng cường các hình phạt hình sự đối với các hành vi thành kiến, bạo lực đối với người người đồng giới
- Hợp pháp hóa hôn nhân và công nhận các cặp vợ chồng đồng giới, chuyển giới
- Việc nhận con nuôi của các cặp vợ chồng cùng giới, chuyển giới
- Mang thai hộ thương mại cho các cặp đồng tính nam
- Đẩy mạnh giáo dục về giới tính và bản dạng giới

Câu 4:

Bạn vui lòng cho biết mức độ đồng ý đối với các nhận định dưới đây theo điểm thang đo như sau:

1. Hoàn toàn không đồng ý

2. Không đồng ý

3. Bình thường

4. Đồng ý

5. Hoàn toàn đồng ý

- Hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới không ảnh hưởng gì đến xã hội.
- Khả năng nuôi dạy con cái của các cặp đôi đồng giới không ảnh hưởng đến sự phát triển tâm lý của con trẻ và không liên quan đến xu hướng tính dục của phụ huynh.

- Trẻ lớn lên với gia đình có hai bố hoặc hai mẹ cũng có nhận thức, cảm xúc, hoạt động xã hội và tình dục như các trẻ có bố mẹ là người dị tính.
- Sự phát triển và hạnh phúc của con trẻ phụ thuộc vào sự hòa hợp và hợp tác của những người lớn trong gia đình mà không phụ thuộc vào bố mẹ khác giới hay cùng giới.
- Trẻ em lớn lên trong gia đình cùng giới không chịu ảnh hưởng tiêu cực so với trẻ em lớn lên trong gia đình khác giới.
- Hôn nhân cùng giới cũng giống như hôn nhân truyền thống, đều dựa trên tình yêu và sự cam kết gắn bó lâu dài.
- Các cặp đôi đồng giới nên có quyền được thừa nhận hôn nhân bình đẳng như những người khác.
- Hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới sẽ giúp các cặp đôi đồng giới được gia đình và xã hội chấp nhận, từ đó giúp họ có cuộc sống tích cực và đóng góp cho xã hội nhiều hơn.
- Hợp pháp hóa HNĐG sẽ giúp người đồng giới có thể tham gia vào những cuộc hôn nhân phù hợp và giúp xã hội giảm được tình trạng hôn nhân giả tạo, cưỡng ép.
- Người đồng giới học tập, làm việc và chung tay phát triển cho đất nước (hoa hậu, doanh nhân là người đồng giới).
- Công nhận hôn nhân đồng giới góp phần củng cố chế độ hôn nhân gia đình của Việt Nam và thành tựu bình đẳng giới.
- Hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới không ảnh hưởng gì đến xã hội.
- Khả năng nuôi dạy con cái của các cặp đôi đồng giới không ảnh hưởng đến sự phát triển tâm lý của con trẻ và không liên quan đến xu hướng tính dục của phụ huynh.
- Trẻ lớn lên với gia đình có hai bố hoặc hai mẹ cũng có nhận thức, cảm xúc, hoạt động xã hội và tình dục như các trẻ có bố mẹ là người dị tính.
- Sự phát triển và hạnh phúc của con trẻ phụ thuộc vào sự hòa hợp và hợp tác của những người lớn trong gia đình mà không phụ thuộc vào bố mẹ khác giới hay cùng giới.
- Trẻ em lớn lên trong gia đình cùng giới không chịu ảnh hưởng tiêu cực so với trẻ em lớn lên trong gia đình khác giới.
- Hôn nhân cùng giới cũng giống như hôn nhân truyền thống, đều dựa trên tình yêu và sự cam kết gắn bó lâu dài.
- Các cặp đôi đồng giới nên có quyền được thừa nhận hôn nhân bình đẳng như những người khác.
- Hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới sẽ giúp các cặp đôi đồng giới được gia đình và xã hội chấp nhận, từ đó giúp họ có cuộc sống tích cực và đóng góp cho xã hội nhiều hơn.
- Hợp pháp hóa HNĐG sẽ giúp người đồng giới có thể tham gia vào những cuộc hôn nhân phù hợp và giúp xã hội giảm được tình trạng hôn nhân giả tạo, cưỡng ép.

- Người đồng giới học tập, làm việc và chung tay phát triển cho đất nước (hoa hậu, doanh nhân là người đồng giới).
- Công nhận hôn nhân đồng giới góp phần củng cố chế độ hôn nhân gia đình của Việt Nam và thành tựu bình đẳng giới

BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT

Về việc lý ý kiến các nội dung liên quan đến đề tài “*Hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới tại Việt Nam*”

1. THÔNG TIN CHUNG

- **Mục đích:** nhằm thu thập thông tin liên quan đến hiểu biết về người đồng giới và hôn nhân đồng giới tại Việt Nam từ đó đề xuất các kiến nghị nhằm hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới tại Việt Nam.

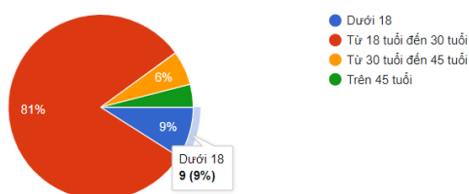
- **Nội dung khảo sát:** Thu thập thông tin phản hồi từ cộng đồng về người đồng giới và hôn nhân đồng giới tại Việt Nam

- **Phương pháp khảo sát:** Khảo sát theo hình thức trực tuyến thông qua ứng dụng biểu mẫu Google. Nhóm nghiên cứu gửi đường dẫn đến phiếu khảo sát qua đường dẫn: https://docs.google.com/forms/d/1IQ11N8_NvsT_3PRb87UqFoG09nYH6HwtMS5kcX25B80/edit

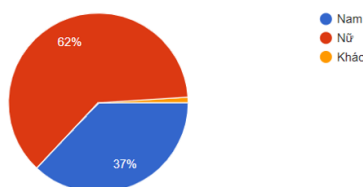
- **Thời gian thu thập khảo sát:** Từ tháng 01 đến tháng 3 năm 2024

2. KẾT QUẢ KHẢO SÁT

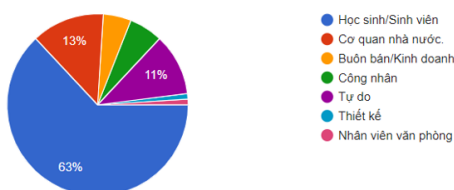
- **Số phiếu phản hồi:** 100 phiếu



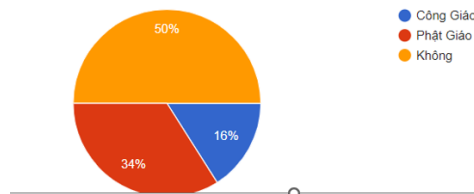
Biểu đồ 1. Độ tuổi khảo sát



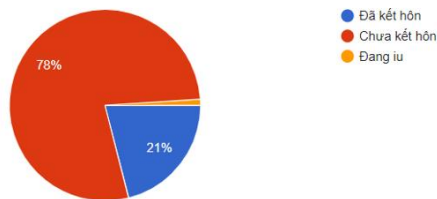
Biểu đồ 2. Giới tính người trả lời khảo sát



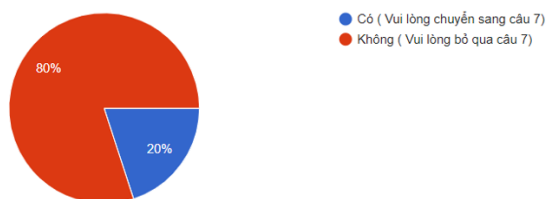
Biểu đồ 3. Nghề nghiệp của người trả lời khảo sát



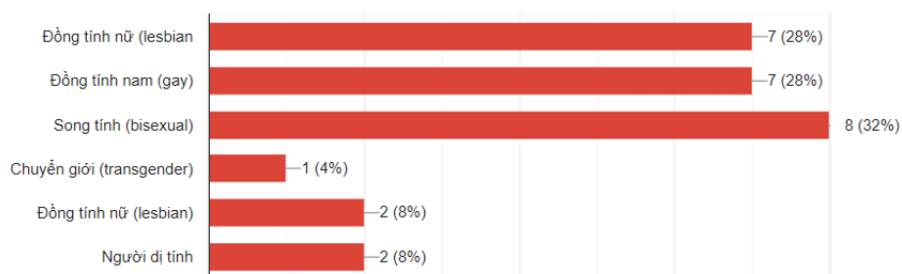
Biểu đồ 4. Tôn giáo của người trả lời khảo sát



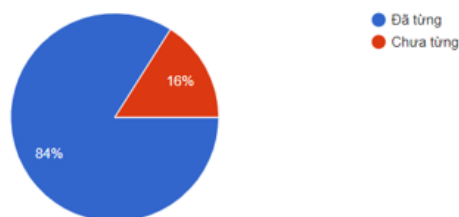
Biểu đồ 5. Tình trạng hôn nhân



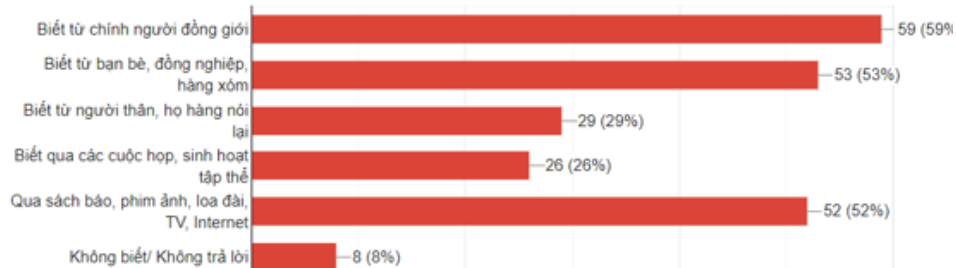
Biểu đồ 6. Số người LGBT trong số người tham gia khảo sát



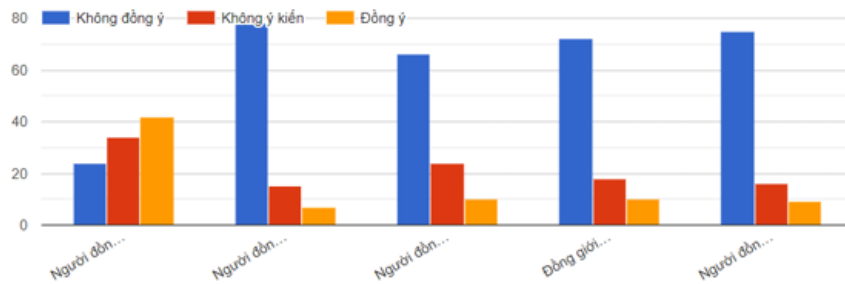
Biểu đồ 7. Các “giới” cụ thể trong số người LGBT tham gia khảo sát



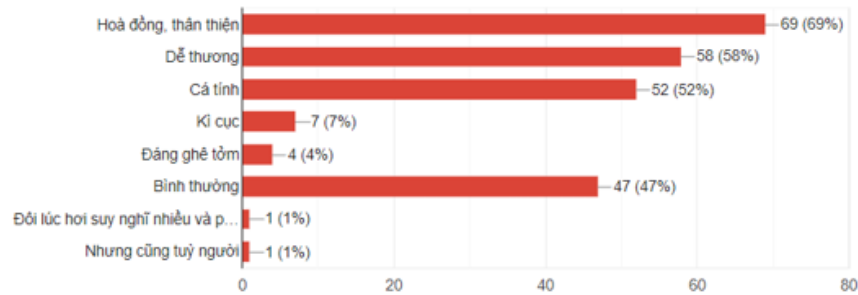
Biểu đồ 8. Thống kê số người tham gia khảo sát từng tiếp xúc với người LGBT



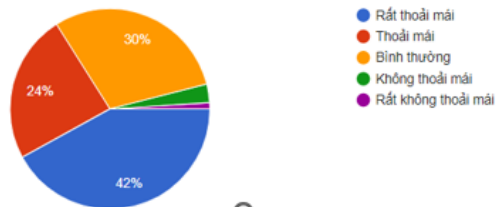
Biểu đồ 9. Thống kê phương thức mà người khảo sát biết về người LGBT



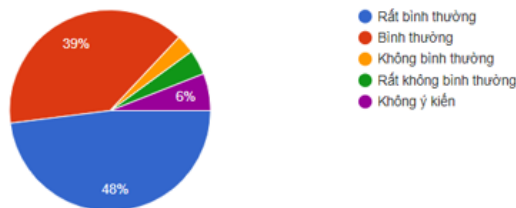
Biểu đồ 10. Thống kê quan điểm của người khảo sát liên quan đến người LGBT



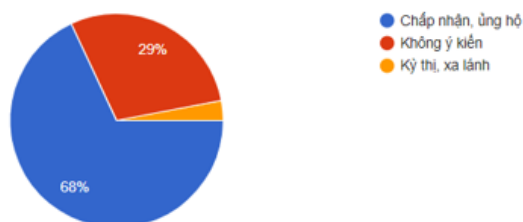
Biểu đồ 11. Suy nghĩ của người khảo sát liên quan đến người LGBT



Biểu đồ 12. Cảm nhận khi tiếp xúc với người LGBT



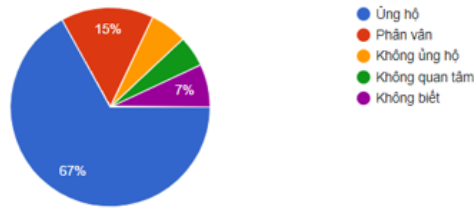
Biểu đồ 13. Cảm nhận khi thấy hành động thân thiết diễn ra giữa những người đồng giới nơi công cộng



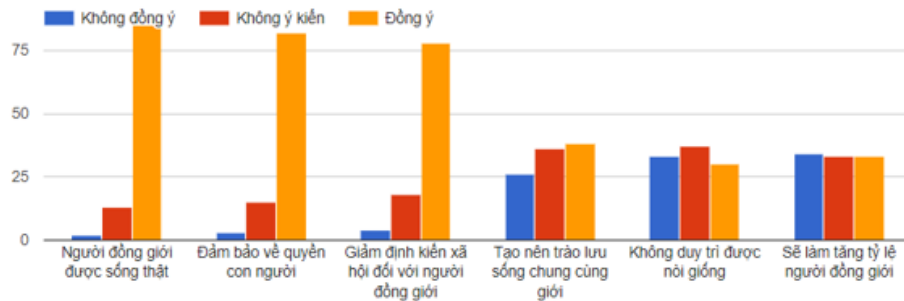
Biểu đồ 14. Quan điểm khi phát hiện người thân xung quanh là người LGBT



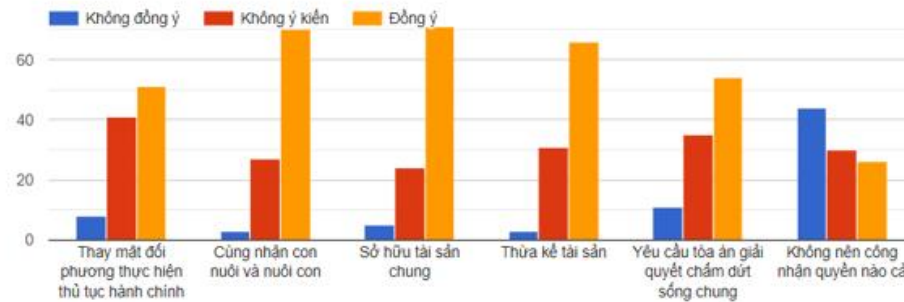
Biểu đồ 15. Quan điểm về người đồng giới



Biểu đồ 16. Quan điểm về việc pháp luật công nhận hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới tại Việt Nam



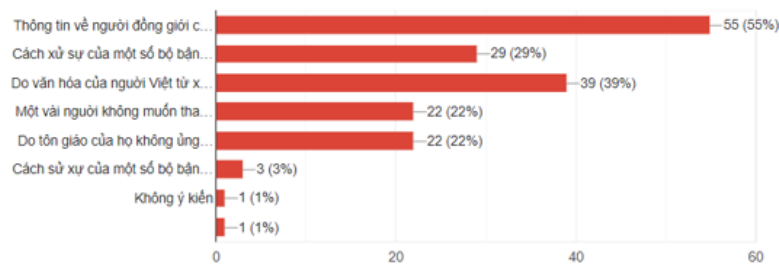
Biểu đồ 17. Quan điểm tác động của việc hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới tại Việt Nam



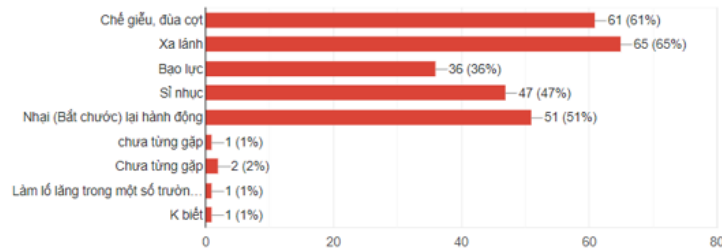
Biểu đồ 18. Quan điểm về quyền của các cặp đôi đồng giới khi được hợp pháp hóa hôn nhân



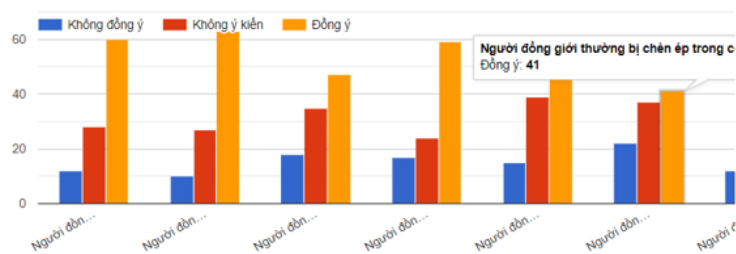
Biểu đồ 19. Quan điểm về tương lai của đứa trẻ được nhận nuôi bởi cặp đôi đồng giới



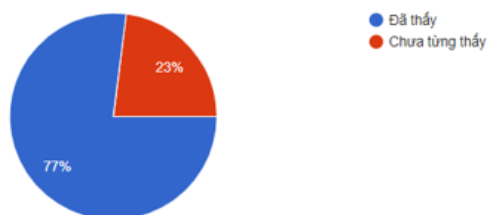
Biểu đồ 20. Quan điểm về một số bộ phận trong xã hội vẫn còn kỳ thị cộng đồng LGBT



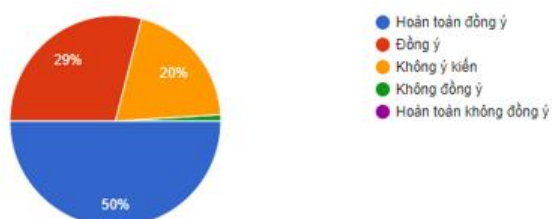
Biểu đồ 21. Quan điểm về những hành vi kỳ thị mà người đồng giới bắt gặp hay trải qua



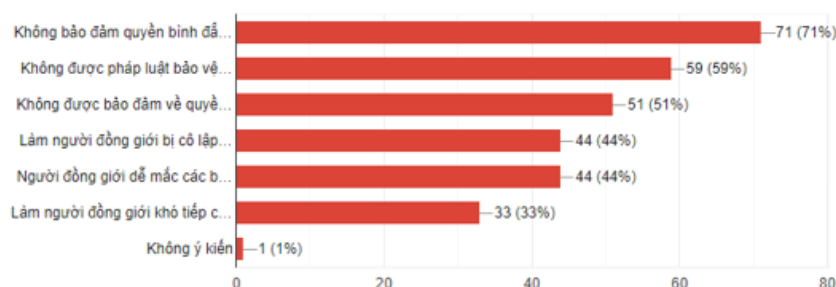
Biểu đồ 22. Quan điểm về những thiệt thòi của người đồng giới



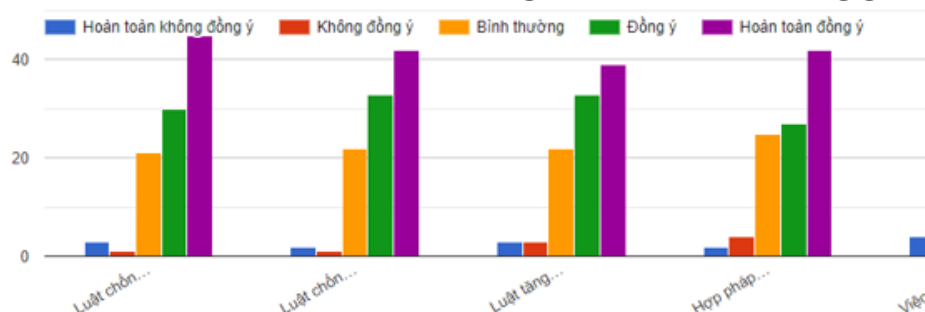
Biểu đồ 23. Quan điểm về việc bạn đã từng thấy hoặc tham gia đám cưới của người đồng giới thông qua các thông tin đại chúng



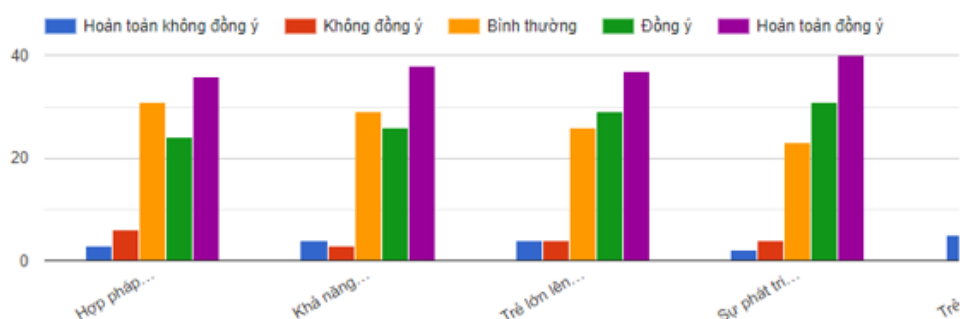
Biểu đồ 24. Quan điểm về việc đẩy mạnh giáo dục đa dạng giới tính ở bậc phổ thông



Biểu đồ 25. Quan điểm khi mà Việt Nam công nhận hôn nhân đồng giới



Biểu đồ 26. Quan điểm về việc đưa ra một số luật/chính sách về quyền đối với người đồng giới



Biểu đồ 27. Quan điểm về một số nhận định dưới đây theo thang đo

3. KẾT LUẬN KHẢO SÁT

Qua kết quả khảo sát cho thấy đối tượng tham gia khảo sát chủ yếu ở độ tuổi 18 – 30 tuổi chiếm 81% (biểu đồ 1) giới tính tham gia chủ yếu là giới tính nữ với tỉ lệ chiếm 62% trong khi đó giới tính nam chỉ chiếm 37% (biểu đồ 2). Nghề nghiệp là học sinh, sinh viên chiếm 63%, cơ quan nhà nước chiếm 13%, nghề nghiệp tự do là 11% còn lại là các nghề nghiệp khác (biểu đồ 3). Trong đó số người đồng giới chiếm 20% (biểu đồ 6) điều này cho thấy số lượng người đồng giới chiếm một tỷ lệ không hề nhỏ vì vậy việc yêu cầu đòi hỏi về việc hợp pháp hoá hôn nhân đồng giới là cần thiết.

Khi khảo sát về việc bạn đã từng tiếp xúc với người đồng giới chưa? Phần lớn số người tham gia khảo sát đã từng tiếp xúc với người đồng giới với tỷ lệ chiếm 84% còn chỉ có 16% chưa từng tiếp xúc với người đồng giới (biểu đồ 8). Tuy nhiên với tỷ lệ người từng tiếp xúc với người đồng giới cao như vậy nhưng số người chưa hiểu về đồng giới hay hôn nhân đồng giới lại chiếm một tỷ lệ cao đáng kể với 7% số người tham gia khảo sát cho rằng đây là bệnh, 15% không biết. Ngoài ra số người cho rằng người đồng giới là bệnh tâm lý có thể chữa được chiếm 10% số người không biết chiếm 18% (biểu đồ 9) Điều này đang cho thấy nhận thức của mọi người về đồng giới hay hôn nhân đồng giới đang không quá cao. Tỷ lệ số người tham gia khảo sát không chấp nhận hôn nhân đồng giới 6% (biểu đồ 16) tương đương với số người tham gia khảo sát chưa hiểu về đồng giới. Phải chăng số người phản đối đang chưa hiểu về đồng giới nên họ mới phản đối việc hợp pháp hoá hôn nhân đồng giới vì có tới 53% người tham gia khảo sát biết về người đồng giới thông qua bạn bè, đồng nghiệp hoặc hàng xóm (biểu đồ 9).

Mặc dù có sự chia rẽ trong quan điểm về việc hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới nhưng có tỷ lệ lớn với 67% ủng hộ việc này (biểu đồ 16). Đồng thời, hầu hết người tham gia khảo sát cảm thấy thoải mái 24% hoặc rất thoải mái 42% và 30% cảm thấy bình thường chỉ có 4% cảm thấy không thoải mái khi tiếp xúc với người đồng giới (biểu đồ 12). Khi tiếp xúc với người đồng giới và có tới 71% người tham gia khảo sát cho rằng việc không hợp pháp hoá hôn nhân đồng giới tại Việt Nam sẽ không đảm bảo quyền bình đẳng của người giới, 44% cho rằng người đồng giới dễ mắc bệnh tâm lý dẫn đến tự tử (biểu đồ 25).

Với lo ngại của xã hội hiện nay về việc hôn nhân đồng giới có ảnh hưởng gì tới xã hội hay con cái được nuôi bởi người đồng giới không thì theo phiếu khảo sát của nhóm nghiên cứu có 60% cho rằng hợp pháp hoá hôn nhân đồng giới không ảnh hưởng tới xã hội và 36% cho rằng điều này hoàn toàn bình thường với xã hội hiện đại (biểu đồ 27). Đó là lý do tại sao nhóm nghiên cứu về pháp luật hôn nhân đồng giới tại Việt Nam, nhằm mang lại cái nhìn sâu sắc và rõ ràng hơn cho mọi người khắc phục những cái nhìn sai lệch về người đồng giới, cũng như hỗ trợ người đồng tính sống tự do và không bị phân biệt đối xử trong xã hội.